

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

MAI THỊ THANH LAN

ĐẶC ĐIỂM THƠ PHẠM NGỌC CẢNH

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

THÁI NGUYÊN - 2017

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

MAI THỊ THANH LAN

ĐẶC ĐIỂM THƠ PHẠM NGỌC CẢNH

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã ngành: 60.22.01.21

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. LƯU KHÁNH THƠ

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS. Lưu Khánh Thơ. Các nội dung nghiên cứu, kết quả nghiên cứu trong công trình này là trung thực và chưa công bố dưới bất kì hình thức nào.

Tác giả luận văn

Mai Thị Thanh Lan

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới người hướng dẫn khoa học - PGS.TS. Lưu Khánh Thơ - người thầy đã nhiệt tình, tận tâm hướng dẫn tôi hoàn thành luận văn thạc sỹ. Đồng cảm ơn các thầy giáo, cô giáo trong khoa Văn học, phòng Đào tạo - Bộ phận Sau đại học - trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, các thầy cô giáo thuộc Viện Văn học đã giảng dạy và tạo điều kiện giúp đỡ.

Xin chân thành cảm ơn những người thân, bạn bè, đồng nghiệp đã khích lệ, giúp đỡ, động viên tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2017

Tác giả luận văn

Mai Thị Thanh Lan

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	1
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	v
MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Lịch sử vấn đề	2
3. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu	5
4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu	5
5. Phạm vi nghiên cứu	6
6. Đóng góp của luận văn	6
7. Cấu trúc của luận văn	6
Chương 1. THẾ HỆ NHÀ THƠ CHỐNG MỸ VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TÁC CỦA NHÀ THƠ PHẠM NGỌC CẢNH	7
1.1. Thế hệ nhà thơ chống Mỹ	7
1.1.1. Khái quát thơ kháng chiến chống Mỹ cứu nước	7
1.1.2. Thế hệ nhà thơ chống Mỹ	10
1.2. Sự nghiệp sáng tác thơ của Phạm Ngọc Cảnh	12
1.2.1. Tiểu sử nhà thơ	12
1.2.2. Sự nghiệp sáng tác thơ	14
Chương 2. CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO VÀ CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ PHẠM NGỌC CẢNH	25
2.1. Cảm hứng chủ đạo trong thơ Phạm Ngọc Cảnh	25
2.1.1. Cảm hứng về đất nước, quê hương	26
2.1.2. Cảm hứng về chiến tranh	33
2.1.3. Cảm hứng thế sự, đời tư	40
2.2. Cái tôi trữ tình trong thơ Phạm Ngọc Cảnh	50
2.2.1. Cái tôi người lính	50
2.2.2. Cái tôi tình yêu	63

Chương 3. ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT TRONG THƠ PHẠM NGỌC CẢNH...	72
3.1. Thể thơ	72
3.1.1 Thơ tự do	72
3.1.2. Thơ lục bát.....	75
3.1.3. Thơ văn xuôi.....	78
3.2. Giọng điệu thơ	80
3.2.1. Giọng tâm tình sâu lắng.....	81
3.2.2. Giọng thơ xót xa, ngậm ngùi	84
3.2.3. Giọng suy tư, triết lý.....	86
3.3. Ngôn ngữ thơ	88
3.3.1. Ngôn ngữ giản dị, gần gũi với đời thường	89
3.3.2. Ngôn ngữ mang màu sắc tượng trưng	91
KẾT LUẬN	97

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Nxb: Nhà xuất bản

Cách chú thích tài liệu trích dẫn: số thứ tự tài liệu đứng trước, số trang đứng sau: Ví dụ [10, tr.15] nghĩa là số thứ tự của tài liệu trong mục Tài liệu tham khảo là 10, nhận định trích dẫn nằm ở trang 15 của tài liệu này.

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Công cuộc kháng chiến chống Mỹ trường kì của dân tộc là nguồn cảm hứng, là đề tài vô tận trong văn chương, đặc biệt là trong thơ ca. Sự phát triển mạnh mẽ của thơ ca thời kì này, trước hết là sự đóng góp đông đảo của đội ngũ các nhà thơ. Trong số đó phải kể tới những cây bút tiêu biểu như: Tố Hữu, Chế Lan Viên, Chính Hữu, Nguyễn Đình Thi, Xuân Quỳnh, Bằng Việt... Những vần thơ ca của họ đã phản ánh khá rõ nét và sâu sắc hiện thực của cuộc chiến tranh. Đồng thời còn là những lời ca bất hủ về tình yêu Tổ quốc, nhân dân và chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Qua những lời thơ ca này, người đọc nhận thức sức mạnh vô tận, phẩm chất kiên trung tuyệt vời và sự hy sinh lớn lao của con người Việt Nam trong kháng chiến. Đây cũng là động lực lớn tác động đến tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về Tổ quốc anh dũng, kiên cường của nhân dân Việt Nam.

Là một trong số những nhà thơ thuộc lớp đầu của thế hệ thơ chống Mỹ, Phạm Ngọc Cảnh đã có nhiều đóng góp với văn học giai đoạn này. Ông yêu thơ và đến với thơ như một cái duyên ngầm nhưng rất sung sức, đầy tâm huyết mà tài hoa. Cho đến nay, Phạm Ngọc Cảnh đã in hàng chục tập thơ. Tiêu biểu là các tập như: Gió vào trận bão (in chung với Ngô Văn Phú, Hoài Anh - 1967); Đêm Quảng Trị (bút danh Vũ Ngân Chi - 1972); Ngọn lửa dòng sông (1976); Lối vào phía bắc (1982); Trăng sau rằm (1985); Nhật lá (1995)... Chính vì vậy mà năm 2007, nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh đã được tặng giải thưởng nhà nước về văn học nghệ thuật. Một cây bút có tài, có tâm, một sự đóng góp không nhỏ đối với nền văn học nước nhà như nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh cần phải được nghiên cứu, tìm hiểu trên một diện rộng, bao gồm cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Chính vì vậy mà chúng tôi chọn đề tài: "***Đặc điểm thơ Phạm Ngọc Cảnh***" để nghiên cứu, tìm hiểu, khẳng định vị trí, đóng góp của Phạm Ngọc Cảnh với thơ ca Việt Nam hiện đại nói chung và thế hệ những nhà thơ chống Mỹ nói riêng trong tiến trình văn học Việt Nam hiện đại.

2. Lịch sử vấn đề

Thông qua lịch trình nghiên cứu về thơ Phạm Ngọc Cảnh, chúng tôi nhận thấy đã có nhiều bài viết về nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh. Tuy nhiên, sự xuất hiện của những công trình nghiên cứu lớn về ông chưa có mà tất cả những bài viết về Phạm Ngọc Cảnh, mới dừng lại ở việc giới thiệu khái quát về cuộc đời, về thơ Phạm Ngọc Cảnh. Những bài viết đó được in, đăng riêng lẻ trong một số sách, bài báo, tạp chí.

Phạm Ngọc Cảnh được biết đến bởi trước khi với danh nghĩa là một nhà thơ thì ông là một diễn viên đầy tài năng của đoàn kịch Quân đội. Tuy nhiên trong lời Tự bạch (bài viết về Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh, đăng trên báo văn hóa Nghệ An ngày 21 tháng 10/2014) ông đã từng bộc lộ *“Nhưng phía sau các vai diễn là lớp son phấn, là sự hóa thân kì diệu... tôi vẫn là tôi. Vẫn muốn có tiếng nói riêng của mình. Một thứ tiếng nói có thể đối thoại tiếp với một người. Không cần hai cánh màn khép mở. Không cần cái khung kịch bản văn học, kịch bản đạo diễn. Không đợi lên đèn.”*; *“ Rời bầu trời thơ ca mênh mông, cánh rùng thơ ca thăm thẳm, cuộc tìm kiếm thơ ca đầy quyến rũ và không bị trói buộc ấy là của tôi”*.

Nhà văn Đỗ Minh Tuấn trong bài Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh đăng báo văn hóa Nghệ An tháng 10/2014 nhận định: *“Phạm Ngọc Cảnh là một trong những người đầu tiên trong lớp nhà thơ, nhà văn chống Mỹ trần trở, tìm tòi về đổi mới, về thi pháp. Thơ anh, một thời cũng bị một số người coi là cầu kì, khó hiểu nhưng được nhiều bạn trẻ yêu thích, trân trọng”* [59].

Trong sách Nghệ Tĩnh - gương mặt nhà văn hiện đại, Nxb Văn hóa, 1990 có bài viết Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh của Lưu Khánh Thơ, trong đó có nhận xét: *“Đọc thơ Phạm Ngọc Cảnh, dễ nhận thấy anh là người chịu khó tìm tòi, luôn cố gắng đổi mới giọng điệu, dẫu rằng sự tìm kiếm đó không phải lúc nào cũng đạt hiệu quả. Cùng với thời gian, ngòi bút Phạm Ngọc Cảnh ngày càng nhuần nhị, đa dạng và rõ nét hơn. Tuy mức độ “vào” người đọc ở từng bài, từng tập có khác nhau, nhưng nói chung thơ Phạm Ngọc Cảnh có ý để nhớ, có tình để cảm và rõ hơn là công sức mồ hôi của lao động nghệ thuật. Thơ anh đã mở ra nhiều hướng của đời sống”* [54, tr.276].

Nhà văn Nguyễn Ngọc Phú (Tổng biên tập Tạp chí Hồng Lĩnh - Hội văn học Nghệ thuật Hà Tĩnh) trong bài viết Nhớ nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh đăng trên báo Gia đình và Xã hội tháng 10/2014 từng bày tỏ: *“Đọc thơ ông, tôi cứ hình dung nhịp điệu sân khấu ủa vào, hình dung ông đang đọc thơ với cái lắc lư, gập ghềnh vó ngựa, với phong thái hào sảng thi sĩ và cũng không ít những quặn thắt nén lòng của một Phạm Ngọc Cảnh tài hoa nhưng đường đời lận đận”*[42].

Phan Thế Cải trong bài viết: Phạm Ngọc Cảnh - một nhà thơ, một trái tim người lính - báo Hà Tĩnh tháng 10/2014 có những suy tư: *“Thơ Phạm Ngọc Cảnh chan chứa tình người, nhưng cũng đầy chất trí tuệ (tuy có đôi bài mang chút cầu kỳ lạm dụng phương ngôn về vật lý hay toán học). Dấu viết về quê hương, đất nước hoặc ca ngợi lãnh tụ, đối Phạm Ngọc Cảnh bao giờ cũng khám phá cho mình một tứ thơ độc đáo”* [7].

Nhà phê bình Ngô Vĩnh Bình có bài viết Nhớ và tiễn biệt anh Phạm Ngọc Cảnh đăng trên báo: Người bạn đường, Hội văn học nghệ thuật Việt Nam tại Liên Bang Nga (tháng 10/2014) cho rằng: *“Cả đời Phạm Ngọc Cảnh đã sống cùng thơ, trần trở cùng thơ; và thơ đã không phụ anh. Anh có nhiều bài thơ câu thơ sống được cùng năm tháng, trong số ấy có bài được những người yêu thơ chép vào sổ tay, đưa vào các tuyển thơ hay, in trong sách giáo khoa, đưa các diễn đàn văn chương luận bàn như các bài Sư đoàn, Trăng lên, Đêm Quảng Trị (bút danh Vũ Ngân Chi), Lý ngựa ô giữa hai vùng đất...”* [5].

Trần Hoàng Thiên Kim trong bài viết: Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh: Khi nước mắt dâng vào huyết mộ đăng trên báo An Ninh tháng 11/2014 khẳng định: *“Trong ký ức của nhiều người, nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh là một cây bút say mê tận tụy và chuyên tâm đi đến tận cùng với thơ. Ông đã có một thời huy hoàng và cháy tận cùng cho thi ca, tâm hồn ông đậm chất lính, mạnh mẽ, kiêu bạc nhưng cũng đầy sự lãng mạn đa tình của một hồn thơ mang mạch đập sông Lam núi Hồng. Đọc thơ ông, người ta dễ nhận thấy ông là người chịu khó tìm tòi, luôn luôn đổi mới giọng điệu”* [28].

Trong bài viết Tôn lên vẻ đẹp cao quý của một nhà thơ tài năng của Cảnh Vũ, báo Công an nhân dân tháng 12/2015 có trích đăng ý kiến của nhà thơ Vũ Quân

Phương, nguyên Chủ tịch Hội đồng thơ của Hội Nhà văn Việt Nam, khi ông nói về bài thơ *Sư đoàn*: “*Bài thơ như một tiếng reo ca nhiều điệp khúc. Nó như một báo cáo gọn, chắc về thế và lực của quân đội ta. Phiên hiệu các sư đoàn vang lên với tên đất đai, sông núi hòa với nhịp điệu câu thơ khi ngắn khi dài, khi bằng khi trắc như những mũi quân xuất hiện đột ngột, di chuyển thần tốc tiến về giải phóng Sài Gòn. Điều thú vị là mười năm sau, tháng 4-1975, cảm hứng thơ lãng mạn này đã thành niềm vui trong đời thực: “Đoi cát Cửu Long giang/ Sư đoàn Châu thổ/ Giữa bãi sù rừng tràm/ Vụt đứng dậy sư đoàn Nam Bộ/ Sư đoàn Tây Nguyên/ Từ hầm chông, bẫy đá, cung tên/ Đây đây, Cục Nam, Phan Rang, Phan Thiết/ Đây đây Quảng Ngãi, Phú Yên.../ Trên nguồn xa Ô Lâu, Thạch Hãn/ Sẽ tiến về/ Sư đoàn Trị Thiên”.* Nhà thơ Vũ Quần Phương cũng chia sẻ thêm, gần như sinh đôi với bài “*Sư đoàn*” là bài “*Mẹ*”: “*Tình mẹ con ở đây được nâng lên thành tình dân nước. Bà mẹ tình cảm muôn đời thành bà mẹ của lý tưởng yêu nước, của ý chí chiến đấu quả cảm. Tác giả viết như trong một cơn say, quên cả ranh giới phát ngôn của mình và của bà mẹ. Chất trữ tình, cả giọng và cả hồn của dạng đề tài tình mẫu tử đã nhường chỗ cho hơi chính luận anh hùng ca. Phạm Ngọc Cảnh lay động bạn đọc bằng những tình cảm lớn. Cảm hứng của một thời đại đang lên cộng hưởng với tâm xúc động cao cả của nhà thơ mới tạo được sức lay động ấy: “Ô! Con mẹ ngày mai làm chiến sĩ/ giọt máu đỏ của cha con - đồng chí/ Mấy hôm rày rạo rục quá con ơi/ Nghe không con! Tổ quốc gọi con rồi”* [62].

Nhà thơ, nhà báo Bùi Quang Thanh, trong Kỷ niệm về Đại tá, Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh, đăng trên Văn học nghệ thuật Hà Tĩnh, tháng 10/2014 cũng bày tỏ cảm xúc: “*Sinh thời Phạm Ngọc Cảnh từng đánh giá mình, anh không thỏa mãn với những gì mình đã làm được dù đã làm rất, rất nhiều. Anh tự thú với Mẹ: Mẹ công con đi men theo câu sông Cụt / Rồi một đời hun hút trôi theo/ Vô tích sự thặng con trai mẹ/ Năm Tuất lùi xa. Năm Tuất lại về/ Vô tích sự thặng con trai mẹ/ Găng cổ hát khắp rộng dài sông bể/ Câu dậm buồn năm Tuất ai nghe? Sự không tự bằng lòng với mình khi mẹ đã mang nặng đẻ đau để sinh ra mình mà mình còn phí phạm cuộc sống ấy đã thúc giục anh sáng tạo, cống hiến nhiều hơn, cũng nhắc nhở, giục giã chúng ta sống gấp hơn, tốt hơn nữa*” [50].

Tóm lại, qua việc khảo sát các bài viết tìm hiểu, nghiên cứu về nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh, chúng tôi nhận thấy thơ Phạm Ngọc Cảnh đã nhận được sự quan tâm của độc giả và giới nghiên cứu. Tuy nhiên, phần lớn đều là những bài viết, nghiên cứu nhỏ, lẻ về nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh, chưa có một công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về đặc điểm thơ ông. Đây cũng chính là những gợi ý để chúng tôi tiến hành nghiên cứu về Đặc điểm thơ Phạm Ngọc Cảnh một cách có hệ thống. Qua đó, chúng tôi muốn góp phần khẳng định vị trí, vai trò của nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh trong tiến trình thơ ca Việt Nam hiện đại.

3. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Đặc điểm thơ Phạm Ngọc Cảnh

3.2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở tìm hiểu những khái niệm đặc điểm thơ ở góc độ lí luận văn học, luận văn đi sâu nghiên cứu Đặc điểm thơ Phạm Ngọc Cảnh với những biểu hiện trên sự thống nhất giữa nội dung và hình thức.

4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài Đặc điểm thơ Phạm Ngọc Cảnh nhằm thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Khảo sát, nhận diện thơ Phạm Ngọc Cảnh.
- Nghiên cứu tác phẩm trong sự thống nhất giữa nội dung và hình thức nghệ thuật.

- Tìm hiểu nguồn cảm hứng chủ đạo, cái tôi trữ tình, những đặc điểm nghệ thuật trong thơ Phạm Ngọc Cảnh.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng những phương pháp nghiên cứu sau đây:

- *Phương pháp tổng hợp tư liệu* nhằm có cái nhìn khái quát vấn đề.

- *Phương pháp hệ thống*: Người viết có thể hệ thống được về sự hình thành, vận động và phát triển của các yếu tố cấu thành nên Đặc điểm thơ Phạm Ngọc Cảnh, cũng như có cái nhìn, đánh giá riêng về thơ ông.

- *Phương pháp phân tích, thống kê, tổng hợp, so sánh*: Luận văn tiến hành phân tích những sáng tác thơ cụ thể của Phạm Ngọc Cảnh trên nhiều chiều, trong một cái nhìn chung của cá nhân nhà thơ và thời đại. Sự nghiên cứu đó đồng thời dựa trên sự so sánh thơ Phạm Ngọc Cảnh với các thế hệ nhà thơ cùng thời, giữa thơ Phạm Ngọc Cảnh ở các chặng đường sáng tác.

- *Phương pháp lịch sử*: Vận dụng phương pháp này để tìm hiểu những ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử, xã hội và các yếu tố con người, quê hương... đối với việc góp phần làm nên nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh.

5. Phạm vi nghiên cứu

Phạm Ngọc Cảnh ngoài sáng tác thơ, ông còn viết kịch phim, đọc lời bình, dẫn các chương trình thơ trên sóng phát thanh, truyền hình và đóng một số các vai trong các phim. Riêng về thơ, Phạm Ngọc Cảnh đã in cả chục tập thơ. Trong phạm vi của một đề tài luận văn thạc sĩ, chúng tôi giới hạn khảo sát và nghiên cứu các tập thơ sau: *Đêm Quảng Trị* (thơ, kí tên Vũ Ngân Chi, 1972), *Lối vào phía Bắc* (thơ, 1982), *Trăng sau rằm* (thơ, 1985), *Nhật lá* (thơ, 1995), *Bến tìm sông* (thơ, 1998).

Ngoài ra trong quá trình khảo sát, chúng tôi có so sánh thơ Phạm Ngọc Cảnh với thơ của một số nhà thơ trước, sau hoặc cùng thời với Phạm Ngọc Cảnh. Qua đó, giúp chúng ta nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, giá trị, ý nghĩa thơ Phạm Ngọc Cảnh trong thơ Việt Nam hiện đại.

6. Đóng góp của luận văn

- Khảo sát, lí giải một cách có hệ thống, thuyết phục đối với những yếu tố nghệ thuật làm nên đặc điểm thơ Phạm Ngọc Cảnh.

- Khẳng định sự tiếp thu, kế thừa và sáng tạo trong thơ Phạm Ngọc Cảnh.

- Khẳng định vai trò, vị trí, ý nghĩa và sự đóng góp của thơ Phạm Ngọc Cảnh trong tiến trình thơ Việt Nam hiện đại.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Thế hệ nhà thơ chống Mỹ và hành trình sáng tác của nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh

Chương 2: Cảm hứng chủ đạo và cái tôi trữ tình trong thơ Phạm Ngọc Cảnh.

Chương 3: Đặc điểm nghệ thuật trong thơ Phạm Ngọc Cảnh.

Chương 1

THẾ HỆ NHÀ THƠ CHỐNG MỸ VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TÁC CỦA NHÀ THƠ PHẠM NGỌC CẢNH

1.1. Thế hệ nhà thơ chống Mỹ

1.1.1. Khái quát thơ kháng chiến chống Mỹ cứu nước

Ngày 5/8/1964, đế quốc Mỹ lần đầu cho máy bay bắn phá miền Bắc nước ta, sau khi chúng đã dựng lên cái gọi là “sự kiện vịnh Bắc Bộ”. Đất nước ta bước vào cao trào kháng chiến mới - chống Mỹ, đầy cam go, khốc liệt nhưng cũng rất anh hùng. Cùng với trang sử mới của dân tộc, một nền văn học mới cũng được mở ra - văn học chống Mỹ. Đây là một chặng đường văn học đã phản ánh chân thật cuộc chiến đấu trường kì của dân tộc và vẻ đẹp con người Việt Nam. Cũng như các thể loại văn học khác *“thơ bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước không chút bỡ ngỡ, không phải mất một thời gian chuyển mình. Như một người lính cũ đã trải qua những rèn luyện thử thách để có tinh thần chiến đấu thường trực, thơ có mặt ngay trên vị trí chiến đấu của mình trong đội quân văn nghệ, nhập mình vào cuộc kháng chiến vĩ đại đang mở ra trong cả nước, trên khắp các mặt trận.”* [55, tr.115]

Có thể nhận thấy từ thơ kháng chiến chống Pháp, thơ đấu tranh thống nhất đất nước đến thơ kháng chiến chống Mỹ là sự kế tục, phát triển liền mạch của nền thơ cách mạng. Tuy nhiên, ở thơ kháng chiến chống Mỹ vẫn có những điểm riêng tạo nên nét khác biệt và đạt được nhiều thành tựu xuất sắc, đánh dấu một bước tiến mới của nền thơ Việt Nam hiện đại.

Thơ chặng đường này tập trung biểu hiện những tình cảm, tư tưởng lớn, bao trùm đời sống tinh thần của con người thời đại chống Mỹ. Cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã đặt dân tộc ta trước những thử thách lớn cần vượt qua. Đứng trước vận nước có lúc ngàn cân treo sợi tóc nên cả nước chung tay hòa lại làm một cùng chung sức, chung lòng đấu tranh chống kẻ thù xâm lược. Gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước, thơ kháng chiến chống Mỹ trở thành tiếng nói chung của cộng đồng dân tộc cùng chung một ý chí, một ngòi bút phục vụ kháng chiến.

Chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tiến trình văn học Việt Nam. Cùng chung nguồn mạch ấy, thơ kháng chiến chống Mỹ cứu nước thể hiện một chủ nghĩa yêu nước mạnh mẽ và sắc nét. Đó vừa là sự kế thừa của chủ nghĩa yêu nước truyền thống, vừa được bồi đắp những phẩm chất, nhận thức, hành động mới trong những năm kháng chiến gian lao:

*“Trong từng giây suy nghĩ
Chúng tôi đều đánh Mỹ
Vì Hà Nội, vì Việt Nam
Vì một ánh trăng xã hội chủ nghĩa đang rằm
Soi sáng thành Thăng Long, mặt nàng Kiều lấp lánh”*

(Lê Anh Xuân)

Tình yêu Tổ quốc đã trở thành một nguồn đề tài lớn bao trùm hầu khắp trong sáng tác của các nhà thơ. Trước hiện thực của đời sống cách mạng và kháng chiến, các nhà thơ đã chất lọc vào trong các trang thơ với niềm tự hào về một Việt Nam anh dũng, kiên cường:

*“Sống vững chãi bốn nghìn năm sừng sững
Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa
Trong và thật, sáng hai bờ suy tưởng
Sống hiên ngang mà nhân ái chan hòa”*

(Huy Cận).

Đặc biệt thơ thời kì này cũng rất coi trọng Tổ quốc trong cái nhìn theo bề sâu văn hóa, lịch sử và bề rộng của nhân loại. Đây cũng chính là một nguồn lực tinh thần lớn cổ động tình yêu nước và ý chí kiên cường đấu tranh chống giặc Mỹ của dân tộc Việt Nam: *“Hỡi những anh hùng ngàn năm dựng nước/Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Quang Trung/Tất cả hôm nay xuất trận trùng trùng/Lớp lớp anh hùng tràn như sóng cuộn/Trương Định cũng vượt Trường Sơn về đây, bóng che Nhà Hát Lớn”* (Lê Anh Xuân). Hơn lúc nào hết hiện thực cách mạng đã được thơ ca giai đoạn này phản ánh một cách sâu đậm, từ những sự kiện lịch sử lớn lao đến những con người bình dị nhưng luôn chắc tay súng đánh giặc hay hậu phương vững vàng - điểm tựa cho tiền tuyến khói lửa. Chính hiện thực cách mạng đã trở thành nguồn đề tài phong phú trong thơ. *“Mỗi tác giả đã khai thác một khía cạnh khác nhau của cuộc sống, Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN* <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

nhưng nhìn chung họ đã nhìn ra chất thơ ẩn giấu trong những chi tiết rậm rạp của cuộc sống trong những tháng ngày ác liệt của cuộc chiến tranh” [1, tr.31]. Qua những gian khổ, những hy sinh trong kháng chiến đã hun đúc nên những phẩm chất mới trong văn học.

Trong khói lửa, bom đạn của cuộc kháng chiến, ý thức trách nhiệm công dân đối với đất nước của người nghệ sĩ nói riêng và của con người Việt Nam nói chung được đề cao. Chính vì vậy thơ ca kháng chiến chống Mỹ đã tập trung vào nhiệm vụ cứu nước, đề cao những phẩm chất anh hùng của những con người: “*Giản dị và bình tâm/Không ai nhớ mặt đặt tên/Nhưng họ đã làm ra đất nước*” (Nguyễn Khoa Điềm). Các nhà thơ - những người chiến sĩ trên mặt trận chiến đấu và mặt trận văn hóa tư tưởng luôn theo sát từng nhiệm vụ cách mạng, phản ánh những chặng đường cách mạng gian khổ nhưng cũng đầy vẻ vang của dân tộc. Họ đã dấn thân vào kháng chiến với ý thức trách nhiệm của người công dân trong thời đại mới. Những tác phẩm xuất sắc ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng, hình tượng con người Việt Nam trong kháng chiến chiếm vị trí chủ thể trong văn học.

Hòa mình trong cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, trở thành người tuyên truyền viên tích cực cho cách mạng, thơ kháng chiến chống Mỹ đã mang đậm khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn: Cuộc kháng chiến của dân tộc đã khiến cho người cầm bút nhìn nhận hiện thực cách mạng không phải bằng cái nhìn và nhận thức mang tính cá nhân mà đó phải là của lịch sử, dân tộc, thời đại. Với cái nhìn mang tính sử thi như thế, người nghệ sĩ đã xây dựng được những hình tượng kì vĩ của một dân tộc anh hùng. Họ đã xây dựng được những con người mang tinh hoa, cốt cách dân tộc Việt Nam. Trong gian lao và trong hy sinh, dân tộc Việt Nam vẫn vững niềm tin vào ngày mai tươi sáng. Đó trở thành nguồn cảm hứng chủ đạo trong nhiều trang thơ. Đây cũng chính là sự vận động của hình tượng thơ theo quy luật luôn từ hiện tại vươn tới tương lai, vươn tới niềm vui chiến thắng.

Thơ ca chống Mỹ đã thể hiện được sức mạnh to lớn, phẩm chất kiên cường và những hy sinh, mất mát của dân tộc Việt Nam trong kháng chiến. Chặng đường thơ này đã đáp ứng được những yêu cầu của thời đại cách mạng và có nhiều đóng góp trong sự phát triển của một nền thơ ca Việt Nam hiện đại.

1.1.2. Thế hệ nhà thơ chống Mỹ

Trong tiến trình phát triển của thơ Việt Nam hiện đại, thơ kháng chiến chống Mỹ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, góp một tiếng nói không nhỏ trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đồng thời cũng là một gam màu đậm đặc, sắc nét trong bức tranh muôn màu của thi ca Việt Nam. Có được điều đó phải kể tới sự đóng góp của đội ngũ các nhà thơ. Có thể nhận thấy thơ ca kháng chiến chống Mỹ là nơi hội tụ của một lực lượng sáng tác đông đảo với nhiều thế hệ, phong cách nhưng cùng chung một ý chí, một ngòi bút chiến đấu, tỏa sáng sức mạnh tâm hồn, vẻ đẹp trí tuệ của dân tộc Việt Nam. Trước hiện thực cách mạng nhiều gian khổ, hy sinh đòi hỏi lòng quả cảm của con người, những trang thơ hùng hực khí thế chiến đấu, luôn lạc quan tin tưởng vào ngày mai tươi sáng trở thành một thứ vũ khí quan trọng tham gia trong cuộc chiến tranh vệ quốc. Các nhà thơ vừa chắc tay súng chiến đấu vừa chắc tay viết. Hàng loạt tác phẩm thơ xuất sắc ra đời trong mưa bom, bão đạn là một minh chứng cho sự phát triển vượt bậc của thơ ca Việt Nam hiện đại.

Trước hết, là sự đóng góp không nhỏ của thế hệ các nhà thơ xuất hiện từ trước 1945. Trong đội ngũ sáng tác đó phải kể tới những tác giả tiêu biểu như Tố Hữu, Xuân Diệu, Chế Lan Viên. Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Tế Hanh... với hàng loạt những tác phẩm xuất sắc khẳng định sức sáng tạo bền bỉ và sự phát triển theo nhận thức mới với những thành công lớn trên con đường sáng tác của họ. Hai tập thơ *Ra trận* (1962 - 1971), *Máu và hoa* (1972-1977) của Tố Hữu ra đời trong những tháng ngày cả nước cùng chung chiến hào, trong âm vang khí thế quyết liệt của cuộc kháng chiến. Những vần thơ mang đậm chất hiện thực nhưng vẫn lấp lánh ánh sáng lạc quan của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đồng thời, đây còn là những trang thơ tỏa sáng niềm vui, niềm tự hào về một dân tộc vượt lên những đau thương, mất mát giành lại độc lập tự do.

Đặc biệt, với các nhà thơ lãng mạn trước 1945 đã có một sự thay đổi lớn, họ nhanh chóng hòa mình trong cuộc kháng chiến của nhân dân cần lao và sẵn sàng bộc bạch những cảm xúc chân thành, sự trộn hòa của mình với nhân dân, đất nước: “*Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi/Cùng đổ mồ hôi cùng sôi giọt máu/Tôi sống với cuộc đời chiến đấu/Của triệu người yêu dấu cần lao*”(Xuân Diệu)

Bên cạnh đó là thế hệ các nhà thơ kháng chiến chống Pháp như Chính Hữu, Nguyễn Đình Thi, Hoàng Trung Thông... Họ đã đem tới thơ kháng chiến chống Mỹ một mạch nguồn sáng tác được hun đúc từ trong những năm kháng chiến chống Pháp. Chính vì vậy, các tác phẩm của các nhà thơ đã đạt tới độ chín cả về hình thức, lẫn nội dung, là một bản tình ca hùng tráng ca ngợi cuộc chiến đấu cứu nước vĩ đại của dân tộc. Trong số các nhà thơ đó phải kể tới nhà thơ Nguyễn Đình Thi - là một người nghệ sĩ đầy tài năng, luôn đi tiên phong và có nhiều đổi mới trên con đường sáng tác văn chương, góp phần không nhỏ vào sự đổi mới của thơ ca hiện đại Việt Nam. Trên chặng đường thơ ca kháng chiến chống Mỹ, như nhiều nhà thơ khác ông cũng đã trở thành một người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa tư tưởng với những vần thơ hào hùng ca ngợi đất nước, nhân dân Việt Nam anh hùng. Những câu thơ: *"Gặp em trên cao lộng gió/Rừng lạ ào ào lá đỏ/Em đứng bên đường, như quê hương/Vai áo bạc, quàng súng trường/Đoàn quân vẫn đi vội vã/Bụi Trường Sơn nhòa trời lửa/Chào em, em gái tiên phương/Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn.* (Lá đỏ) đã tái hiện cuộc hành quân hùng tráng trên đường Trường Sơn, tiến vào Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của quân dân ta.

Đóng góp một phần không nhỏ cho thơ ca kháng chiến chống Mỹ là thế hệ những nhà thơ trẻ, đây là một lực lượng đông đảo, được trưởng thành trong chính hiện thực của cuộc kháng chiến. Với sức trẻ, tài năng, sự thay đổi trong nhận thức về hiện thực cách mạng, họ đã hòa vào cuộc kháng chiến của dân tộc với tinh thần, trách nhiệm của thế hệ trẻ. Với thơ, họ đã đem tới một sức sáng tạo mới, một tiếng nói riêng mới mẻ, trẻ trung, sôi nổi. Với kháng chiến, họ là những người chiến sĩ anh dũng, kiên cường, luôn nhận thấy sứ mệnh thiêng liêng của thế hệ trẻ trong một thời kì lịch sử đặc biệt. Hơn lúc nào hết những người chiến sĩ trẻ, phơi phới niềm lạc quan, yêu đời vừa đánh giặc, vừa làm thơ, viết tiếp những trang sử hào hùng của dân tộc. Đội ngũ đông đảo đó được bổ sung liên tục từ quần chúng yêu thơ, từ trách nhiệm cao cả của thế hệ trẻ sung sức: *"Cả thế hệ dàn hàng gánh đất nước trên vai"* (Thanh Thảo). Thế hệ những nhà thơ trẻ đó đã sống hết mình với một thời đại khói lửa: *"Đi qua hết tuổi thanh xuân/Để lại trong rừng những gì quý nhất/Mất mọi*

thứ để nhân dân không mất" (Phạm Tiến Duật). Trong số đó có không ít tài năng sớm được bộc lộ và khẳng định sức sáng tạo của mình trong thơ ca. Họ bắt nhịp nhanh chóng với tinh thần chung của nhân dân trong cuộc kháng chiến, cùng cất lên những tiếng thơ hùng tráng, đầy tự tin vào thắng lợi và phản ánh tâm vóc của một dân tộc anh hùng. Những gương mặt trẻ tiêu biểu liên tục xuất hiện như: *Thái Giang, Nguyễn Mỹ, Bằng Việt, Lê Anh Xuân, Dương Hương Ly, Xuân Quỳnh, Phạm Tiến Duật, Phan Thị Thanh Nhàn, Nguyễn Khoa Điềm* ... Trong đó đáng chú ý là Nguyễn Khoa Điềm - một nhà thơ của chiến trường Trị Thiên Huế, với hàng loạt những tác phẩm như *Đất ngoại ô* (1972); trường ca *Mặt đường khát vọng* (1974). Thơ ông lôi cuốn người đọc bởi sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của tuổi trẻ với đất nước. Giọng thơ khi sôi nổi, khi trầm lắng thiết tha, giàu tính nhạc tạo nên một tiếng thơ đặc biệt - Nguyễn Khoa Điềm. Góp một tiếng thơ không nhỏ trong thế hệ những nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ cũng cần kể tới nhà thơ Phạm Tiến Duật. Hiện thực của cuộc sống bộ đội ở Trường Sơn đã tôi luyện cho ý chí kiên cường của người chiến sĩ, đồng thời làm cho ngòi bút của ông luôn thăng hoa khi ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ngợi ca nhân dân trong cuộc chiến. Ông đã viết những tác phẩm thể hiện bút pháp thông minh, tài hoa, đầy ấn tượng như *Lửa đèn, Gửi em cô thanh niên xung phong, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Trường Sơn đông Trường Sơn tây*...

Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh là một trong số những nhà thơ thuộc lớp đầu của thế hệ thơ chống Mỹ. Với sức trẻ, tài năng cùng hiện thực phong phú của cuộc cách mạng đã làm nên một phong cách thơ với một dấu ấn riêng nhưng cũng không kém phần độc đáo, hấp dẫn và khẳng định rõ sự trưởng thành của một hồn thơ Phạm Ngọc Cảnh trong thơ ca Việt Nam hiện đại.

1.2. Sự nghiệp sáng tác thơ của Phạm Ngọc Cảnh

1.2.1. Tiểu sử nhà thơ

Đại tá - Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh với bút danh Vũ Ngân Chi, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1934 tại thị xã Hà Tĩnh. Ông mất ngày 21 tháng 10 năm 2014, tại Hà Nội. Năm 1947 Phạm Ngọc Cảnh vào bộ đội. Ông từng được biết đến với vai trò là một diễn viên có tên tuổi của Đoàn kịch quân đội với rất nhiều vai diễn thành công

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

trong đó phải kể đến vai trung úy Phương trong vở kịch *Nổi gió* của tác giả Đào Hồng Cẩm. Với ông “diễn viên kịch là một nghề cao quý. Có thể gắn bó trọn đời” (Tự bạch), nhưng thơ ca là người bạn tâm giao, là mối lương duyên không thể dứt bỏ. Chính vì vậy sau một Phạm Ngọc Cảnh -diễn viên có tên tuổi trên sân khấu, người đọc vẫn tìm thấy một Phạm Ngọc Cảnh rất yêu thơ, sống, sáng tác miệt mài về thơ. 15 tập thơ cùng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007 là một minh chứng cho điều này.

Đồng thời, Phạm Ngọc Cảnh còn là tác giả của 3 tập bút ký, 600 lời bình cho phim và cùng với những người đồng đội của mình ông đã viết hàng nghìn lời bài hò, bài lý để góp phần phục vụ cho kháng chiến.

Theo tiếng gọi của đất nước trong những năm chiến tranh Phạm Ngọc Cảnh cũng như bao lớp người con ưu tú khác của mảnh đất Việt Nam anh hùng, rời xa gia đình, làng xóm, khoác lên mình màu xanh áo lính lên đường góp phần bảo vệ Tổ quốc. Năm 13 tuổi ông đã gia nhập Trung đoàn 103 Hà Tĩnh, làm liên lạc viên, sau tham gia đội tuyên truyền Văn nghệ của Trung đoàn. Đi cùng với những năm tháng trường chinh không nghỉ của dân tộc, Phạm Ngọc Cảnh đã hun đúc cho mình một niềm đam mê, một vốn sống phong phú, cùng với một tài năng thiên bẩm để tạo nên những vần thơ giàu cảm xúc, tạo ấn tượng sâu đậm trong lòng độc giả. Trong kháng chiến chống Mỹ ông thuộc lớp đầu của thế hệ thơ chống Mỹ với những vần thơ cùng hùng hực nhiệt huyết trước vận mệnh Tổ quốc nhưng cũng không kém phần làm đắm say lòng người: *Sư đoàn, Li ngựa ô ở hai vùng đất...* Sau ngày miền Nam giải phóng, đất nước hoàn toàn thống nhất, nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh về công tác tại Tạp chí Văn nghệ Quân đội, ông làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, có khá nhiều đóng góp cho Tạp chí. Với thơ ca, ông không có dấu hiệu của sự mệt mỏi mà vẫn một niềm đam mê và miệt mài sáng tác. Hành trang trên vai của người chiến sĩ - nghệ sĩ lúc này là sự thăng hoa của cảm xúc với những trải nghiệm của cuộc đời và những chuyến đi. Ông bảo: *“Mình theo chủ nghĩa xê dịch của “lão nhà văn” Nguyễn Tuân. Không còn tỉnh nào là mình chưa đặt chân tới, có những tỉnh mình đã đi khắp các huyện. Mình nghèo, phải tự làm giàu mình bằng các chuyến đi...”* [10,tr.437]. Vậy nên những tập thơ như: *Trăng sau rằm* (1985); *Đất hai vùng*

(1986); *Miền hương lặng* (1992), *Nhật lá* (1995) ... được người đọc luôn tiếp nhận và đánh giá cao là hoàn toàn có lí do.

Có thể nhận thấy con đường thơ của Phạm Ngọc Cảnh gắn với con đường binh nghiệp, với những vốn sống phong phú của cuộc đời nhiều trải nghiệm. Ông đã chọn cho mình cách sống giản dị, gần gũi mà giàu tình thương với những câu thơ đi cùng năm tháng:

*“Anh lớn lên vó ngựa cuốn về đâu
Gặp câu hát bên lòng rong ruổi mãi”*

1.2.2. Sự nghiệp sáng tác thơ

Với tài năng và niềm đam mê sáng tạo nghệ thuật, Phạm Ngọc Cảnh đã viết nên những vần thơ chan chứa tình người và độc đáo, hấp dẫn. Ông đã trở thành một trong những nhà thơ tiêu biểu của thơ ca kháng chiến chống Mỹ.

1.2.2.1. Đêm Quảng Trị (NXB Giải Phóng 1972)

Tập thơ *Đêm Quảng Trị* gồm 27 bài chia làm 2 phần. Phần 1 có tên là *Đất gọi* viết về vùng đất Quảng Trị những năm trong chiến tranh và phần 2 với nhan đề *Sớm nay về* cũng viết về vùng đất Quảng Trị nhưng ở thời điểm sau giải phóng khi nhà thơ có dịp quay trở về mảnh đất này.

Đọc *Đêm Quảng Trị*, người đọc cảm nhận được âm hưởng hào hùng của khí thế ra trận lan tỏa trong từng câu chữ, để rồi thấm thấu vào trong trái tim người đọc với một niềm kiêu hãnh về một mảnh đất Quảng Trị anh hùng. Với những bài thơ như *Đêm Quảng Trị*, *Ba Lòng*, *Trống trận sông Bồ*... người đọc như hòa cùng bước chân của người lính ra trận với niềm tin thắng lợi. Tập thơ tiềm ẩn một sức sống mãnh liệt và gần như khẳng định tên tuổi của Phạm Ngọc Cảnh trong thơ ca kháng chiến chống Mỹ.

Đêm Quảng Trị còn ghi nhận sự đóng góp không nhỏ cho thắng lợi của cuộc kháng chiến với hình ảnh của những người mẹ, người chị, người em gái. Họ không chỉ là hậu phương vững chắc cho người lính vững tay súng nơi chiến trường mà chính họ cũng là một lực lượng nòng cốt của cuộc kháng chiến toàn dân này (*Gửi chị phát thanh viên Đài Tiếng nói Việt Nam*). Mặt khác, trong tập thơ này, nhà thơ cũng không ngần ngại nói về sự khốc liệt của cuộc chiến tranh:

“Đến lượt sông Pơ Lin viết sử đời mình

*Máu chảy đầu cây dựa quắm
Bên sông xanh nơi Kăn Lịch mỗi chiều ra tắm
Đá dựng ngút trời bầy cặng...”*

(Sông Pơ Lin rất xanh)

Những vần thơ chân thực, thô nhám, đầy dữ dội của hiện thực cuộc chiến. Ông là nhà thơ của màu xanh áo lính, chất thơ của ông cũng vì thế mà đượm chất lính và đầy mang nét trần trụi, thô mộc nhưng không vì thế mà cảm xúc thơ bớt đi phần sâu sắc, tinh tế.

Yếu tố để con người Việt Nam vượt lên những gian nan, thử thách, những hy sinh, mất mát của kháng chiến đó là nghĩa tình quân dân thắm thiết, là sự đùm bọc, chở che của nhân dân. Tất cả đã tạo nên một bài ca cảm động về tình thương, tình đoàn kết dân tộc trong một giai đoạn chiến tranh khốc liệt. Những câu thơ trong bài thơ *Gửi mẹ bên Cửa* đã tạo một dấu ấn đặc biệt trong lòng người tiếp nhận: “*Nuôi bèn nhíp cối hò khoan/ Đạp Trường Sơn vút xanh ngàn tiếng ca/ Con là chồi nở thiết tha/ Trầm hương của mẹ thơm xa dặm dài*”.

Xuất phát từ tấm chân tình tha thiết với đồng đội, với quê hương, Phạm Ngọc Cảnh làm thơ không chỉ kiếm tìm những cái hay, cái đẹp mà ông còn hướng tới những giá trị truyền thống. Đó cũng chính là nguồn cội tạo nên những bản hùng ca chiến thắng. Bởi vậy trong *Đêm Quảng Trị* còn thể hiện niềm tự hào về truyền thống anh hùng của một dân tộc luôn kiên định trên con đường đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc:

*“Ba thế hệ anh hùng tiếp nối đi qua
mảnh sân đình có con nghệ cưỡi đỉnh đạc
tiếng trống đập thùng thành nâng tiếng hát
“Không có gì quý hơn độc lập tự do!”*

(Con nghệ đá và tiếng trống)

Tóm lại *Đêm Quảng Trị* là một trong những tập thơ xuất sắc của Phạm Ngọc Cảnh mang giá trị cao về văn học, nghệ thuật. Tập thơ đã ghi lại một cách chân thực và cảm động về hình ảnh của người lính, người dân trong kháng chiến với tinh thần bất khuất, kiên cường, tràn đầy tình thương và cả những mất mát, hy sinh. Tập thơ

mang một sức sống mãnh liệt của con người Việt Nam trong một giai đoạn lịch sử mà “sự thử thách đã lên đến tột đỉnh”.

1.2.2.2. *Lối vào phía Bắc* (Nxb Hà Nội 1982)

Phạm Ngọc Cảnh đã từng tâm sự “*Khi tôi buộc phải vút bỏ hòn son, hòn phấn để theo thơ thì có nghĩa là thơ ca đã mê hoặc tôi. Lúc vui sướng tôi tìm đến thơ và lúc đau khổ tôi cũng tìm đến thơ*” [dẫn theo 25]. Với ông, thơ ca là một chân trời cao vọng, đầy lôi cuốn mà nhà thơ theo đuổi. Chính vì vậy để tiếp tục khẳng định tài năng, sự đam mê của mình, Phạm Ngọc Cảnh đã đem đến cho bạn đọc tập thơ *Lối vào phía Bắc*. Tập thơ gồm 25 bài, sáng tác vào khoảng những năm 1965 đến những năm cuối thập kỷ 70 của thế kỷ trước. Đọc *Lối vào phía Bắc* người đọc nhận thấy trong tập thơ có nhiều bài được Phạm Ngọc Cảnh viết về miền Bắc thời kỳ chiến tranh phá hoại, đó là một giai đoạn lịch sử đặc biệt của dân tộc. Vì vậy, mà tập thơ đã tái hiện cuộc chiến đấu của nhân dân để bảo vệ Hà Nội bằng sức mạnh của tình yêu lớn được hun đúc từ tình yêu lứa đôi, niềm hăng say lao động sản xuất và tình yêu với Hà Nội, với đất nước:

*“ Ta nắm tay nhau sau mỗi giờ tan ca
Giao ca lao động và giao ca trực chiến
Rồi tắt cả tình yêu thầm kín
Vút giăng lên bầu trời
Buộc giặc Mỹ khựng đầu ô phía bắc”*

(Lối vào phía bắc)

Lối vào phía Bắc là lối về hiên ngang của những người dân chiến thắng trở về sau chiến thắng Điện Biên Phủ trên không: “*Con đưa cha vào ngõ chợ Khâm Thiên/Cha nhìn ô cửa màu xanh còn sót lại/Con tưởng tượng thêm ra/ hay đẩy trời nắng cháy/Không. Con rất tin sức nhìn/Sợi tóc nào của cha chưa bạc hết/Đều bạc dần trước ngõ chợ Khâm Thiên/Con đưa cha lên vườn Bách Thảo/Cha đi một vòng quanh xác pháo đài bay/Con tưởng tượng thêm ra/hay gió Hồ Tây thổi sang hào phóng*” (Cha ra Hà Nội thăm con)

Qua lăng kính của nhà thơ người đọc cảm nhận được một bức tranh muôn màu về cuộc sống, cuộc chiến đấu, lao động sản xuất, cùng tình cảm yêu thương,

đùm bọc, đoàn kết và tinh thần bất khuất, kiên cường của dân tộc Việt Nam trong thời kì cam go, ác liệt. Với các bài thơ *Đọc đường rừng ngày trước các anh qua; Ụ súng trong đồng*, Phạm Ngọc Cảnh đã góp thêm những thanh âm trong trẻo trong bản đàn ngợi ca về Tổ quốc trong kháng chiến đầy gian khổ mà vẫn anh dũng, kiên cường. Còn với *Bờ vui* thì đó là niềm tự hào, sự kiêu hãnh của những “*kiếp phù du vật vờ nay sống lại*” để “*thỏa chí vẫy vùng, bủa lưới, quăng câu*” bởi đã có “*Đảng muôn đời cho ta lên bờ vui*” “*không còn sớm tối dưới khoang chui*”. Dưới ánh sáng của Đảng chúng ta nguyện chung sức, chung lòng để “*gìn giữ đêm trăng giát vàng lưng cá quẫy*”, quyết tâm bảo vệ và xây dựng đất nước theo chủ nghĩa xã hội. Hình ảnh của những “*Gái Hội Xá lăm xăm vào vụ cấy*”, “*Cô gái Tày năm ấy đây - giầu phong thư*”, là những hình ảnh dung dị, chân chất nhưng tỏa sáng vẻ đẹp mặn mòi của người con gái Việt Nam.

Trong *Lối vào phía Bắc* còn chứa đựng một tình cảm yêu thương nồng hậu. Đó là tình cảm của người “*con rẻ làng Bưởi*”, của “*Cô Tấm ở trong nhà*” của “*Cha ra Hà Nội thăm con*” ... Những cung bậc tình cảm đầm thắm yêu thương đó là mạch nguồn của những dòng cảm xúc dạt dào trong những tứ thơ độc đáo của nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh tài hoa.

Đọc *Lối vào phía Bắc* người đọc còn cảm nhận mảng hiện thực của cuộc sống chiến trường với nỗi đau của những hy sinh mất mát. Có thể thấy Phạm Ngọc Cảnh đã dám viết, dám nói, dám thể hiện những góc khuất đó. Chính vì vậy mà những vần thơ trở nên giàu cảm xúc và mãnh liệt hơn.

“*Nghe ngoài sông vòm cầu gục gãy*
Phía Yên Viên bom giạt vồm sân ga”

(Dòng sông quen)

Không chỉ là hiện thực của cuộc sống nơi chiến trường mà trong tập thơ còn là cái nhìn của một người lính trở về với hiện thực đời thường với những cảm xúc đa chiều của cuộc sống bộn bề. Đó là dòng cảm xúc về “*ký họa chân dung người tòng quân năm 79*” hay đó còn là tình cảm chân tình của những người bạn của một thời gấn bó “*Mừng bác Đức khỏi bệnh*”, là “*ca khúc tặng người giữ trẻ đã về hưu*”. Đó còn là sự lo lắng của con người trước bộn bề cuộc sống để “*ít về bên nội*” để “*sớm mai này cha lặn lội ra đường/ Tàu vừa dừng xanh bóng nắng sân ga*” (*Cha ra Hà Nội thăm con*) ...

Tóm lại, với một nhà thơ khoác trên mình màu xanh áo lính với hành trang giản dị và sứ mệnh thiêng liêng của một người nghệ sĩ - chiến sĩ, Phạm Ngọc Cảnh đã viết nên một *Lối vào phía Bắc* với những vần thơ mượt mà, mang nét duyên dáng rất riêng của một hồn thơ giàu trải nghiệm. Tập thơ là một minh chứng cho tài năng nghệ thuật của ông, đồng thời cũng là một cách cảm nhận sâu sắc hiện thực cuộc sống trong những tháng ngày cam go của lịch sử và trong cả sự trở về của người lính sau chiến tranh.

1.2.2.3. *Trăng sau rằm* (Nxb tác phẩm mới - Hội nhà văn Việt Nam 1985).

“Không đề cao nhưng rất đòi hỏi. Phạm Ngọc Cảnh là nhà thơ của lính, của chiến trận, nhưng anh còn là nhà thơ trước những thách đố của thời gian” [10, tr.12]. Lao động nghệ thuật hăng say, không có dấu hiệu của sự mỏi mệt, Phạm Ngọc Cảnh đã cho ra đời tập thơ *Trăng sau rằm*. Tập thơ gồm 25 bài, được nhà thơ tập hợp sáng tác chủ yếu trong khoảng thời gian cuối những năm 70 đầu năm 80 của thế kỷ trước. Đây cũng là một trong số 4 tập thơ xuất sắc của ông được vinh danh nhận giải thưởng Nhà nước. *Trăng sau rằm* đúng như tiêu đề của tập thơ, đã phản ánh được chiều sâu của cuộc sống. Bản lĩnh thơ cứng cáp hơn, tài thơ “chín hơn”, bớt đi những mặt “bồng bênh, phôi pha”. Có thể thấy với tập thơ này, Phạm Ngọc Cảnh đã đề cập tới nhiều mảng đề tài khác nhau với nhiều nét vẽ sắc sảo thể hiện một tài thơ chín muồi.

Cũng cùng một mạch cảm xúc trong các tập thơ trước đó và cũng như nhiều nhà thơ khác cùng thời kì, Phạm Ngọc Cảnh đã dành một tình yêu đặc biệt khi viết về quê hương, đất nước. Trên những trang thơ ông tình yêu đó dù thể hiện ở nhiều góc độ nào cũng rất trân trọng, thành kính, thiêng liêng: “*Qua rất nhiều tháng năm/ hết sáng bình yên lại chiều binh lửa/ lòng ta chót giữ hai đầu/cái tên làng ở giữa/Một tên làng Quảng Trị/suốt đời đâu dám quên*” (Một tên làng Quảng Trị). Những vần thơ dung dị mà sâu sắc, ghi nhận tình cảm yêu thương sâu đậm của những người con đã từng sống, chiến đấu ở mảnh đất Quảng Trị trong những năm tháng ác liệt nhất của cuộc chiến tranh chống Mỹ.

Đây còn là tình cảm đặc biệt mà Phạm Ngọc Cảnh dành cho con sông Đuống:

*“Trăng mọc cuối vùng sông mình ở
nơi xa bè bạn vẫn trông về
dấu chân in một ngày xuống cỏ
thêm một ngày xanh thêm là quê...”*

(Sông Đuống)

Dành cho Vinh:

*“Áy là Vinh, phải kể thêm
 với từng viên ngói lợp viên chân mây
 cho hôm qua được giải bày
 vòng quy hoạch dưới bàn tay rộng dân”*

(Áy là Vinh)

Nhà thơ “*đã đi khắp mọi miền đất nước với hành trang thật đơn giản chỉ với một cái túi nhỏ khoác trên vai trong đó có một cuốn sổ tay ghi chép và vài thứ đồ dùng cá nhân không một máy ảnh, máy ghi âm. Thế mà với trí nhớ thông tuệ và tấm lòng nhân hậu, đồng cảm ông đã làm sống lại bao huyền thoại, bao vùng đất*” [10, tr.448]. Với một con người từng trải và giàu cảm xúc như vậy nên trong thơ Phạm Ngọc Cảnh những địa danh, những vùng đất của đất nước luôn trở nên gần gũi, thân quen trong lòng người đọc. Người đọc như được chấp thêm đôi cánh của niềm tự hào, tình yêu quê hương, đất nước mình. Có thể thấy những bài thơ trong tập thơ này là những nét vẽ rất thành thực, dung dị mà chan hòa tình cảm của nhà thơ đối với những miền quê, với con người, với những nét văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc mà ông có dịp được lui tới. Đọc những bài thơ như “*tranh gà*” “*con cò*”... người đọc sẽ thấy tâm hồn mình trở nên thanh lọc hơn bởi những vần thơ mang đậm phong vị dân gian vừa gần gũi vừa thân thương.

Tập thơ *Trăng sau rằm* với dung lượng tác phẩm không nhiều nhưng đã đề cập tới nhiều mảng đề tài khác nhau và đạt tới độ xuất sắc. Một trong những đề tài mà tập thơ thể hiện thành công đó là viết về Bác Hồ kính yêu. Có thể khẳng định với nhan đề là *Trăng sau rằm* tức là về vẻ đẹp ở độ chín và Phạm Ngọc Cảnh đã rất tài tình khi nối cái nhất thời của đêm trăng với vẻ đẹp của cả cuộc đời thông qua hình ảnh cụ thể là Bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam:

*“Trong Lãng Bác chợt nghĩ
 như sau mỗi việc làm
 trăng ơi trăng biết thế
 trăng bước nhẹ nhàng chăng!”*

(Trăng lên)

Những vần thơ đẹp, sáng một cách lạ thường tỏa sáng vẻ đẹp cao khiết của người cha già dân tộc, đồng thời còn là những tấm lòng thành kính mà các thế hệ con cháu Việt Nam luôn hướng tới Bác. Đã có nhiều nhà thơ cùng viết về đề tài này nhưng có thể nhận thấy Phạm Ngọc Cảnh đã tạo nên những vần thơ tuyệt bút: chân thật, giản dị nhưng không kém phần lãng mạn, ngợi ca.

Điều làm nên sự thành công của *Trăng sau rằm* còn là những tình cảm yêu thương, trân trọng với những con người đã chiến đấu, hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Âm hưởng thơ trầm buồn, lắng đọng nhưng thể hiện sự thành kính đối với những người lính đã khuất... Đó là cảm xúc chung của bạn đọc khi tìm đến với bài thơ *Văn bia đọc ở Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn*.

Lựa chọn cho mình một cách viết mang đặc điểm sáng tạo rất riêng của người nghệ sĩ, Phạm Ngọc Cảnh đã xuất sắc với tập thơ *Trăng sau rằm*. Có thể khẳng định tập thơ đã mang những giá trị nhân văn cao cả, ghi nhận những dấu mốc quan trọng trong cuộc đời ông. *Trăng sau rằm* đã góp phần không nhỏ thúc đẩy sự phát triển của thơ Việt Nam hiện đại.

1.2.2.4. Nhật lá (Nxb Văn học 1995)

*“Hoa nghiêng một nhánh mời
Vùng hương thỉnh lặng quá
Thôi thà cầm nhành lá
Rủ xuân ngoài rong chơi”*

Đó là những vần thơ mở đầu cho tập thơ *Nhật lá* của Phạm Ngọc Cảnh. Tập thơ gồm 46 bài tiếp tục là sự mở rộng đề tài, là sự khám phá độc đáo của nhà thơ về thiên nhiên, đất nước, Bác Hồ kính yêu và còn là những nguồn cảm xúc phong phú, đa dạng trước hiện thực của cuộc đời.

Tập thơ “*đã có những thay đổi, tìm tòi, nhiều suy nghĩ, giàu liên tưởng thể hiện đa dạng hơn về đời sống, tâm thế của người cầm bút*” [8, tr.22]. Điều này thể hiện khá rõ ở nhiều bài thơ. Trong bài *Năm Tuất mẹ sinh con*, Phạm Ngọc Cảnh đã viết: “*Năm Tuất lùi xa/Năm Tuất lại về/vô tích sự/thằng con trai của mẹ/găng cổ hát sông dài sông bé/câu dậm buồn/năm Tuất/ai nghe*”. Người đọc có thể nhận thấy cùng viết về mẹ nhưng người mẹ trong tác phẩm này của ông khác nhiều so với hình ảnh người mẹ trong những năm kháng chiến. “*Những câu thơ ngắn bị cắt vụn ra, như nỗi lòng tan tác, xót xa. Giọng thơ nghẹn ngào*” [8, tr.22].

Còn trong bài thơ *Hội thảo thơ ở Văn Miếu* Phạm Ngọc Cảnh lại bày tỏ những suy tư về cái nghề mà ông đã gắn bó, theo đuổi như một môi lương duyên không thể dứt bỏ của mình:

*“Có ai đó thấy mình vừa đại đột
ngược lên then thùng
thà cứ lặng đến rằm, mông một
lặng một lời chuông chuông”*

Lời thơ nhẹ nhàng nhưng cũng là những lời nhắc nhở rất khéo léo về nghề viết. Bài thơ dường như đã chạm đến cái cõi “vô thanh thắng hữu thanh”. Qua đó đã thể hiện được một hồn thơ Phạm Ngọc Cảnh với những vần thơ vừa mang đậm *chất Nghệ* nhưng cũng không kém phần thâm thúy, sâu sắc.

Với bài thơ *Khúc mơ màng của đá* nhà thơ lại đóng góp một cách nhìn, cách cảm rất riêng không dễ hòa lẫn. Vẻ đẹp của một danh lam thắng cảnh như hòn Trống Mái không chỉ thu hút nhà thơ ở dáng vẻ bề ngoài mà ông còn khám phá ra vẻ đẹp tiềm ẩn sâu trong đó “là linh hồn của bức tranh thiên nhiên do ông cha ta để lại” là “lòng khao khát tự do yêu nhau, tự do tìm đến hạnh phúc” [10, tr.456]. Có thể thấy với bài thơ này “mạch thơ yêu đời, yêu người trong anh vẫn tiếp tục chảy, nhưng bây giờ đã đi vào chiều sâu hơn, mơ màng hơn” [10, tr.457].

Ở một góc khác người đọc nhận thấy dấu ấn thời bình nghiệp đã để lại khá sâu đậm trong thơ ông. Mặc cho chiến tranh đã lùi xa nhưng sự khốc liệt của nó vẫn hằn in trong kí ức của nhà thơ. Phải chăng “*Cái hùng tráng bi thương của thời đại là nỗi ám ảnh của người cầm bút*” [10, tr.510].

*“một thời đã khuất còn nghe
máu từng giọt vỡ gần kề bước đi”*

(Lục bát thời bình nghiệp)

Khám phá *Nhật lá* của Phạm Ngọc Cảnh, người đọc sẽ nhận thấy nhà thơ đã có nhiều đổi mới. Cái mới không chỉ nằm ở nội dung, cách nhìn, cách cảm, cách tiếp cận hiện thực đời sống mà còn ở góc độ nghệ thuật, ở hình ảnh, ngôn ngữ thơ:

*“Khúc ruột của ông buộc vào tay vịn
sông thế kỷ gọi bàn chân ghé bến
ông dìu cháu đi tập tễnh bước đầu
mười ngón tí tạo mười hạt thóc*

chức nhảy múa lên cao

(Cháu nội)

Tóm lại, *Nhật lá* là một tập thơ khá toàn diện về mặt đề tài và có nhiều đổi mới thể hiện rất rõ vẻ đẹp mượt mà, dân dã mà cũng rất đài các được thu nhận từ một vốn sống phong phú, sự từng trải không ít của hồn thơ Phạm Ngọc Cảnh.

1.2.2.5. *Bến tìm sông* (Nxb Thanh niên 1998)

Sau *Nhật lá* Phạm Ngọc Cảnh tiếp tục đem đến cho bạn đọc một *Bến tìm sông* với 50 bài thơ. Có thể thấy với tập thơ này sẽ “*có một Phạm Ngọc Cảnh của thơ lục bát rất riêng để tả những tâm trạng mà ông muốn khao khát chia sẻ*” [10, tr.447]. Đây là một tập thơ mà Phạm Ngọc Cảnh đã sử dụng thể thơ truyền thống quen thuộc của dân tộc: thể thơ lục bát để sáng tạo nghệ thuật. Chính những âm điệu mượt mà của thể thơ dân tộc đã giúp cho nhà thơ bộc bạch chân thực những dòng cảm xúc của mình và truyền đến cho bạn đọc. Tập thơ được chia thành hai phần: Phần một với tên gọi ***Bến một*** và phần hai được tác giả đặt tên là ***Bến hai***.

Người đọc vẫn hay nhắc về một Phạm Ngọc Cảnh với những vần thơ chan chứa tình người, tình đời. Những vần thơ của ông nhẹ nhàng mà đậm sâu suy tư. Trong phần một của *Bến tìm sông*, người đọc được cùng nhà thơ trở về với dòng lịch sử của cha ông gắn với địa danh chất chứa nỗi niềm:

*“Liên quan gì khúc Eo Lê
mấy triều vua cũ buồn nghe thác găm”*

(Sông Mã và tôi)

Có thể thấy sự trăn trở ẩn sâu trong dòng thơ lục bát. Đó là những dòng thơ ông viết và nhìn về chính những chặng đường đời của mình, lúc nhà thơ từ Đoàn văn công Tổng cục Chính trị về Tạp chí Văn nghệ Quân đội, “*là giai đoạn thực hành chữ nghĩa (trả nghĩa) với những gì ông đã nhận từ cuộc đời*”[34]. Lời thơ tựa như lời nhắc nhở nhẹ nhàng đối với mỗi người, khi chúng ta không chỉ hướng đến tương lai mà còn phải nhìn lại quá khứ để có cách sống, cống hiến cho trọn lẽ đời.

Một điểm dễ nhận thấy đó là trong phần một của tập thơ này, những vần thơ của Phạm Ngọc Cảnh được lấy cảm hứng từ những địa danh cụ thể và đó cũng là một minh chứng điển hình cho hành trang trên con đường kiếm tìm nghệ thuật đích thực của nhà thơ: hành trang của những nơi ông đã đến, đã sống, đã trải nghiệm: *Cỏ ngoài sông Đuống, Ảnh chụp đèn Chiêu Trưng, Tản mạn với Pù Nhi, Đèn thờ đức thánh Trần ở Lào Cai, Phố cũ Sài Gòn, XiMaCai đêm trắng, Ngàn lau Bản Phiệt, Lục bát cho mấy* Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

người thân ở mỏ Cao Sơn... Đặc biệt là trong phần một của tập thơ này ông có đến ba bài thơ viết về mảnh đất Kinh Bắc, được đặt tiêu đề là Kinh Bắc I; II và III. Vậy lí do gì mà nhà thơ có một tình yêu, niềm cảm hứng đặc biệt mảnh đất này? Bởi khi khảo sát các tập thơ khác chúng tôi cũng gặp một nguồn cảm hứng, một niềm say mê của ông với mảnh đất giàu truyền thống dân tộc ấy. Theo nhà thơ Nguyễn Thanh Kim thì “*Có phải do anh định cư trên lối vào phía Bắc, ngõ hầu mở về phía sông Đuống sông Cầu... của miền quê Kinh Bắc với hội hè, đình đám, với xuân sắc liền anh, liền chị... mà tâm hồn tinh tế đã mang của nhà thơ thú nhận*” [dẫn theo 10, tr.462]. Dẫu là lí do gì thì những vần thơ “*Rằng ta trót đã... tình bằng/...theo: bầy con xít lợi ngang đêm rằm*” (Kinh Bắc I) luôn làm say lòng bao bạn đọc.

Trong phần hai của *Bến tìm sông* người đọc sẽ bắt gặp mạch thơ của dòng cảm xúc khác. Đó là những suy tư, trăn trở của nhà thơ trước những biến động của cuộc đời:

*“Đã rình rập giữa hai ta
một tầng khí vận phong ba dữ dằn”*

(Dự báo thời tiết)

Có thể nhận thấy với mảng thơ nhân thế này “*giọng thơ giao tình bay lượn của Phạm Ngọc Cảnh đã trình ra trước mắt chúng ta biết bao cung bậc thất mở, dăm chiêu, khắc khoải*” [10, tr.12]. Tuy nhiên, không phải vì thế mà thơ của ông trở nên ảo não hay bi quan. Ngược lại, những lời thơ của Phạm Ngọc Cảnh vẫn lấp lánh niềm tin về nghị lực vươn lên của con người trước dòng đời nhiều biến động, chảy trôi:

*“Lật nghiêng trang cũ mà năm
nghêu ngao gọi vía phăm phăm mùa về”*

(Mừng tuổi mình)

Đó cũng chính là những giá trị của sự thanh lọc cảm xúc để mỗi chúng ta phải vươn lên giá trị sống tốt đẹp hơn.

Cũng như những tập thơ khác của Phạm Ngọc Cảnh trong phần *Bến hai* này, nhà thơ vẫn dành một tình cảm đặc biệt tới một đề tài rất quen thuộc đó là em, là người bạn đời với tình cảm yêu thương thiết tha, nồng thắm: “*Tưởng rồi trong nụ trong hoa/tưởng đâu giọt thắm ngà ngà đắm say/Thua hoành tráng sức bàn ta/ấp*

lên vàng trán nửa ngày yêu em”(Hoàng tráng). Hay đó là những dòng xúc cảm nhẹ nhàng, đầm thắm và chân thành mà nhà thơ đã đọng lại từ những bộn bề cuộc sống: “*Chút buồn xôm xốp sau mây/tuôn mưa đốt cháy tuổi cây ngô đồng*” (Vu vơ).

Tất cả đã góp phần tạo nên sự thành công của một *Bến tìm sông*- tập thơ với những vần thơ được đúc rút từ một tâm hồn mang niềm tha thiết và cũng đầy trách nhiệm với đời. Có thể khẳng định Phạm Ngọc Cảnh đã “*Tìm đến thơ như là cách để hoài cảm, để chia sẻ những gió mưa, giông bão trong lòng và những ngọt đắng ở đời*” [10, tr.440]. *Bến tìm sông* mãi là đứa con tinh thần mà Phạm Ngọc Cảnh rất trân trọng dành tặng lại cho đời.

“*Nếu nói rằng nền thơ của một dân tộc là biểu hiện rõ nhất và trong một dạng tinh chất nhất tâm hồn dân tộc thì nền thơ chống Mỹ những năm qua quả là một tấm gương sáng và trung thực, qua đó ta nhìn thấy vẻ đẹp tinh thần của con người Việt Nam đang đánh giặc và xây dựng chủ nghĩa xã hội*” [55, tr.152]. Văn học kháng chiến chống Mỹ với nội dung phong phú và đa dạng, phản chiếu đa chiều cục diện của cuộc chiến. Đồng thời cũng góp phần không nhỏ tôn lên vẻ đẹp rạng danh của con người Việt Nam. Sự thành công đó phải kể tới đội ngũ những người sáng tác. Họ vừa là nhà thơ, vừa là người chiến sĩ với hành trang giản dị, với trách nhiệm lớn lao, lăn mình vào cuộc chiến để cùng chiến đấu và cùng cống hiến cho nghệ thuật vượt qua những gian lao, thử thách, sự hy sinh để ghi lại những trang thơ và vẻ đẹp của tâm hồn Việt Nam trong những năm tháng hào hùng của lịch sử. Những tên tuổi như Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Chính Hữu, Hoàng Cầm, Phạm Ngọc Cảnh, Lê Anh Xuân ... mãi là niềm tự hào của của thơ ca Việt Nam.

Qua việc khảo sát năm tập thơ trong hành trình thơ của Phạm Ngọc Cảnh, người đọc sẽ bắt gặp một tâm hồn của người lính mang khí thế hào hùng, lòng phơi phới lạc quan với niềm tin bất diệt vào thắng lợi của dân tộc. Đó còn là những trăn trở, suy tư sâu sắc về cuộc đời của một tâm hồn từng trải với những gập ghềnh của cuộc đời. Đó còn là một tình yêu lớn: tình yêu với quê hương, xứ sở, với những giá trị văn hóa của dân tộc, với những con người giản dị, mộc mạc. Hành trình thơ đó

song hành với hành trình về con đường đời của nhà thơ. Dẫu rằng ông cũng đã tự đánh giá mình *chưa bao giờ coi thơ là một nghề mà đó chỉ là một cách sống*, một niềm say mê, một sự cống hiến cho nghệ thuật. Nhà thơ đã để lại những ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn yêu thơ bởi những vần thơ nhẹ nhàng, man mác mà sâu sắc để rồi mỗi khi đọc lại thơ của Phạm Ngọc Cảnh, mỗi người lại có những chiêm nghiệm riêng cho mình và lựa chọn cho mình cách sống đúng. *Đó cũng chính là thơ* (Tự đánh giá)

*“Sống cho ra sống mặt người
để nghìn trang nữa chép thời trôi qua”*

(Hồi kí)

Chương 2

CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO VÀ CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ PHẠM NGỌC CẢNH

2.1. Cảm hứng chủ đạo trong thơ Phạm Ngọc Cảnh

Thiên chức cao cả nhất của người nghệ sĩ nói chung và các nhà thơ, nhà văn nói riêng là lao động sáng tạo ra những tác phẩm nghệ thuật để cống hiến cho đời. Những đứa con tinh thần đó ra đời trong trạng thái cảm xúc được thăng hoa kết hợp với tài năng, trí tuệ của cá nhân người sáng tác. Chính vì thế mỗi nhà thơ, nhà văn có một thế giới in đậm dấu ấn cá nhân riêng trong tác phẩm của mình. Dấu ấn đó càng trở nên sắc nét khi trạng thái cảm xúc của người nghệ sĩ có những rung cảm đặc biệt với nguồn cảm hứng đòi hỏi được bộc bạch. Với thơ ca thì vai trò của cảm hứng trở nên đặc biệt quan trọng bởi *tư duy của thơ là tư duy sáng tạo trong một trạng thái đầy cảm hứng*.

Vậy cảm hứng, cảm hứng chủ đạo là gì? Với Pôxpêlôp thì cảm hứng là *“sự lí giải, đánh giá sâu sắc và chân thực - lịch sử đối với tính cách được miêu tả vốn nảy sinh từ ý nghĩa dân tộc khách quan của các tính cách ấy là cảm hứng sáng tạo của nhà văn và của tác phẩm của nhà văn”* [dẫn theo 17, tr.141]. Nhà lý luận - phê bình Trần Đình Sử cho rằng *“Cảm hứng trong tác phẩm trước hết là niềm say mê khẳng định chân lý, lý tưởng, phủ định sự giả dối mà mọi hiện tượng xấu xa, tiêu cực là thái độ ngợi ca, đồng tình với nhân vật chính diện, là sự phê phán tố cáo các thế lực đen tối, các hiện tượng tầm thường”* [33, tr.268]. Như vậy, cảm hứng là nguồn cảm xúc, là thái độ nồng nhiệt, chân thành góp phần quan trọng làm nên sự thành công của tác phẩm.

Chính vì vậy mà cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm được Hêghen xem như ‘*trung tâm điểm*’, “*vuông quốc thật sự*” của nghệ thuật. Theo ông, cảm hứng chủ đạo cần được xem là “*sản phẩm của một tinh thần phong phú và hoàn thiện, một cá tính mà trong đó tất cả những lực lượng bản thể phổ quát đều được thực hiện*” [dẫn theo 20, tr.208]. Cũng về khái niệm cảm hứng chủ đạo, Bêlinxki quan niệm cụ thể hơn: “*Trong những tác phẩm thi ca đích thực, tư tưởng không phải là một khái niệm trừu tượng, được diễn tả một cách giáo điều, mà nó tạo thành linh hồn tỏa vào trong tác phẩm, giống như ánh sáng chiếu vào pha lê. Tư tưởng trong sáng tạo thi ca - đó chính là cảm hứng... Cảm hứng là sự thiết tha và nhiệt tình nồng cháy gợi nên bởi một tư tưởng nào đó*” [dẫn theo 20, tr.208]. Huỳnh Như Phương cũng nhấn mạnh: “*Việc tìm hiểu cảm hứng chủ đạo không phải chỉ căn cứ trên một bộ phận, một thành tố nào, mà phải căn cứ trên toàn bộ lô gích nghệ thuật của tác phẩm*” [dẫn theo 20, tr.210].

Tóm lại, với một tác phẩm văn học thì luôn có sự đóng góp quan trọng của cảm hứng chủ đạo. Cảm hứng chủ đạo đã hòa quyện trong từng “*thớ thịt*” và trở thành “*linh hồn*” của tác phẩm. Đây là nhân tố không chỉ chi phối việc ra đời tác phẩm mà còn chi phối cả quá trình tiếp nhận tác phẩm. Cảm hứng chủ đạo trở thành cầu nối giữa nhà văn - tác phẩm và bạn đọc, giúp cho quá trình tiếp nhận tác phẩm trở nên dễ dàng và sâu sắc hơn. Mặt khác, cảm hứng chủ đạo còn chi phối cả quá trình sáng tác của tác giả và mang đậm dấu ấn thời đại.

Hành trình sáng tác thơ của Phạm Ngọc Cảnh bắt nguồn từ những cảm xúc chung của người công dân Việt Nam trên chặng đường đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Chính vì thế, cảm hứng chủ đạo trong thơ ông là cảm hứng về quê hương, đất nước, về chiến tranh. Đồng thời trong sáng tác của Phạm Ngọc Cảnh vẫn có những suy tư, trăn trở về những góc khuất của cuộc sống. Điều đó thể hiện rõ trong mảng thơ viết về cảm hứng đời tư, thế sự của ông.

2.1.1. Cảm hứng về đất nước, quê hương

2.1.1.1. Đất nước, quê hương trong đau thương

Với mỗi con người mang trong mình dòng máu Lạc Hồng thì Đất nước, quê hương là người Mẹ yêu thương luôn giang rộng vòng tay che chở, dìu dắt, chấp cánh xây đắp những ước mơ trở thành hiện thực trong lớp lớp đàn con qua bao thế hệ. Vì vậy, viết về người Mẹ vĩ đại ấy luôn là đề tài bất tận trong văn học, đặc biệt với thơ ca. Đây là một hình tượng kì vĩ mà lại cũng rất gần gũi thân thương, trong

tâm hồn con người Việt Nam. Dù trong bất kì hoàn cảnh nào của lịch sử hình tượng đó luôn tỏa sáng hiên ngang với niềm tin yêu bất tận.

Một điều dễ nhận thấy là hình tượng đất nước, quê hương trong gian nan, thử thách được khắc họa khá sâu đậm trong văn học. Từ lời ca trong văn học dân gian, hay những tác phẩm bất hủ trong văn học trung đại, văn học hiện đại thì âm hưởng của những tháng ngày cả dân tộc cùng gồng mình giữ nước trước kẻ thù xâm lược luôn vang vọng trong trái tim của dân tộc Việt Nam, trở thành niềm tự hào dân tộc, lời nhắc nhở về trách nhiệm của mỗi cá nhân với lịch sử, với đất nước, quê hương trong hiện tại.

Công cuộc kháng chiến chống Mỹ là một bản anh hùng ca về sự nghiệp giữ nước tỏa sáng vẻ đẹp con người Việt Nam. Song hành cùng bản trường ca của dân tộc trong những tháng ngày gian khổ mà hào hùng đó là một *“nền thơ chiến đấu, mang tính quần chúng sâu rộng”*. Nền thơ đó được so sánh như *“một dòng sông vọt trào ào ạt từ 1964 đã có những tiền đề từ trước, đã có nguồn nước tích tụ từ xa”*[55, tr.116]. Có được sức mạnh như vậy là sự đóng góp không nhỏ của các thế hệ nhà thơ chống Mỹ. Trong số đó phải kể tới nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh với những vần thơ được viết bởi hành trang của một người chiến sĩ trực tiếp chiến đấu trên chiến trường. Do đó, những trang thơ của ông mang đậm chất hiện thực. Có thể thấy, cũng cùng nguồn cảm hứng chung về đất nước trong một thời khắc lịch sử đặc biệt, nhà thơ đã dành nhiều trang thơ của mình để viết về đất nước, quê hương trong đau thương. Đó là những vần thơ thấm máu, nước mắt không chỉ là của riêng ông mà còn là biết bao người và đây cũng những vần thơ hòa trong cảm hứng chung nhưng vẫn thể hiện cách khám phá, cách tiếp cận mang dấu ấn cá nhân riêng của một hồn thơ Phạm Ngọc Cảnh.

Cùng nguồn cảm xúc về đất nước, quê hương trong đau thương trên thi đàn thơ ca chống Mỹ có nhiều tác giả thể hiện. Đó là hình ảnh đất nước, quê hương nhuộm màu tang tóc trong thơ Chế Lan Viên: *“Tôi nhìn ra thấy máu thịn quê hương/Như đang dâng thành núi, đọng thành sông/Oi! Gió Lào oi! Người đừng thổi nữa/Những ruộng đói mùa, những đồng đói cỏ/Những đồi sim không đủ quá nuôi người/Cuộc sống gian lao ít tiếng nói, tiếng cười/Chỉ tiếng gió mù trời chen tiếng súng/Của đôn giặc mấy năm trời chiếm đóng”* (Kết nạp Đảng trên quê hương của mẹ). Còn trong *Trường ca sự đoàn*, Nguyễn Đức Mậu đã ghi lại *“những giây phút đất nước chìm ngập trong khói độc chiến tranh”*[dẫn theo 19, tr.24] *“Thuốc độc rơi Sớ hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN*

mờ mặt đất/Người lính đeo mặt nạ, khí tài/Súng cầm tay/Khăn mặt ướt vắt vai/Ngực căng hơi thở gấp/Ngày ở đây như thể quen rồi/Một vuông đất chân co, chân duỗi/Thiếu cơm ăn thiếu cả khí trời/Thuốc độc phả vào hơi thở thịt da’’

Phạm Ngọc Cảnh đã chọn cho mình một cách viết mang “*sự chín chu, kiên nhẫn lại vừa như có sự bút phá, khác người*”[10, tr.472] của một cuộc đời cầm súng sớm hơn làm thơ. Năm 13 tuổi nhà thơ đã từ biệt quê hương - mảnh đất Hà Tĩnh đầy nắng gió và nghèo - để vào bộ đội. Đó là một bước ngoặt, mở ra một trang mới trong cuộc đời ông. Cũng từ đây cho đến khi gần trọn đời, ông luôn khoác trên mình màu xanh áo lính và cũng đã chứng kiến nhiều cảnh tượng, nhiều khoảnh khắc dữ dội của cuộc chiến. Ông không né tránh mà rất chân thực khi tái hiện những bộn bề, góc khuất, những đau thương, mất mát mà dân tộc ta đã phải trải qua. Đọc *Sông Po Lin rất xanh* người đọc như được tận mắt chứng kiến sự tàn độc của kẻ thù trên mảnh đất này

*“đế giày quân cướp dữ
siết mạnh vào đá đứng trên bờ
ngọn lửa na - pan
liếm sát bầy chông thông ngăn đầu thác đổ
B.52 xé vụn ổ chim rừng...”*

Một bức tranh hiện thực cuộc chiến đâu không thể là vẹn toàn nhưng nhà thơ đã khắc chạm những nét vẽ rất sống động đủ tố cáo những tội ác mà kẻ thù đã gieo giắc xuống mảnh đất vốn bình dị và hiền hòa này. Lời thơ mang nét thô ráp, có phần gân guốc nhưng tràn đầy sự xót xa, đau đớn của những con người trong cuộc.

Với *Đêm xuân Huế đỏ cờ bay* người đọc như cùng thồn thức theo tiếng lòng, tiếng thơ của Phạm Ngọc Cảnh:

*“Đêm khùng khiếp vẫn đề lên ngực thờ
Quỷ dâm ô chui rúc dưới chân thành
Xe Mỹ rú từng bầy quanh núi Ngự
Cày những gốc thông tay chúng chém hôm qua’’*

Dải đất hình chữ S đã không biết bao lần phải đương đầu với sự xâm chiếm, bóc lột của kẻ thù. Và lúc này, khi đế quốc Mỹ đặt chân vào dải đất này chúng đã

gieo bao đau thương, mát mát cho những con người vô tội. Không có nỗi đau nào bằng nỗi đau của những người con khi mất đi người Mẹ Tổ quốc của mình bởi *sống giữa quê hương mà như kiếp đi đày*. Câu thơ “*Đêm khùng khiếp vẫn đề lên ngực thờ*” đã gieo vào trái tim người đọc sự bàng hoàng đến nghẹn thở trước sự tàn bạo của kẻ thù. Lời thơ chân thực và nhức nhối vô cùng.

Đã là nỗi đau lớn thì không ai muốn nhắc lại nhiều, Phạm Ngọc Cảnh cũng vậy, nhưng mỗi khi đọc những vần thơ nghẹn ngào của ông thì người đọc không khỏi xúc động.

*“Xích xe bọc thép Mỹ găm
Máu đôi hàng phượng cháy bầm thân cây
Thông gào đêm xé lòng mây
Huế yêu ơi, giặc Mỹ vậy sóng như”*

(Dạ thừa anh)

Cách phối vần, ngắt nhịp rất nhịp nhàng, tinh tế của Phạm Ngọc Cảnh trong những câu thơ sống động, giàu yếu tố tự sự mà cũng lắng đọng chất trữ tình. Ông gửi gắm vào thơ nỗi đau nhức nhối của hình ảnh đất nước bị chiến tranh tàn phá. Đó không phải là nỗi đau của riêng nhà thơ, của những con người xứ Huế mà là nỗi đau chung của một dân tộc đang trải qua cuộc trường chinh đầy gian khổ để giành và giữ lại nền độc lập, tự do.

Biêlinxki đã từng phát biểu: *‘Ở đâu có cuộc sống là ở đó có thơ ca’*. Bước chân hành quân của Phạm Ngọc Cảnh cùng với những người đồng đội đã đặt lên nhiều mảnh đất, miền quê của Tổ quốc thân yêu. Nhờ đó ông đã hun đúc cho mình một lượng vốn khá đầy đặn của thực tế chiến trường. Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, người nghệ sĩ tài hoa này đã giữ lại cái gì hay viết nông, sâu, đậm, nhạt thế nào cũng đã phản ánh khá rõ trên những trang thơ với một quan điểm nhân sinh, quan điểm nghệ thuật đặc sắc, không quá lạ lẫm nhưng không lặp lại. Chính vì thế, nên dẫu cùng nguồn cảm hứng viết về đất nước, quê hương trong đau thương nhưng với Phạm Ngọc Cảnh người đọc vẫn nhận thấy ở thơ của ông một chất thơ đậm đà, mang những ý nghĩa tích cực.

2.1.1.2. *Đất nước, quê hương trong vẻ đẹp hiền hòa, bình dị mà cao quý*

Người nghệ sĩ thực thụ thì phải là người nghệ sĩ của dân tộc, của quê hương, bởi chỉ khi chúng ta được sống, được gắn bó và trải qua những vui buồn trên chính mảnh đất đó thì ta mới cảm nhận được những giá trị to lớn của quê hương dành tặng cho mình. Đồng thời, chúng ta cũng cảm nhận được vẻ đẹp lấp lánh, vẻ đẹp tiềm ẩn của đất nước, quê hương. Trong nguồn cảm hứng dào dạt ca ngợi vẻ đẹp của đất nước mỗi nhà thơ đã góp vào đó với những vần thơ dường như là đẹp nhất. Hẳn bạn đọc vẫn không quên một sự cảm nhận tinh tế mang nét ngây thơ của tâm hồn trẻ nhỏ trong *Hương đồng* của Trần Đăng Khoa: *‘Trời đất đêm nay/Như chim mới hót/Như rượu mới cất/Như mật mới đông/Đi trong ngào ngạt/Niềm vui gieo trồng/Thịt da ta cũng/Tỏa hơi ruộng đồng’*. Còn Bằng Việt thì vẻ đẹp của đất nước, quê hương in trong những kí ức về tuổi thơ với những vần thơ ám áp: *‘Hoa bìm ơ hoa bìm!/Vẫn tròn trặn, đơn sơ màu tím thê!/Như ước vọng mở lòng ta thủ thi/Có nét gì vẫn quyến rũ như xưa’* (Giã từ tuổi thơ).

Hòa trong dòng cảm hứng khi cất lên những lời ca của bản đàn vẻ đẹp Tổ quốc, Phạm Ngọc Cảnh cũng góp vào đó những thanh âm trong trẻo, du dương mang một vẻ đẹp riêng của ông:

*“Mùa đào đã chín trên tay
Thắm trong quả chút hương cây thoảng mềm
Mặc cơn mưa núi buông rềm
Thơm từ chiếc lá rơi êm lối vườn”*

(Mùa đào ăn chung)

Từ sự cảm nhận tinh tế kết hợp với tài năng Phạm Ngọc Cảnh đã truyền đến cho bạn đọc một cảm giác dịu nhẹ, khoan khoái của khung cảnh bình yên mang vẻ đẹp thơ mộng của quê hương xứ sở. Hình ảnh khu vườn đào chín với hương thơm nồng nàn tỏa ra trong cơn mưa rừng chợt đến đã làm say đắm hồn người. Bên cạnh vẻ đẹp đến độ chín của cảnh sắc, người đọc còn cảm nhận được cả âm thanh rất “rơi êm” của chiếc lá. Một khung cảnh đi vào thơ rất đời tự nhiên mà lắng đọng biết bao cảm xúc. Đó còn là cảm nhận của những ai khi tìm đến với *“Không đề”*

*“Hoa nghiêng một nhánh mời
Vùng hương thỉnh lặng quá*

Thôi thà cầm nhành lá

Rủ xuân ngoài rong chơi''

Lời thơ không quá chau chuốt, hình ảnh không cầu kì nhưng bù lại là sự âm áp, yên bình biết bao. Nét duyên dáng của cảnh vật cùng lời mời gọi mùa xuân đến làm cho bức tranh tràn đầy nhựa sống.

Cũng như bao người con khác được sinh ra từ miền đất mẹ, được sống, gắn bó với quê hương nên trong hồn thơ đong đầy cảm xúc của nhà thơ thì quê hương là người mẹ với vẻ đẹp giản dị, rất đỗi thân thương mà cũng cao quý vô ngần. Vẻ đẹp đó còn chứa đựng một sức sống bền bỉ vượt lên sự khắc nghiệt của hoàn cảnh:

“Thảm cỏ trở nên đẹp đẽ vô cùng

Cây găng trở cho mùa hè năm sau cái bóng

Bằng những chồi lên xanh’’

(Mùa xuân ở đó)

Vượt lên trên nền hiện thực khốc liệt của cuộc chiến là sức sống của quê hương lan tỏa trong từng thớ đất, từng ngọn cỏ, để rồi lại chắt đọng vào trong từng ý thơ. Và mỗi chúng ta sẽ có những giây phút được thả hồn mình trong vẻ đẹp dịu ngọt, say đắm của quê hương thân thương: *“Nào có ai hát ru đâu/con ong tìm đến giàn bầu đầy thoi/con mưa đêm trước tạnh rồi/giờ là giọt nắng lặn phơi phấn vàng’’*(Dịu êm). Với lối nói nhân hóa, kết hợp với việc lựa chọn và sáng tạo hình ảnh, Phạm Ngọc Cảnh đã đưa người đọc trở về với không gian thanh bình làng quê với những hình ảnh rất đời thường, quen thuộc: con ong, giàn bầu, cơn mưa, giọt nắng. Nhưng điều thi vị nhất là ông đã thổi vào đó một tâm hồn tha thiết yêu quê.

Có thể khẳng định trong bức họa về quê hương với vẻ đẹp thanh bình, thơ mộng, mỗi nhà thơ chọn cho mình một gam màu khác nhau để cùng hòa trộn thành một bức tranh sắc nét. Phạm Ngọc Cảnh cũng vậy, khi viết về mùa thu trên quê hương, đất nước ông cũng chọn nắng, chọn gam màu vàng rực rỡ. Nhưng nhà thơ pha vào trong đó là chút ‘*bối rồi*’, chút ngỡ ngàng:

“nắng bắt cập thả vàng bối rồi

cành mới gánh hờ sương đêm’’

(Mùa thu một mình)

Viết về vẻ đẹp quê hương, Phạm Ngọc Cảnh cũng không quên vẻ đẹp của những con người trên mảnh đất ấy. Đó là những người con mang vẻ đẹp thuần hậu, chất phác nhưng chính họ đã và đang từng ngày góp sức mình bảo vệ và dựng xây quê hương giàu đẹp:

*“Đồng tôi xanh tiếng chim gù
Vòng tay tôi gặt mùa thu chín vàng”*

(Ụ sủng trong đồng)

Âm thanh của tiếng chim hòa cùng sắc thu vàng óng của một mùa lúa bội thu là bản đàn quen thuộc mà không kém phần độc đáo đã được nhà thơ tái hiện cụ thể. Đó là kết quả của cảm hứng yêu thương, tự hào về đất nước, quê hương cùng cách sử dụng nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác tài tình. Phải là một người con luôn nặng lòng với quê hương, Phạm Ngọc Cảnh mới trở thành người nghệ sĩ tài hoa như vậy. Với nhà thơ, con người Việt Nam dù qua biết bao thay đổi của cuộc sống, bao thăng trầm của lịch sử thì vẫn luôn giữ trong mình vẻ đẹp của sự cần cù, chịu thương, chịu khó, đó là vẻ đẹp truyền thống - vẻ đẹp bình dị mà cao quý vô cùng.

Cũng chính dải đất thân yêu này là nơi đến, nơi đi của nhiều con sông. Vẻ đẹp phong phú của những con sông quê hương đó đã mang đến một nguồn thi hứng đặc biệt cho Phạm Ngọc Cảnh. Ông đã có nhiều vần thơ tô điểm cho cho những con sông quê hương: *“Sông Pơ Lin không biết có phù sa/Nơi gặp mặt/những cuộc đời trong xanh của suối,/nơi tình tự/sao triềng gió núi/mùa xuân dài với đêm trường ca/nơi mấp mạp buôn làng/sinh nở mùa hoa”* (sông Pơ Lin rất xanh). Có biết bao sự tự hào, vui sướng của nhà thơ khi được tắm mình trong vẻ đẹp thơ mộng, dịu dàng mà đắm say của con sông quê hương. Dáng vẻ mềm mại, gương mặt trong xanh, hiền hòa của sông Pơ Lin là nơi hội tụ của phù sa màu mỡ, nơi tình tự của *sao triềng gió núi*, là bản trường ca bất tận về sự sống. Sông Pơ Lin đã trở thành dòng sông của thi ca, của nhạc họa, của ngọn nguồn yêu thương. Không chỉ khắc họa vẻ đẹp mộc mạc, dịu dàng của dòng sông Pơ Lin mà Phạm Ngọc Cảnh còn luôn dành những vần thơ, những cảm xúc chân thành của mình cho những dòng sông quê hương khác. Đó là vẻ đẹp của sông Thương, sông Đuống, sông Cầu, những dòng sông mang nền văn hóa lúa nước, mang vẻ đẹp trữ tình, bình dị của phong cảnh quê hương.

Để tạo được sự cộng hưởng, sự lan tỏa trong lòng bạn đọc với với thơ không phải là điều dễ dàng. Vậy mà với Phạm Ngọc Cảnh, ông đã truyền đến người đọc

một sức cuốn hút kì lạ. Chính vì vậy, trong dòng cảm hứng của ông khi viết về vẻ đẹp hiền hòa, bình dị mà cao quý của quê hương, đất nước, nhà thơ đã tạo được những vần thơ độc đáo làm lay động bao trái tim người đọc. Những vần thơ đó như bản tình ca mãi ngân khúc ca, ca ngợi vẻ đẹp bình dị mà rất đỗi tự hào về quê hương Việt Nam.

2.1.2. Cảm hứng về chiến tranh

Với một đất nước đã trải qua nhiều cuộc trường chinh để giữ nền độc lập, tự do như đất nước ta thì đề tài chiến tranh luôn là đề tài thu hút đông đảo nghệ sĩ tham gia sáng tác. Đặc biệt, trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ gian khổ mà hào hùng được đánh giá như một bản hùng ca về sự nghiệp cứu nước thì cảm hứng viết về chiến tranh là cảm hứng lớn, nóng bỏng, bao trùm lên hầu khắp các sáng tác của các nhà văn, nhà thơ. Mỗi tác giả có cách khai thác hoặc lí giải khác nhau về đề tài này. Người đọc rất ấn tượng với cách *định nghĩa* của Chu Lai “*Chiến tranh...là cái quái gì ấy? Phải chăng nó chỉ gói gọn trong một định nghĩa là ngày nào cũng nhìn thấy người chết*” (Ăn mày dĩ vãng). Còn với nhà thơ Vũ Quần Phương thì cho rằng: “*Khi viết về đề tài chiến tranh cách mạng và người lính phải có một góc nhìn để khi viết, nói ra được cái tâm lý dân tộc trong cuộc chiến. Và làm sao phải đạt được một tầm nào đó. Phải vượt lên để đạt tới tầm của nhân loại*” [44]. Phạm Ngọc Cảnh đã chọn cho mình *một góc nhìn để viết* và ông đã rất thành công. Sự thành công đó bắt nguồn từ hiện thực của cuộc kháng chiến gian khổ cùng niềm tin chiến thắng. Đồng thời đó còn là cảm hứng yêu thương ghi tạc cảm xúc của tình quân dân. Tất cả đã góp phần làm nên một hồn thơ Phạm Ngọc Cảnh tài năng.

2.1.2.1. Cảm hứng bắt nguồn từ cuộc chiến gian khổ, ác liệt và niềm tin chiến thắng

Xuất phát từ một người lính với hành trang trên vai là chiếc ba lô quen thuộc cùng cuốn sổ nhỏ để ghi chép và sáng tác, Phạm Ngọc Cảnh đã cùng với đồng đội của ông đặt chân lên nhiều chiến trường. Ông từng tâm sự rằng: “*Trong những năm tháng của tuổi trẻ, nếu chúng ta không chịu khó suy nghĩ thì tuổi trẻ sẽ trôi đi một cách vô tình. Không ai giằng níu được cái tuổi, nhưng cái sức trẻ thì ta phải giữ lấy, bởi mỗi con người cầm bút đều mang trong mình sức nổ tâm xa*” [10, tr.451]. Lời tự bạch ấy cũng là lời tuyên ngôn của một nhà thơ áo lính. Chính vì thế mà ông đã sớm trở thành lớp nhà thơ đầu của thế hệ thơ chống Mỹ. Cũng như bao lớp nhà thơ khác cùng chiến đấu và cùng sáng tác, Phạm Ngọc Cảnh đã làm rung động

người đọc bởi những vần thơ không chau chuốt, cầu kì mà đậm chất hiện thực. Ông đã tạo được chiếc cầu nối, sự đồng điệu giữa nhà thơ - tác phẩm và bạn đọc.

Ngay trong bài thơ đầu tiên của tập thơ *Đêm Quảng Trị*, Phạm Ngọc Cảnh đã dành một tình cảm đặc biệt của mình với mảnh đất Quảng Trị, nơi “*đất không nuôi nổi người, người không nuôi nổi đất*” nhưng cũng là nơi cuộc kháng chiến diễn ra ác liệt và dữ dội. Bài thơ *Đêm Quảng Trị* mở ra một không gian rộng với âm hưởng hùng ca, mang tính sử thi đã thể hiện được những vất vả, gian khổ và cả sự hy sinh của mảnh đất Quảng Trị anh hùng. Đồng thời bài thơ cũng diễn tả khí thế hào hùng của một dân tộc đứng lên chiến đấu giành lại độc lập tự do.

*“Đường số 9 ba nghìn đêm dưng sĩ
Giết quân thù trên chóp núi Trường Sơn
Những tên đất lớn dần theo Quảng Trị
Nghe hai miền hát thuộc khúc Tà Con”*

Bài thơ sử dụng thành công nhiều biện pháp nghệ thuật: so sánh, nhân hóa, cường điệu... đặc biệt là nghệ thuật liệt kê mở ra hàng loạt các địa danh như sông Ba Lòng, đất Khe Sanh, Dốc Miếu, La Vang... và gắn với đó là sự dữ dội của cuộc chiến. Bài thơ kết thúc bằng những âm hưởng vút cao niềm tin chiến thắng.

*“Quảng Trị nuôi ta bằng chiến công nở rộ
Người là trường ca ta nguyện tiếp thêm chương”*

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn ngày càng ác liệt thì người thư kí trung thành trong cuộc chiến như Phạm Ngọc Cảnh đã tái hiện lại càng rõ nét về hiện thực cuộc chiến, giúp người đọc nhận rõ hơn bộ mặt của kẻ thù đằng sau những trò bịp bợm, những luận điệu xảo trá của chúng:

*“Giặc muốn riết trăm vòng dây kẽm chắt
Cho im bật lời ca dầm nước mắt”*

(Trống trận sông Bò)

Những vần thơ *dầm nước mắt* của tác giả, của người dân vô tội vang lên như bản án kết tội kẻ thù. Là một người lính trực tiếp chiến đấu và chứng kiến những hiện thực đầy khốc liệt của chiến trường nên trong thơ của Phạm Ngọc Cảnh người đọc như được sống trong những thời khắc lịch sử đầy gian truân đó. Có thể khẳng định là ông đã vượt lên cái giới hạn của chính mình khi không né tránh, không đòi

hỏi mà lăn vào cùng cuộc chiến để dám nói, dám viết. Nhưng cũng trong chính những trang hiện thực nhức nhối đó là sự sống, sự hồi sinh kì diệu của một dân tộc mà không kẻ thù nào tiêu diệt được:

*“Kỵ binh bay” nhảy cóc
lên Rào Trăng Khe Mỏi
Ám Vách, A Sầu
Lửa táp làng Tà
một chú bé Pa Ko sống sót
Chính ủy ấm về nuôi
câu ru xóm giềng cho thuở trước...”*

(Chính ủy hát ru đứa con nuôi)

Hệ quả của những *chiến thuật* tàn bạo của kẻ thù là sự chết chóc, là sự đau thương len lỏi vào cả những buôn làng xa xôi của đất nước. Người chiến sĩ - thi sĩ Phạm Ngọc Cảnh đã có mặt ở những miền đất xa đó để sẻ chia, để đồng cảm, để ghi lại những *khoảnh khắc đặc biệt* của cuộc chiến. Địa hạt sáng tác của nhà thơ cũng trải dài như chính tấm lòng của ông dành tặng cho quê hương, đất nước.

Cũng như bao vần thơ khác trong cuộc chiến, thơ của Phạm Ngọc Cảnh cũng thấm sâu chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Cảm hứng đó bắt nguồn từ chính hiện thực của một cuộc chiến gian nan, cùng với niềm tin chiến thắng. Điều này thể hiện ngay cả khi ông viết về những mất mát, hy sinh trong cuộc chiến thì những vần thơ của ông vẫn giữ vững phẩm chất đẹp của người công dân trong bối cảnh mới này:

*“Khi cái chết chạm vào lòng rát bỏng
như lửa tấn công cháy đầu mũi súng
trước chuông điện thoại báo về trung đoàn
trước công văn báo về sư đoàn
sáu mũi tai bèo đầm nước mắt
vĩnh viễn xa nhau mà chẳng mất
xóc lại đội hình
hàm răng nghiền chặt
sau viên đạn lao đi mà bảy tiếng âm vang”*

(Chuyện không bao giờ dứt ở tiểu đội)

Ghi lại hình ảnh của những người đồng đội hy sinh dưới bom đạn của kẻ thù là khoảnh khắc buồn đau của Phạm Ngọc Cảnh nhưng không phải vì thế mà giọng thơ trở nên yếu đuối hay bi lụy mà ngược lại lời thơ trở nên đanh thép chất chứa căm thù. Dầu sẽ không được cùng nhau bước tiếp những chặng đường tiếp theo nhưng những sự hy sinh đó mãi là động lực tiếp sức cho những người đồng đội quyết tâm chiến đấu giành lại sự yên bình cho quê hương, đất nước. Phạm Ngọc Cảnh đã khẳng định sức mạnh của dân tộc qua những mất mát, hy sinh, qua nỗi đau thâm lạng của bao con người.

Hòa chung khí thế cả một thế hệ cùng một “*xanh màu áo lính*” (Nguyễn Đức Mậu) cùng “*xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*” (Tố Hữu), Phạm Ngọc Cảnh cũng ghi lại một cách chân thực hình ảnh của “*Những sân ga... Những chuyến tàu*” đón và đưa những người con ưu tú của quê hương tiếp tục *tiếp vận* cho cuộc chiến. Đây là một lực lượng đông đảo của khối đại đoàn kết toàn dân, đồng thời đó còn là sự phối hợp của thiên nhiên, núi rừng. Tất cả tạo thành một hình ảnh của *một đất nước đứng lên* tiêu diệt kẻ thù: “*Đất tiếp lực cho tàu ta lướt tới/Núi nghiêng vai dốc thuộc bước ta trèo/Đá dưới vực quỳ đội võng cầu treo*”.

Những vần thơ mang âm hưởng hào hùng của khí thế ra trận là điểm nổi bật trong hầu khắp các sáng tác của Phạm Ngọc Cảnh trong giai đoạn đầy cam go và khốc liệt này. Nhà thơ đã đứng trong hiện thực, phản ánh và ngợi ca hiện thực. Đó là những trận chiến ác liệt, là những chiến công, những kì tích mà một dân tộc anh dũng và kiên cường này đã làm được. *Nhật kí 935* đã trở thành một cuốn nhật kí sống động tái hiện những hiện thực bề bộn của chiến trường, đồng thời cũng ghi lại những chiến thắng vang dội của nhân dân ta và cùng với đó là những trang nhật kí ghi lại sự thất bại thảm khốc của kẻ thù trong cuộc chiến đầy phi nghĩa mà đế quốc Mỹ đã cố tình gây nên. Những câu thơ mang âm hưởng hào hùng, tràn đầy khí thế tiến công kẻ thù, đó là những lời ca mãi ngân vang trong tâm hồn con người Việt Nam:

“*Sau A Bia*

nhật ký chiến công vượt lên nghìn cao điểm

thác réo dưới Rào Trăng

*lòng ta lại chiếm
bãi tha ma chật đầy sông Bồ
vùi xác trực thặng dưới bùn lạnh quánh”*

“Chiến tranh càng mở rộng, càng ác liệt, thơ càng mở rộng kích thước phát triển và khả năng chiến đấu của mình” [55, tr.117]. Song hành với đất nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ đầy cam go này, thơ của người chiến sĩ Phạm Ngọc Cảnh trở nên rắn rỏi, đầy khí phách hào hùng. Có thể thấy những lời thơ đó của ông đã có mặt ở nhiều chiến trường, là nguồn cổ vũ, là sự động viên, khích lệ người chiến sĩ luôn vững chắc tay súng.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã đem đến cho thơ ca kháng chiến chống Mỹ nói chung và thơ ca của Phạm Ngọc Cảnh nói riêng một âm hưởng đặc biệt với một sức sống, sức chiến đấu mãnh liệt cùng với niềm tin tất thắng. Trong âm hưởng chung đó, Phạm Ngọc Cảnh đã cống hiến cho thơ ca Việt Nam hiện đại những vần thơ xuất sắc bắt nguồn từ chính hiện thực gian khổ, từ những hy sinh, mất mát của chiến trường. Thơ ông vừa mang đậm chất sử thi vừa có những dấu ấn riêng của chủ thể sáng tạo.

2.1.2.2. *Cảm hứng yêu thương ghi tạc cảm xúc của tình quân dân*

Trong cuộc kháng chiến trường kì chống đế quốc Mỹ của dân tộc, thơ ca đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Các nhà thơ đã trở thành những người chiến sĩ - thi sĩ, góp những thanh âm trong trẻo ngợi ca vẻ đẹp, sức mạnh quê hương trong kháng chiến. Phạm Ngọc Cảnh cũng vậy, ông đã để lại dấu ấn sâu đậm trong văn học chống Mỹ bằng những vần thơ viết bởi chính hành trang và trải nghiệm của một người lính. Vậy nên, thơ ca của ông mang đậm chất hiện thực và cũng rất sâu đậm nghĩa tình. Nhà thơ dành một mảng lớn thơ của mình để ghi lại cảm xúc về tình quân dân gắn bó. Cảm hứng đó xuất phát từ truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam và được bồi đắp bởi sức mạnh đoàn kết cộng đồng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ gian lao thì tình quân dân càng trở nên bền chặt. Mối quan hệ đặc biệt của *quân với dân như cá với nước* đã trở thành một hình tượng rất đẹp trải dài trong thơ ca. Đây là cách cảm nhận rất thành thực mà mang sức khái quát cao của người lính

Nguyễn Đức Mậu: “*Từ chiếc khố vỏ cây đến râu sồng áo vải/ Từ mảnh đất đến mênh mông bờ cõi/ Nhân dân mình đưa đất nước lên ngôi*”(Khúc hát cội nguồn). Còn với Nguyễn Khoa Điềm thì ông đã đưa ra một định nghĩa về đất nước rất giản dị mà thiêng liêng, cao quý vô cùng: “*Đất nước này là đất nước của nhân dân*” (Mặt đường khát vọng). Phạm Ngọc Cảnh cũng hòa cùng nguồn cảm xúc chung đó với những vần thơ tha thiết yêu thương. Có thể nhận thấy với một người lính trải qua chính những không khí sôi động, ác liệt của những năm chống Mỹ nên trong thơ của ông nguồn cảm xúc về tình quân dân rất tự nhiên, bền bỉ và ân tình. Bài thơ *Com chiêu binh trạm* được nhà thơ viết trong thời điểm cuộc kháng chiến chống Mỹ đang bước vào giai đoạn ác liệt với nhiều khó khăn, thử thách và hy sinh. Chính trong giai đoạn *nước sôi lửa bỏng* đó thì tình quân dân càng trở nên thấm thiết và tạo nên một sức mạnh phi thường mà không kẻ thù nào tiêu diệt nổi. Tất cả hội tụ trong những vần thơ nhẹ nhàng, dung dị, mà nặng ân tình quân dân:

“*Đường xuống núi
tạm dừng chân
com binh trạm tiền phương mời trắng xóa
nâng đĩa bát, bâng khuâng
tình tóot dạ*”?

Trải qua những cuộc hành quân gian khổ, người lính tạm dừng chân ở trạm tiền phương. Sự chăm sóc ân cần, sự yêu thương chân thành của những đồng đội, của hậu phương dành cho những người lính trẻ đã đem đến nguồn động viên lớn để những người lính tiếp tục vững bước trên chặng đường hành quân.

Là người lính, Phạm Ngọc Cảnh cùng với đồng đội của mình đã nếm trải những khắc nghiệt của cuộc chiến. Nhưng cũng trong bối cảnh đó ý chí, nghị lực, phẩm chất kiên trung của người lính được tỏa sáng. Bởi với họ, phía trước là cuộc chiến, phía sau là nhân dân. Chính nhân dân sẽ *truyền lửa*, tiếp thêm sức mạnh chiến đấu cho người lính để giành lại độc lập cho đất nước, viết tiếp trang sử vẻ vang cho dân tộc: “*Khói bom trộn cay xè khí thở/quàng mắt sâu rách cả đêm sâu/nhìn vào lửa nhân dân cho lửa/tầm nhìn xuyên dọc chuỗi ngày đau*” (Điềm ơi). Những câu thơ mang sức nặng ân tình là tấm lòng biết ơn sâu sắc của những người

lính gửi về nhân dân cần lao. Qua đó họ cũng nhận thấy rõ vai trò, trách nhiệm lớn của mình với nhân dân, với Tổ quốc.

Với Phạm Ngọc Cảnh đâu không sinh ra từ quê hương Quảng Trị nhưng nhà thơ đã gắn bó và có một tình cảm đặc biệt với mảnh đất anh hùng này. Ông luôn dành tặng cho miền quê nghèo những vần thơ thật xúc động.

*“Ở với ta lúc vui lúc buồn
lúc suôn sẻ lúc cay đắng
không đòi trả ơn mà nghĩa nặng
không ràng buộc mà thân gần
không giao đãi ngọt ngào mà lặng thâu”*

(Một tên làng Quảng Trị)

Sự đoàn kết, thương yêu và đùm bọc lẫn nhau, sẽ chia những niềm vui hay nỗi buồn, ngọt ngào hay đắng cay, đó là tình quân dân thắm thiết, là cơ sở quan trọng cho mọi chiến thắng.

Trong dòng cảm xúc dạt dào yêu thương của Phạm Ngọc Cảnh viết về tình nghĩa quân dân kháng chiến, nhà thơ dành một phần trang trọng để viết về những người mẹ Việt Nam. Phẩm chất kiên trung, tình yêu thương các con vô bờ bến và đức hy sinh, đó là những phẩm chất đẹp, cao quý của những người mẹ anh hùng. Họ đã dâng hiến cho Tổ quốc, cho quê hương không chỉ máu xương mà đó còn là cả trái tim, cả *những khúc ruột mềm* của mình. Bài thơ *Gửi mẹ bên Cửa* của Phạm Ngọc Cảnh là bức chân dung đẹp mà nhà thơ đã khắc trạm dâng tặng những người mẹ anh hùng đó. Dẫu trước và sau Phạm Ngọc Cảnh cũng đã có nhiều nhà thơ viết về mẹ, nhưng đến với bài thơ này người đọc vẫn cảm nhận được nét thi vị rất riêng mang hơi ấm tình mẹ lan tỏa trong từng câu chữ. Mở đầu bài thơ là hình ảnh rất đời quen thuộc, giản dị cùng tình yêu thương lớn lao, sự đùm bọc, che chở, lo lắng cho đàn con ngoài chiến trận của người mẹ:

*“Mẹ ơi, mẹ ở bên Cửa
Đêm nay con biết mẹ chưa đi nằm
Gió lùa thương nhớ dăm dăm
Đường xa xa đã mười năm mẹ nò”*

Người mẹ nghèo năm ấy đã không biết bao lần giang rộng vòng tay của mình để che chở cho đàn con thân yêu. Mẹ luôn dành cho các con tình cảm yêu thương quảng đại của mình và không đòi hỏi sự đền đáp. Trước giặc thù con là người chiến sĩ quả cảm còn trước mẹ “*Con là tiếng mẹ ầu ơ*”, vẫn cần hơi ấm tình mẹ bao la. Hình bóng của người mẹ chắt chiu từng hạt thóc, từng lời ru để “*nuôi rọp bóng cờ chiến khu*” là hình ảnh rất chân thực mà lắng sâu bao cảm xúc, không có gì lớn và bao la bằng tình mẹ hiền. Trên những chặng đường hành quân gian lao của người lính, mẹ như ngọn đuốc lớn soi sáng bước hành quân để những người chiến sĩ dũng cảm đó ngày đêm băng rừng, vượt núi ra chiến trường với niềm tin chiến thắng:

*“Trong gương soi mỗi sớm ngày,
Rẽ đường ngói, mẹ vẫn bày lối đi.
Khảm vòng cơ cực gian nguy
Trái tim mẹ vẫn đập vì đời con”*

Bài thơ đã tạo được sức lan tỏa cao vì nhà thơ đã có sự chuyển hóa đặc biệt từ một người mẹ cụ thể ở bên Cù với người mẹ của quê hương, dân tộc và cũng vì thể tình mẹ đã trở thành tình yêu quê hương, đất nước. Chính tình yêu lớn đó đã giúp cho đàn con “*Đạp Trường Sơn vút xanh ngàn tiếng ca*”. Câu thơ vút lên đầy khởi sắc như một lời ca ngân mãi về tình mẹ, tình quân dân son sắc bền vững. Đó cũng là tấm lòng thành kính dâng tặng người mẹ kháng chiến của Phạm Ngọc Cảnh.

Lịch sử của dân tộc mở ra bao nhiêu trang sử thi là bấy nhiêu trang thơ viết về nghĩa tình quân dân gắn bó. Những trang thơ đó đã “*nói liền tình cảm, suy nghĩ của mỗi người thành tiếng nói cảm thông chung, trở thành nhịp đập chung của trái tim dân tộc*” [55, tr.117]. Với nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh cũng không ngoại lệ, những vần thơ mộc mạc, giản dị mà tràn đầy yêu thương của ông đối với nhân dân vẫn luôn mãi vẹn nguyên hơi ấm lan truyền tới bạn đọc với những cảm xúc chân thành.

2.1.3. Cảm hứng thế sự, đời tư

Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh được bạn đọc yêu mến không chỉ bởi những vần thơ hào sảng của chặng đường kháng chiến chống Mỹ ác liệt và hào hùng, mà ông còn được biết tới bởi một nhà thơ mang đậm cảm hứng thế sự, đời tư, thể hiện rõ tài năng của một cây bút nhiệt thành, đầy đam mê với thơ, với đời. Điều này được bộc lộ ở những bài thơ Phạm Ngọc Cảnh viết về những vấn đề xã hội thời hậu chiến và những chiêm nghiệm, suy ngẫm về cuộc đời và con người.

2.1.3.1. Những vấn đề của xã hội thời hậu chiến

Ngày 30/4/1975 trở thành một ngày đặc biệt, một dấu mốc rất quan trọng của lịch sử dân tộc Việt Nam: Ngày Miền Nam yêu dấu được giải phóng, đất nước thống nhất, khép lại chuỗi những ngày gian khổ, đau thương, mở ra một bầu trời của tự do và độc lập. Trong giờ khắc vui sướng, tự hào và rất đổi thiêng liêng đó, Tô Hữu đã viết: “*Ôi, buổi trưa nay, tuyết trần nắng đẹp/Bác Hồ ơi! Toàn thắng về ta/Chúng con đến, xanh ngời ánh thép/Thành phố tên Người lộng lẫy cờ hoa*”(Toàn thắng về ta). Sau những khúc ca khải hoàn đó, dân tộc ta bắt tay vào một thời kì mới: xây dựng, kiến thiết lại đất nước, khôi phục những tàn dư của chiến tranh. Theo sát cùng đất nước, văn học tiếp tục nhiệm vụ của mình và mang trên vai một hành trang mới để có những trang viết đáp ứng được nhịp sống mới của đất nước, nhân dân.

Đối với Phạm Ngọc Cảnh trong chiến tranh ông là nhà thơ áo lính, kiên gan, bền bỉ. Ông đã có những trang thơ tỏa sáng về đẹp của con người Việt Nam trong kháng chiến và cũng có những trang thơ lắng đọng nỗi đau với những mất mát, hy sinh, gian khổ của đất nước, nhân dân. Còn sau khi đất nước giành được độc lập tự do, vẫn một hành trang giản dị của người lính và một trái tim nhiệt thành với thơ, với đời, nhà thơ đã đi đến nhiều miền quê khác nhau của Tổ quốc để trải nghiệm, để sáng tác. Ông đã đi “*bằng tất cả những hăm hở, nhiệt tình, như một người ham chơi lần đầu tiên có được một chuyến đi dài, lần đầu được sở hữu trọn vẹn sự tự do trong tâm hồn*” [10, tr.439]. Chính vì thế ông đã để lại cho đời những trang thơ đặc biệt của một hồn thơ tài năng và cũng đầy bản lĩnh.

Một vấn đề của xã hội thời hậu chiến được nhà thơ thể hiện, dẫu không phải là nhiều nhưng khá nhức nhối trong thơ, đó là sự trăn trở, cùng nỗi đau của một người lính thời bình trước tàn dư, hệ lụy còn đọng lại sau chiến tranh. *Văn bia đọc ở Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn* là tiếng nấc nghẹn ngào xúc động không chỉ riêng Phạm Ngọc Cảnh mà là của dân tộc, dành cho những người con đã hy sinh vì sự bình yên đất nước:

“*Các anh có nhận ra giọng người đến đọc văn bia
đang ngưng lặng chỗ toan trào nước mắt
như cung chuyển khép xong bom tràn tím mặt
hơi thở cuối cùng vô vọng hắt sang tôi
nỗi đau ấy đặt lên vành lái
xe lăn trong tang khúc cháy run người*”

Chiến tranh đã qua đi, đất nước đã được độc lập tự do, nhưng sự mất mát, đau thương vẫn lẩn khuất trong trái tim người ở lại, vẫn day dứt, ám ảnh như ngày nào. Thời gian có thể xóa nhòa đi nhiều thứ, nhưng nỗi đau mất đi những người thân, người đồng đội vẫn không thể xóa nhòa. Giọt nước mắt trào dâng trong ngày vui chiến thắng không thể đong đo bằng giọt nước mắt của sự mất mát, hy sinh - một nỗi đau không thể kết thúc...

*“Hai mươi năm
đêm nào gió cũng về đập cửa
gió còn mùi khét lửa na - pan đốt thịt da người”*

(Mẹ con cô giáo Tịnh)

Hai mươi năm con số cụ thể và cũng là con số ước lệ bởi nỗi đau, và những dư âm của cuộc chiến vẫn còn đó. Mùi *khét lửa na- pan đốt thịt da người* như một bằng chứng tố cáo tận cùng tội ác kẻ thù khi chúng không chỉ hủy sự sống trong thời chiến mà còn cho cả thời bình. Câu thơ đầy ám ảnh và nhức nhối, đồng thời đó còn là sự trần trụi của nhà thơ trước thực tại với thứ vũ khí hóa học mà chúng đã ném xuống và thấm sâu vào lòng đất với những hậu quả nặng nề. Trước hiện thực nặng nề của chiến tranh để lại, Phùng Khắc Bắc đã từng rất đau đớn: *“Thương binh có sẹo vì trùng nằm ngủ trong gan, có vết rạn trong van tim, có vết loét lam nham trong dạ dày. Và nguy hiểm nhất là có những tế bào lạ biến hình của chất độc da cam nằm lặng yên, mỉm cười thâm trầm trong máu”* (Ra đi).

Chiến tranh dẫu có nguy biện thể nào cũng kéo theo những hậu quả khôn lường. Cuộc chiến mà đế quốc Mỹ gieo giắc xuống dải đất không mấy lúc bình yên này cũng vậy. Đó là nỗi đau của cá nhân, nỗi đau của cả dân tộc. Đó không chỉ là nỗi đau trong hiện tại khi cuộc chiến diễn ra mà còn là nỗi đau âm ỉ, thậm chí nhức nhối cho xã hội cả sau khi chiến tranh kết thúc. Xoa dịu và giải quyết những hậu quả của cuộc chiến gây ra, đây không phải là điều dễ dàng, nhưng đây cũng là vấn đề rất cần phải quan tâm đến trong một đất nước vừa kết thúc một chặng đường đầy nhọc nhằn, gian truân để giành lại độc lập từ những kẻ thù mạnh nhất. Phải chăng đây cũng là những vấn đề đầy trần trụi mà Phạm Ngọc Cảnh muốn gửi gắm trong những trang thơ dẫu ít mà rất thấm thía hiện thực này.

Là người con ưu tú của quê hương, một người lao động nghệ thuật bền chí, Phạm Ngọc Cảnh không có dấu hiệu của sự nghi ngại dẫu rằng trong cuộc kháng chiến *Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN* <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

chống Mỹ ông đã là nhà thơ, người chiến sĩ hết lòng với nhân dân. Trong những tháng ngày đất nước đang vươn mình để dựng xây lại từ bức tranh đổ nát của cuộc chiến, Phạm Ngọc Cảnh vẫn hướng về những vùng trời của đất nước chưa yên, vẫn có những gót chân lăm le đến xâm chiếm. Đó là cuộc chiến tranh biên giới với những dấu mốc không quên: Ngày 17/2/1979 Bắc Kinh bất ngờ ồ ạt xua quân xâm lược biên giới mở màn cho cuộc chiến 30 ngày trên địa bàn 6 tỉnh: Lào Cai, Lai Châu, Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn, Quảng Ninh và kéo dài suốt 10 năm sau đó.

*“Biên giới anh lên chưa lặng súng
những cánh mềm cò đậu cứ oằn nghiêng
khói cay xè sóng mũi
lá tre bay
giác ngủ trùng trùng”*

(Con cò)

Những câu thơ trĩu nặng như tấm lòng người lính không thôi trăn trở về những miền quê chưa hết tiếng súng. Lời thơ mộc mạc, giản dị, hình ảnh quen thuộc nhưng từng câu chữ tưởng như đã gói trọn tình yêu thiết tha của Phạm Ngọc Cảnh đối với đất nước.

Còn trong *Phiên chợ này đông*, Phạm Ngọc Cảnh một lần nữa chỉ rõ bản chất bản thù của kẻ thù, đồng thời nhà thơ cũng cho thấy ý chí của người dân miền núi nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung luôn thủy chung son sắt và quyết tâm giữ yên bầu trời độc lập cho dân tộc:

*“Nó đã từng sang ăn thắng cố
ngồi mòn bạc quán với mình thôi
biết nó thay lòng như gấu chó
thì chìm vào chảo mỡ dềnh sôi”*

Một cách nói, cách so sánh quen thuộc của người dân miền núi thể hiện tính cách chân chất, thật thà rất riêng của con người nơi đây. Tính cách ấy trộn hòa cùng với cùng với tình yêu quê hương, bản quán trở thành một vũ khí đặc biệt chống lại quân thù. Những con người nguyện *“bám vào đá để giữ biên cương”* luôn là một hình ảnh rực sáng trong thơ.

Khi nhận xét về thơ sau 1975, Mã Giang Lân cho rằng: *“Phần được của thơ hôm nay là đọng đến nỗi đau nhân thế. Cái đau đớn nhất là nghèo đói. Và từ đây*

nhân cách đảo điên, là xót xa của nhân dân và chính người cầm bút”[30, tr.1] - một trong những người cầm bút đó là Phạm Ngọc Cảnh. Trong thơ của ông, người đọc nhận thấy sự trần trở hướng về với cuộc sống còn nghèo khó của nhân dân sau chiến tranh. Tuy cùng nguồn cảm hứng với các nghệ sĩ đương thời nhưng nhà thơ đã chọn cho mình một cách viết khác, những vần thơ của ông nhẹ nhàng, điềm tĩnh mang chiều sâu cảm xúc, trí tuệ.

*“mẹ cha túng nghèo quay quắt
túng nghèo như lỗi lầm
Các em hồn nhiên như là hiếu thảo
Nghiêng cánh hoa bìm kì ảo
Che vạt chìm nắng xói trên sân”*

(Trẻ con chơi trong xóm thợ)

Phạm Ngọc Cảnh đã khéo lồng vào trong thơ cảnh *túng nghèo quay quắt* của cha mẹ với *hồn nhiên* của trẻ thơ, tạo nên những vần thơ trần trở. Phải là một tâm hồn đầy mẫn cảm và luôn hết mình với cuộc sống Phạm Ngọc Cảnh mới có được những vần thơ chân thật mà xúc động đến vậy. Còn trong *Lục bát trước nhà thờ họ Phạm*, nhà thơ đã *ám ảnh* người đọc bởi những vần thơ tạo thành từ những chất liệu quen thuộc của cuộc sống nhưng lại chuyển hóa thành *tiếng thở dài*:

*“Tổ tôn bầm cháy lưng trần
lum khum dáng cuốc mờ chân núi Nài
vại cà mận thắm nương khoai
nuôi nhau đủ tiếng thở dài mà đi”*

Với bài *Anh có mùa thu*, tâm hồn đầy mẫn cảm đó lại hướng tới những yếu tố khắc nghiệt của thiên nhiên ảnh hưởng đến cuộc sống, sản xuất của nhân dân: *“sau lụt lội sông tràm lẳng mãi/gió oải rồi bờ lá cũng dần thưa”*. Bằng cách nói nhân hóa quen thuộc, Phạm Ngọc Cảnh tái hiện nỗi lo lắng của những người nông dân trên đất nước vừa trải qua những ngày tháng khốc liệt của chiến tranh. Câu thơ nhẹ nhàng nhưng tạo thành điểm nhấn day dứt trong lòng người đọc.

Cảm hứng của thơ là xuất phát từ hiện thực, ngợi ca và phản ánh hiện thực. Qua đó cũng minh chứng sức sống và sự phát triển của thơ. Những vần thơ của Phạm Ngọc Cảnh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đó của mình với những trang

thơ về hiện thực cuộc sống cùng những ước mong của nhân dân trong chiến tranh và trong cả thời bình. Đúng như ông đã từng tâm sự: “*Tôi muốn những gì mình viết ra phải là sự thăng hoa trên nền hiện thực thô ráp kia, là sự thăng hoa trong cảm xúc, tức là gần với thơ*” [10, tr.441].

2.1.3.2. *Chiêm nghiệm, suy ngẫm về cuộc đời và con người*

Sau cuộc chiến, người đọc còn bắt gặp một hồn thơ Phạm Ngọc Cảnh khá đặc biệt, mang nét trầm tư của một trái tim giàu cảm xúc với những vần thơ *xoáy xiết*, chứa đựng những chiêm nghiệm, suy ngẫm của nhà thơ về cuộc đời và con người trong thời kì mới. Nguồn cảm hứng này bắt nguồn từ chính những cảnh đời bình thường của cuộc sống xã hội khi đất nước bước vào thời bình. Đó là những thách thức của cuộc sống mới với biết bao sự khác biệt mà những người lính vốn quen với chiến trường bom đạn chưa thể hòa nhập nổi:

*“Con số cộng trước bàn cô kế toán
chùm khóa bác thủ kho
cũng thách thức bao điều
cái lỗi là anh đơn giản
cái lỗi là anh quen hát lời nông cạn
ngõ trông rừng là trông rừng
xưa ngọn gió cấp cái hạt bay đi có nghĩ gì đâu”*

(Đêm nằm võng bạt).

Đất nước hòa bình, nhịp sống trở nên hối hả hơn, con người cũng thay đổi nhiều hơn. Trước sự nghèo đói, sự bất công, sự mập mờ trong ranh giới của thật - giả, kéo theo đó là những cám dỗ của vật chất dễ làm nhân cách con người bị tha hóa. Điều này khiến người lính năm xưa không thôi trầm trồ, nhức nhối. Bên cạnh nỗi niềm đó người lính năm xưa còn thành thực *nhận lỗi* về sự quen *đơn giản* của mình với cuộc sống. Phải chăng ý thơ muốn gửi gắm những mong mỏi về sự gìn giữ những giá trị đạo đức của con người trước những thay đổi của đời sống thực tại.

Cuộc sống mới trên đất nước hòa bình đang diễn ra và trao tặng cho đời những đóa hoa hạnh phúc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng chúng ta từng bước khắc phục những tàn dư của chiến tranh để xây đắp cuộc sống mới. Đại hội VI năm 1986, Đảng ta khẳng định chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, mở cửa theo định hướng XHCN. Nền kinh tế thị trường đã có tác dụng tích cực đối với đời sống xã hội và kéo theo sự thay đổi của con người. Là nhà văn luôn khao khát cái đẹp và phản ánh nét rất chân thực của cuộc sống nên những trang thơ của Phạm Ngọc Cảnh ở thời kì này khá đa dạng, phản ánh sự từng trải, sự chiêm nghiệm của người cầm bút. *Phố cổ, Dự báo thời tiết, Á hậu tôi buồn ...* là những bài thơ ra đời sau hơn 10 năm đất nước chuyển mình theo nhịp sống mới, đời sống của nhân dân đã và đang từng bước được nâng cao nhưng cùng với đó là sự thay đổi của con người.

*“Váy em giờ chiếc nom hồng
ngắn lên quá nấc tang bồng trốn xa”*

(Phố cổ)

Không còn dáng vẻ dịu dàng, thướt tha, e lệ của người con gái truyền thống mà thay vào đó là sự *ngắn lên quá nấc tang bồng trốn xa*, lời thơ ám ảnh, đầy xót xa. Nhà thơ đã bắt nguồn cho mạch thơ từ chính những sự thay đổi của cuộc sống đời thường- một sự thay đổi về dáng vẻ, một sự thay đổi về tâm hồn. Hơn một lần trong *Phố cổ* Phạm Ngọc Cảnh đã rất bản lĩnh khi đưa vào trong thơ hiện thực đầy sống sượng của cuộc sống hiện đại: *“Cái trâm thanh cái xô bồ/ nháp nhô thường trú nháp nhô mái chông”*. Phải chăng nhà thơ muốn trong cái xô bồ cái *thường trú* của tốt - xấu, con người phải biết chọn lựa cách sống sao cho phù hợp với nhân cách, đạo đức chân chính- hãy là mình của hôm qua, hôm nay và của ngày mai.

Những lời thơ đầy chiêm nghiệm, suy ngẫm của Phạm Ngọc Cảnh còn mang một cái nhìn cận cảnh hơn trong chính nghề viết văn của ông. *Hội thảo thơ ở Văn Miếu* là bài thơ mang sức truyền cảm lớn bởi đây là sự trăn trở của một tâm hồn nghệ sĩ đích thực với nghề viết của mình. Trước sự đổi thay của cuộc sống với những so đo tính toán, cộng trừ thiệt hơn, người nghệ sĩ phải là tiếng chuông đánh thức vẻ đẹp của quá khứ hay người nghệ sĩ *im lặng để chắt chừa, để dại dôi, để then thừng*:

“Hội thảo thơ ở Văn Miếu

các thi sĩ tham luận dưới cái chuông treo

.....

*Hình như cái chuông cũng muốn góp điều gì
điều gì đó thời xa khuất
hình như cái chuông quyết nín im
im lặng này chứa chất”*

Bao bản khoả chất chứa trong lời thơ nhẹ nhàng, lắng đọng mà không kém phần sâu sắc.

Đọc thơ Phạm Ngọc Cảnh càng nghiên ngẫm lâu người đọc càng cảm nhận thấy cái dư vị của thơ thấm thấu và lan tỏa sâu vào trong tâm hồn. Bởi đó là sự trải nghiệm của một con người đã trải qua nhiều khó khăn của cuộc sống. Một con người đã đi nhiều, viết nhiều và trăn trở cũng nhiều. Cho nên những vần thơ của ông là những chiêm nghiệm sâu sắc được chắt lọc từ những tinh túy của cuộc sống:

*“Lần theo mọi khổ đau mà hát
gọi giọt sữa tìm nuôi nhau
bé tí tẹo mà dám làm điểm tựa
cho bất cứ ai dám bắt đầu”*

(Cháu nội)

Cuộc sống là một bản tình ca với những nốt thanh nốt trầm. Đứng trước những khó khăn, trở ngại của cuộc sống đòi hỏi con người phải có nghị lực. Chính ý chí kiên trì, lòng kiên định và niềm tin sẽ giúp chúng ta vượt qua những rào cản của cuộc sống. Thậm chí trước những đau khổ mà chúng ta có thể phải trải qua trong dòng đời thì chúng ta không nên quá đắm chìm trong những nỗi đau đó mà hãy vươn lên bắt đầu từ những điều giản dị nhất, hãy trân trọng những gì mà cuộc sống đã trao tặng cho ta ngay từ khi ta cất tiếng khóc chào đời. Đó là điểm tựa vững vàng để ta *dám bắt đầu* để làm chủ cuộc đời mình và vươn tới thành công, hạnh phúc. Phạm Ngọc Cảnh đã đem đến cho người đọc một bài học về bản lĩnh sống của con người trong mọi thời đại.

“Đời thơ Phạm Ngọc Cảnh qua không biết bao sông dài, bể rộng, bao vực thẳm và truông sâu” [10, tr.466]. Với chính bản lĩnh kiên cường của người lính đã giúp ông chiến thắng để trở thành một người nghệ sĩ đích thực. Trong thơ của Phạm

Ngọc Cảnh luôn lấp lánh niềm tin yêu cuộc sống, đó cũng chính là sức mạnh để tạo nên mọi sự thành công.

*“Nhóm giọt lửa nửa chùng trang giấy
chợt ngẩng lên mạ kín đồng
cám ơn người cho tôi được thấy
sức thời này dìm chết một mùa đông”*

(Con sông Thương từ phía bạn)

Cuộc sống muôn màu muôn vẻ, nếu chúng ta thiếu tự tin thì đó cũng là nguyên nhân của phần lớn thất bại. Bằng sự trải nghiệm và sự tinh tế của một hồn thơ trong dòng đời hối hả, Phạm Ngọc Cảnh đã thắp lên cho đời ngọn lửa của niềm tin, cùng lòng biết ơn, sự trân trọng những những giá trị to lớn mà cuộc đời đã trao tặng cho mỗi con người.

Với một tình yêu thương lớn được hun đúc bởi một trái tim tràn đầy trách nhiệm với cuộc đời nên có những trang thơ của Phạm Ngọc Cảnh đi vào chiều sâu của tâm hồn với giọng thơ thâm trầm và sâu lắng. Đó là những cảm nhận sâu sắc của nhà thơ về cuộc đời, về số phận con người. Những nỗi đau của con người trong cuộc sống mưu sinh, vấn đề này không mới nhưng đó là một định hướng đúng đắn của một tâm hồn thơ đích thực. Thơ xuất phát từ cuộc đời, con người và thơ cũng vì cuộc đời con người để cùng khao khát, cùng sẻ chia. Bài thơ *Lục bát cho mấy người thân ở mở Cao Sơn* là tiếng lòng tha thiết yêu thương cùng sự cảm thông chân thành trước số phận con người trong kiếp sống gập ghềnh:

*“Bè hòn than ấy mà tìm
âm thâm vĩa máu về tìm một người
Ngón chân bám lũng bóng trời
sóng ngoài đảo vắng lá lời dòn về
Quét lùa gió bụi làm quê
một bè than cuốn ba bè sóng treo”.*

Câu thơ trĩu nặng, giọng thơ trầm lắng, day dứt. Kiếp mưu sinh của đời người nhọc nhằn và nhiều khi nghiệt ngã quá. Cuộc sống không chỉ được đong bằng mồ hôi, nước mắt mà có khi còn bằng máu, bằng chính sinh mệnh của con người. Viết về số phận con người, thơ Phạm Ngọc Cảnh mang sự đồng cảm sâu sắc, thể hiện một tấm lòng nhân đạo lớn. Xã hội đang ngày càng phát triển theo nhịp sống

hiện đại, cùng với đó là sự thay đổi về đạo đức. Con người dễ bị những bon chen, tính toán của cuộc sống làm mờ đi nhân cách. Với những con người tràn đầy tình yêu thương như Phạm Ngọc Cảnh thì cuộc sống vật chất có thể thay đổi nhưng tình người không thể đổi thay. Ông đã từng tâm sự: *“Tôi chẳng được học ở trường lớp nào, trường học lớn nhất của tôi là trường đời. Và đến giờ vẫn ngửa tay xin đời từng con chữ. Cuộc đời đã dạy tôi biết yêu và cả biết đau”* [10, tr.439]. Bài thơ cũng là lời tâm sự, lời nhắc nhở mỗi chúng ta hãy biết quý trọng những gì mà chúng ta đang được thừa hưởng trong chính cuộc sống hàng ngày, biết trân trọng những người lao động bình dị bởi chính họ đang làm giàu cho cuộc sống, cho quê hương bằng sự hy sinh thầm lặng.

Bên cạnh những vần thơ thể hiện sự chiêm nghiệm của nhà thơ về cuộc đời, con người, Phạm Ngọc Cảnh cũng có những vần thơ thể hiện sự chiêm nghiệm về chính cuộc đời mình:

*“Năm mươi tuổi quay về lay mẹ
cho con xin chọn tiếp một cung đường
xin khai phá hoàng hôn mình lặng lẽ
chỗ mặt trời mọc cho quê hương”*

(Người làm thơ cho mũi đất)

Cuộc đời như chuyến tàu có điểm bắt đầu và điểm kết thúc. Trên chặng đường đời lúc bình lặng, lúc dậy sóng đó, có những lúc con người chột nhìn lại để tự kiểm nghiệm lại mình xem mình đã làm được gì cho mình, cho đời. Phạm Ngọc Cảnh cũng vậy, khi đã đi được nửa cuộc đời với biết bao thăng trầm, bao nhọc nhằn, bao buồn - vui, nhà thơ tự chiêm nghiệm lại đời mình với những xót xa, nuối tiếc... Những câu thơ nhẹ nhàng nhưng lại là một lời tự chất vấn sâu sắc mang niềm khao khát của một nhà thơ tài năng.

Bài thơ *Năm Tuổi mẹ sinh con* được viết bởi một phần lí do đó là thời điểm vòng thời gian năm Giáp Tuất quay lại vào năm 1994, khi mẫu số chung thập can - thập nhị địa chi của ông gặp nhau tại một điểm, bài thơ ra đời *“như một lời tấu sớ thả xuống dòng sông Cụt, để giải bày những tháng năm hung hãn vừa gặm nhấm đủ vòng quay về với số mo mà ngẫm sự đời”* [10, tr.466] của nhà thơ: *“Ngỡ như mẹ*

muốn con là Sơn Tinh/ năm ấy lụt/ mẹ dìu con đi men qua cầu sông Cụt/rồi một đời hun hút trông theo/vô tích sự/thằng con trai mẹ/năm Tuất lùi xa/năm Tuất lại về”. Lời thơ nghẹn ngào, xót xa thể hiện sự chiêm nghiệm sâu sắc về chính cuộc đời nhiều thăng trầm của Phạm Ngọc Cảnh.

Với những vần thơ mang cảm hứng đời tư - thể sự, người đọc được biết tới một hồn thơ Phạm Ngọc Cảnh nhiều trăn trở suy tư. Đây còn là một trái tim nồng nàn yêu thương với biết bao số phận, bao cuộc đời, cùng với đó là những bài học quý giá cho cuộc sống. Tất cả được chắt lọc bởi một nhà thơ tài ba - Phạm Ngọc Cảnh.

2.2. Cái tôi trữ tình trong thơ Phạm Ngọc Cảnh

Về khái niệm cái tôi trữ tình, Vũ Tuấn Anh cho rằng: *“chính là sự tự ý thức của cái tôi được biểu hiện trong nghệ thuật và bằng nghệ thuật, cái tôi của hành vi sáng tạo, là quan niệm về cái tôi được thể hiện thông qua các phương tiện trữ tình”*[2, tr.26]. Còn với Lê Lưu Oanh quan niệm *“Cái tôi trữ tình là thế giới quan, thế giới tinh thần của con người được thể hiện trong tác phẩm trữ tình bằng các phương tiện của thơ trữ tình”*; *“ Có thể quan niệm rằng cái tôi trữ tình là nội dung, đối tượng cũng như bản chất của tác phẩm trữ tình”*[41, tr.18-19]. Về bản chất, thơ trữ tình chính là sự thể hiện của cái tôi trữ tình. Biêlixki cho rằng: *“Toàn bộ hiện thực đều có thể là nội dung của thơ trữ tình với điều kiện nó phải trở thành sở hữu máu thịt của chủ thể”* [dẫn theo 48, tr.26]. Như vậy theo các nhà nghiên cứu thì thơ bắt nguồn từ tình cảm, tâm hồn, cảm xúc. Qua đó, khẳng định bản chất chủ quan của thơ trữ tình, khẳng định vị thế của cái tôi trữ tình trong thơ.

Từ những nhận thức chung về lí luận cái tôi trữ tình trong thơ như trên, chúng tôi có những nghiên cứu về cái tôi trữ tình trong thơ Phạm Ngọc Cảnh. Chúng tôi nhận thấy điểm đặc sắc chiếm vai trò chủ thể trong cái tôi trữ tình của thơ ông đó là cái tôi người lính và cái tôi tình yêu. Đúng như Phạm Ngọc Cảnh đã từng tâm sự: *“Rồi bầu trời thơ ca mênh mông, cánh rừng thơ ca thăm thẳm, cuộc tìm kiếm thơ ca đầy quyến rũ và không bị trói buộc ấy là tôi, một cuộc hành trình không có ga dừng, không có trạm nghỉ. Khi có dấu hiệu mệt mỏi, tôi thường ngoái lại gọi tên một người lính, một người tình. Hai người này không phải ai khác đã cổ vũ tôi, nâng sức tôi bay tiếp...”* (Tự bạch)

2.2.1. Cái tôi người lính

2.2.1.1. Tình yêu nước, yêu quê hương nồng nàn

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

<http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

“*Quê hương là gì hở mẹ/Mà cô giáo dạy phải yêu/Quê hương là gì hở mẹ/Ai đi xa cũng nhớ nhiều*” (Đỗ Trung Quân). Những lời thơ dịu nhẹ về tình yêu quê hương đất nước trở thành bài học đầu đời cho mỗi tâm hồn trẻ thơ. Theo năm tháng, tình yêu ấy lớn lên và trở thành tình cảm lớn, thiêng liêng thường trực trong trái tim mỗi người. Đặc biệt khi Tổ quốc bị xâm lăng tình yêu đó sẽ nuôi ý chí và biến thành hành động để bảo vệ Tổ quốc kính yêu. Có thể khẳng định lịch sử dân tộc Việt Nam cũng là lịch sử yêu nước, giữ nước và đó cũng là niềm tự hào của dân tộc ta. Đúng như chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “*Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước*” [22, tr.171].

Cũng như những nhà thơ như Phạm Tiến Duật, Hữu Thịnh, cảm xúc thơ đến với cái tôi người lính Phạm Ngọc Cảnh từ cuộc đời người lính thực thụ. Nếu Phạm Tiến Duật ngay sau khi tốt nghiệp khoa Văn trường Đại học sư phạm Hà Nội, năm 1964 đã hăng hái lên đường nhập ngũ và chiến đấu chủ yếu trên tuyến đường Trường Sơn, thì Phạm Ngọc Cảnh ngay từ năm 13 tuổi ông đã gia nhập Trung đoàn 103 Hà Tĩnh, làm liên lạc viên, khoác trên mình màu áo lính. Chính vì vậy tâm thế người lính trong thơ là tâm thế người trong cuộc. Những vần thơ của Phạm Tiến Duật, Hữu Thịnh hay Phạm Ngọc Cảnh đều viết bởi hành trang của một người chiến sĩ trực tiếp chiến đấu trên chiến trường. Do đó, những trang thơ của họ đều mang đậm chất hiện thực về chiến trường với cuộc sống, chiến đấu, với những gian khổ hy sinh. Với Phạm Tiến Duật, ông không thi vị hóa chiến trường, trong thơ ông chiến trường hiện ra với những gì ác liệt nhất (bài thơ *Tiếng bom ở Seng Phan*, nhà thơ nói trực tiếp về chiến trường với những chi tiết cụ thể). Còn với Phạm Ngọc Cảnh cũng vậy, ông đã tái hiện khá chân thực những gian nan, ác liệt của chiến trường. Bài thơ *Đêm Quảng Trị* là một minh chứng khá điển hình, đã tái hiện được những vất vả, gian khổ và cả sự hy sinh của mảnh đất Quảng Trị anh hùng.

Bên cạnh đó, cũng như nhiều nhà thơ khác cùng thời, cái tôi người lính Phạm Ngọc Cảnh mang trong mình đặc điểm của cái tôi thế hệ. Họ đều đại diện cho những người lính Việt Nam anh hùng chống Mỹ. Cái tôi thế hệ ấy được biểu hiện trong những hình ảnh của những con người cụ thể, tiêu biểu cho thế hệ ấy. Điều đó thể hiện khá

rõ trong thơ. Người đọc rất ấn tượng với chân dung của người lính lái xe, cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn trong thơ Phạm Tiến Duật. Hay hình ảnh người lính hăm hở lên đường bảo vệ Tổ quốc trong thơ Phạm Ngọc Cảnh với ý chí quyết tâm và lòng quả cảm của người thanh niên trẻ. Phía trước là những gian lao, thử thách và cả sự hy sinh nhưng không vì thế mà người lính lùi bước. Hơn bao giờ hết giờ, trong trái tim người lính ngọn lửa của tình yêu quê hương đang bùng hực cháy:

*“Giặc Mỹ đến đây quây đôn án ngữ
Ngăn ráng đỏ chiều vui rọi sáng đồng bằng
Ngăn sao được lòng ta là biển gió
Nâng cánh buồm xưa động những mùa trăng”*

(Đêm Quảng Trị)

Những lời thơ mang hơi thở thời đại của một chàng trai trẻ tuổi tình nguyện cầm súng hành quân. Âm hưởng câu thơ vút lên cháy rực khí thế chiến đấu cùng niềm tin tất thắng. Tinh thần đó đã tiếp thêm nguồn sức mạnh cho người lính, cho dân tộc trong cuộc chiến đấu khốc liệt này.

Đồng thời, cái tôi người lính Phạm Ngọc Cảnh cũng mang những đặc điểm chung của cái tôi sử thi của một thời đại anh hùng. Trong tâm hồn của người chiến sĩ ấy chung - riêng hòa lại làm một, sức mạnh cá nhân là sức mạnh cộng đồng. Họ đã gắn bó với nhau và cùng tìm được tiếng nói chung, đó là chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

*“Ta bỗng lớn ngang tầm dũng sĩ
Mang sức vóc hai miền đi đánh Mỹ
Mắt quen nhìn rừng rực nắng miền Trung
Luyện vai ta chai sạn chí anh hùng”*

(Những sân ga... Những chuyến tàu)

Phạm Ngọc Cảnh đã mang vào thơ cả một trái tim đầy nhiệt huyết của một người lính vừa cầm bút làm thơ vừa cầm súng đánh giặc. Chính vì thế mà trong *Điểm ơi* ông đã thành thật thú nhận:

“Đường vào thơ là đường ra trận

cây bút ta cài trước quả tim”

Trong hiện thực đầy bom đạn của chiến trường, trong cự li gần của danh giới của sự sống - sự hy sinh, người lính dũng cảm vẫn chắc tay súng làm thơ và đánh giặc, để nhận ra rằng:

*“Ta lớn giữa trăm hồi trống thúc
Điềm ơi, phía ấy Điềm nghe không
cát tiếng gọi đã thành đông đúc
đội hình thơ cả nước hiệp đồng”*

Tinh thần đoàn kết dân tộc là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Tinh thần ấy được hun đúc từ lịch sử nghìn năm dựng nước và giữ nước. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đầy khốc liệt này thì tinh thần ấy được quân dân ta phát huy để vượt qua mọi khó khăn, thách thức, chèo chống con thuyền thắng lợi đến bến bờ vinh quang. Cái tôi trữ tình Phạm Ngọc Cảnh cũng mang trong mình truyền thống quý báu đó của dân tộc, nên trong những cuộc hành quân tiếp sức cho tiền tuyến khói lửa người đọc nhận thấy sự *hiệp đồng* của khối đại đoàn kết dân tộc, sự hăm hở náo nức của người lính *rộn ràng theo tiếng trống* hành quân, theo niềm vui thắng trận. Những lời thơ thăng hoa cùng cảm xúc ngân vang theo nhịp trống, theo nhịp hành quân của người lính:

*“Bước hành quân rộn ràng theo tiếng trống
Xen tiếng hát xóm Phò Ninh giải phóng
Gọi Bò Điềm gõ nhịp góp lời xô
Bập bùng xuôi trống vỗ bến sông Bò”*

(Trống trận sông Bò)

Những vần thơ *hào sảng* được viết ra bởi một tâm hồn tràn đầy tình yêu quê hương, đất nước. Hơn thế đó lại là một tâm hồn từng trải qua cuộc trường chinh khốc liệt của dân tộc nên những lời thơ vừa bám sâu vào hiện thực cách mạng vừa mang đậm cảm hứng anh hùng ca.

Có thể thấy trong chiều dài lịch sử, cuộc hành quân chống Mỹ là cuộc hành quân hào hùng, quyết liệt nhất. Dấu chân của người lính Phạm Ngọc Cảnh cùng đồng đội đã hằn in trong những *Cuộc hành quân mãi miết đến chân trời đó*. Điềm

tựa vững vàng giúp người lính băng rừng, vượt núi, lội qua thác ghềnh là tình yêu nước, là trái tim diệt thù, là chiến trường vẫy gọi.

*“Đất ta giẫm hố bom cày đờ quạch
gậy đã chống vào lưng đèo hiên hách
trái tim ta giục bước chân ta”*

(Trường Sơn - chỗ chúng tôi)

Đường đời, đường thơ của cái tôi trữ tình Phạm Ngọc Cảnh song hành vận động cùng với đất nước. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cái tôi người lính này đã *“tự bạch, tự phân tích, tự biểu hiện, độc thoại, đối thoại với thế hệ mình, với những thế hệ khác qua những kinh nghiệm và trải nghiệm của những người trong cuộc”* [64, tr.108]. Chính vì vậy, mà trong tâm hồn Phạm Ngọc Cảnh có một miền kí ức vừa hào hùng, kì vĩ lại vừa giản dị, thân thương – miền kí ức không bao giờ mờ phai. Đó là *Đêm Quảng Trị, Đêm xuân Huế đờ cờ bay, Trường Sơn - chỗ chúng tôi, Nhật kí 935, Lối vào phía Bắc...* Đặc biệt với *Lý ngựa ô ở hai vùng đất* đã thức dậy trong Phạm Ngọc Cảnh và trong lòng người đọc một cung bậc tình cảm vừa rất đổi thiêng liêng, cao quý, lại rất gần gũi, thân thương. Dường như mỗi người đã tìm thấy phần mình trong câu Lý ngựa ô quen thuộc này. Bởi bài thơ đã thức dậy *“cả dải đất hẹp miền Trung quê hương, nơi những đời người gập ghềnh vì núi cứ choài ra biển, biển xô vào núi; Bắc xô vào Nam, Nam xô Bắc... thức dậy cả sông Hồng, sông Đuống..”* [10, tr.533], thức dậy cả truyền thống yêu nước và đánh giặc của dân tộc:

*“Làng anh ở ven sông
sắp vào tháng tư
mắt tình tứ rủ nhau về hội Gióng
mùi hương xông nụ cười lên nhẹ bẫng
ai chẳng ngỡ mình đang đi trong mây
ai chẳng tin mình đang giông ngựa sắt
cả một vùng sông ai chẳng hát
sao không nghe câu Lý ngựa ô này”*

Thức dậy dòng Cửu Long chín nhánh với dáng hình mềm mại, thơ mộng, ôm ấp bao huyền thoại kiêu sa, với nhiều nước ngọt, phù sa, menh mông biển lúa bốn mùa:

“Ngựa tung bồm bay qua bao biển lúa

*ngựa ghìm cương nơi sông xòe chín cửa
tiếng hí chào khơi xa”*

“*Bài thơ thể hiện sự đa tình không để đâu cho hết, nó khiến sông biển duênh lên, núi non nghiêng ngả*” [10, tr.534]. Cùng với sự thách đố về mặt thời gian, nhiều điều có thể bị lãng quên nhưng một hồn thơ như *Lý ngựa ô ở hai vùng đất* sẽ mãi còn mãi đọng lại trong lòng người yêu thơ.

Tình yêu quê hương, đất nước trong cái tôi trữ tình Phạm Ngọc Cảnh không chỉ thể hiện ở những vần thơ đầy sôi sục mang lí tưởng chiến đấu và khát vọng cống hiến cho Tổ quốc mà còn thể hiện ở những dòng cảm xúc êm ái, nhẹ nhàng được người lính chắt lọc lại trong không gian chiến trận:

*“Ghìm bước giặc qua chùa Diệu Đế
Nhành mai chúm chím nụ nghiêng chào
Xuân ở giữa cho lòng ta với Huế
Vàng treo đầu mũi súng ý thơ trao”*

(Ngắm một nhành mai)

Đến đây người đọc sẽ bắt gặp cái tôi mang cảm quan yêu đời, trong sáng và rất lính. Cái tôi đó đã vượt qua sự tàn khốc của bom đạn để tắm mình trong vẻ đẹp đầy quyến rũ của mùa xuân, của Huế yêu thương. Câu thơ *Xuân ở giữa cho lòng ta với Huế* làm bừng sáng cả bài thơ. Đó như lời tự thú nhận thành thực tình yêu thiết tha với Huế, lại như lời thề quyết tâm đem mùa xuân độc lập về với mảnh đất cố đô này.

Có một điều vừa rất lạ lại vừa rất quen, đó là “*hình như trong ba lô của mỗi người lính luôn có một góc nhỏ đựng bao điều hiền lành*” [57, tr.24]. Đó là nét duyên thầm mà đầy bản lĩnh của *Cây xấu hổ* trong thơ Anh Ngọc, là *Hương thầm* mà quyến rũ trong thơ Phạm Thị Thanh Nhân... Với người lính Phạm Ngọc Cảnh thì “*Cành dương kia nửa giang này anh quen*” trở thành hành trang không thể thiếu trên những chặng đường hành quân của người *Con rể làng Bưởi*. Chút quê hương mộc mạc, người lính đem theo vào chiến trường đã làm dịu đi sự khốc liệt của cuộc chiến và trở thành tâm điểm kết nối tình yêu quê hương tha thiết.

Trong trái tim giàu tình cảm của người lính Phạm Ngọc Cảnh thì nguồn cảm xúc viết về quê hương không bao giờ vơi cạn. Khi mặt trời hòa bình đã tỏa những tia nắng ngọt ngào sưởi ấm cho những miền quê từng chịu nhiều đau đớn vì chiến tranh, bước chân của người lính Phạm Ngọc Cảnh chưa dừng lại. Ông vẫn đi và vẫn đến với nhiều miền quê để hòa cùng niềm vui thắng lợi, niềm hăng say sản xuất: *“Với cái hoa bìm tím nhạt/ngắt ngoài bờ ao/trẻ múa điệu múa chuông chào kíp thợ/mùn cưa làm vai áo/mỡ dầu lem vạt áo/vừa tan ca”*(Trẻ con chơi trong xóm thợ)

Một cái tôi mang tình yêu rất lính đối với quê hương còn được thể hiện trong cảm quan với thiên nhiên, đất trời. Nét thi vị của thiên nhiên hòa trộn cùng trái tim đang dâng trào cảm xúc đã tạo nên một sự liên tưởng so sánh thú vị. Cách viết vừa rất quen mà lại lạ mang sức lôi cuốn:

*“Tơ mưa thả trắng lưng chừng
núi như hòn cuội buộc thừng đem treo”*

(Hoành tráng)

Đặc biệt tình yêu quê hương đất nước của cái tôi người lính Phạm Ngọc Cảnh được gói ghém khá trọn vẹn trong tình yêu với các dòng sông. Có thể thấy ông là một trong số ít các nhà thơ mang nỗi niềm sâu nặng với nhiều con sông quê hương. Chính vẻ đẹp mượt mà duyên dáng mà cũng rất yêu kiều của các dòng sông đã lôi cuốn ông, tạo thành mối lương duyên thắm thiết không thể dứt bỏ. Phạm Ngọc Cảnh đã gửi gắm vào các dòng sông mọi cảm xúc vui, buồn và cả cuộc đời nặng trĩu ưu tư của người lính. Với sông người đọc nhận thấy một cái tôi người lính rất thành thực với đời và chan chứa yêu thương. Đó là một dòng sông Đuống mà *Phạm Ngọc Cảnh gọi nó là con sông của mình. “Số phận gắn cuộc đời và sự sáng tạo của Phạm Ngọc Cảnh với con sông Đuống. Mọi buồn vui, hạnh phúc và khổ đau, sự sống bắt đầu sinh sôi và cái kết thúc tịch diệt đều gắn với con sông này”* [34].

*“Ngày nắng tắt gót chân em lấm
ngoài sông con nước vẫn nghiêng chờ
anh không điệu vợ mà thương lấm
con sông của mình con sông thơ”*

(Sông Đuống)

Đó là dòng sông Cụt *“con sông đã tắm gội cho ông ngay cái buổi đầu đời mội dục, đã mách bảo ông bao dự định và cho ông vay mượn hẳn tám mươi năm* Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

luân lạc giữa cõi người mà làm thơ, đóng kịch, viết lời bình khắp sân khấu thế gian” [10, tr.465]. Đó còn là dòng Sông Po Lin rất xanh “Nơi gặp mặt/ những cuộc đời trong xanh của suối” nơi “đập khẽ mà ngân vang trong tâm lòng dũng cảm. Và đó còn là dòng sông Thương, sông Hương, Sông Bồ, sông Lam, tất cả hội tụ trong một cái tôi mặn mà tình yêu quê hương Phạm Ngọc Cảnh. Ngoài những con sông mang tên địa danh cụ thể, khắc ghi những dấu mốc trong lịch sử và trong đời thơ ông, còn là con sông mà người lính tài hoa này gọi là *Dòng sông quen* bởi đó là dòng sông của mọi con sông khác trên đất nước thân yêu. Những dòng sông đã ghi dấu chân của người lính Vũ Ngân Chi và trở thành dòng sông kỉ niệm không quên:

“Đôi bờ sông nghèo đói mà tài hoa
 Tôi đến ở còn nghe vắng vắng
 Trống bùng binh gọi thời say đắm
 Ô che mưa và coi trâu dạm mời...”

Có thể khẳng định với Phạm Ngọc Cảnh cái tôi công dân đã hòa quyện vào cái tôi cộng đồng. Và chính vì vậy mà tình yêu quê hương, đất nước mang âm hưởng hào hùng trong những năm kháng chiến hay tình yêu mang âm hưởng trữ tình, thiết tha khi đất nước hòa bình đều là sự tổng hòa của một trái tim người lính hết lòng với quê hương, xứ sở - *Một tình yêu chẳng bến bờ* luôn rực sáng trong thơ.

2.2.1.2. Cái tôi tràn đầy tinh thần lạc quan, yêu đời

Bên cạnh một cái tôi người lính thiết tha tình yêu quê hương, người đọc cũng nhận thấy ở Phạm Ngọc Cảnh là một cái tôi tràn đầy sự lạc quan, yêu đời. Cái tôi này bắt nhịp nhanh chóng và cùng mang âm hưởng hào hùng của thời đại. “*Vượt lên bom đạn, hy sinh là tiếng hát, là nụ cười của một dân tộc đang chiến đấu và nắm chắc chiến thắng*” [55, tr.165].

Với Nguyễn Đức Mậu, tinh thần lạc quan của người lính thể hiện ở sự *thông minh, sôi nổi* trong bức tranh của sự tưởng tượng: “*Quán trọ giữa rừng là trạm giao liên/Bệnh viện văn công ở trong hang đá/Bộ đội gọi nơi đây là thành phố/Dù không có nổi một ngôi nhà*” (Thành phố trong rừng). Còn trong thơ Tố Hữu là “*điều bộ nghịch ngợm thanh thản vô tư của người lính giữa chiến trường*” [dẫn theo 55, tr.166] “*Mấy chàng lính trẻ măng tơ/ Nghêu ngao gõ bát hát chờ cơm sôi*”(Nước non ngàn dặm). Với Phạm Ngọc Cảnh người đọc bắt gặp một cái tôi lạc quan trong những

cảm quan khá phong phú thể hiện cho một tâm hồn trẻ trung, phơi phới tình yêu đời và cũng rất lính. Đó là cái tôi cảm quan của niềm tin thắng lợi:

*“Tàu đã vào ga hướng Nam đứng hẹn
Hồ hởi quay ra - ngày mai lại đến
Tải về ga hướng Bắc triệu bài ca
Trị Thiên mình “thắng trận nở như hoa”*

(Những sân ga - Những chuyến tàu)

Những câu thơ mang vẻ đẹp vừa hào hùng, vừa lãng mạn như chính tâm hồn của người lính trẻ đầy hồ hởi, náo nức trong ngày lên đường đi chiến đấu. Người lính ấy sẵn sàng: *“Gửi lại phía sau những chiều kỉ niệm”* để *“Chân dồn bước đêm sâu vùng tạm chiếm - Tỳ trên vai cây súng trận anh hùng”* (Trông trận sông Bò).

Cái tôi lạc quan mang niềm tin thắng lợi trong tâm hồn người lính Phạm Ngọc Cảnh được bộc bạch khá rõ. Dẫu biết rằng đây không phải là miền đất mới trong thơ kháng chiến nhưng với người lính được tôi luyện từ trong cuộc kháng chiến chống Pháp, người đọc sẽ nhận thấy một sự trưởng thành thực thụ.

Với người dân Huế nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung thì “thảm sát Huế, tết Mậu Thân” là những ngày tháng đầy máu và nước mắt... Nhưng Huế đã vượt lên nỗi đau đó bằng bản lĩnh kiên cường của một dân tộc sẵn trong mình truyền thống yêu nước. Luôn bên Huế là những người lính mang bên mình lời thề son sắt với Tổ quốc cùng một cái tôi lạc quan mang niềm tin chiến thắng:

*“Bữa tết Mậu thân, Huế gặp những đoàn quân
cài thơ lên súng
Tâm hồn nào cũng lộng gió, chiến sĩ nào cũng nên thơ
Đôi mắt nào cũng đẹp ước mơ
mỗi tấm lòng đều mang vô cho Huế một ngọn cờ vàng sao”*

(Huế đọc thơ anh)

Trong kháng chiến chống Pháp, người lính trong thơ Chính Hữu mang vẻ đẹp lạc quan với hình ảnh *“đầu súng trăng treo”* thì đến với người lính trong thơ Phạm Ngọc Cảnh là *“cài thơ lên súng”*, hình ảnh mang nét mơ mộng, đẹp lãng mạn, thể hiện được sự dí dỏm rất riêng của người lính khi vừa làm thơ, vừa đánh giặc. Vẻ đẹp đó một lần nữa được nhân lên trong *Đôi mắt nào cũng đẹp ước mơ để mang vô cho Huế một ngọn cờ vàng sao* của người lính. Lựa chọn đôi mắt để thể hiện vẻ đẹp

cho tâm hồn là cách thể hiện khá quen thuộc nhưng với đôi mắt *đẹp ước mơ* đong đầy niềm tin vào ngày mai tươi sáng trong những ngày tháng lịch sử có lẽ không nhiều mà người lính trong thơ Phạm Ngọc Cảnh là tiêu biểu nhất.

Còn với *Ám thanh gặp trong rừng* người đọc sẽ bắt gặp những vần thơ được viết theo lối tự do, mạnh mẽ mang tâm hồn khỏe khoắn, phóng khoáng của người lính. Phạm Ngọc Cảnh đã cho thấy những trận bom bê - năm - hai của kẻ thù không tàn phá nổi ý chí, nghị lực và sự vươn lên của dân tộc anh hùng. Sức vươn dậy đó bắt đầu từ trong chính sự khốc liệt của chiến tranh và cũng từ niềm lạc quan, niềm tin bất diệt:

*“Hai đũa về chỗ ở
cuộc lật đất bãi bom bê - năm - hai trước cửa
tiếng cuộc gọi
chích chòe nhật lửa
đếm hạt thóc chia đều”*

Những vần thơ viết giữa chiến trường, giữa gian khổ, hy sinh nhưng vẫn ánh lên niềm tin, *vẻ tươi mát, trong sáng*. Có được như vậy là bởi tâm hồn Phạm Ngọc Cảnh *luôn cháy tận cùng cho thi ca và đậm chất lính*. Và cũng vì vậy mà người đọc cũng dễ dàng bắt gặp một cái tôi lạc quan, luôn dạt dào niềm vui trước chiến thắng, trước sự thay đổi của quê hương khi bầu trời u ám bị lán át bởi ánh mặt trời tự do đang dần chiếu sáng:

*“Đi dưới cờ giải phóng quê Nam
Mỗi cuộc đời thay da đổi thịt
Môi miệng cười thắm lại dung nhan”*

(Đêm xuân Huế đỏ cờ bay)

Niềm vui đọng lại trên từng câu chữ, trên đôi môi, nụ cười người con gái đang độ xuân thì. Tâm hồn người lính thật nhạy cảm, tinh tế và cũng rất yêu đời nên đã có được những vần thơ chứa chan cảm xúc như vậy.

Có thể khẳng định khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn ác liệt cũng là lúc tâm hồn người lính tỏa sáng tinh thần lạc quan nhất. Trên bước đường hành quân, người đọc không bắt gặp cảnh *“Anh bạn dãi dầu không bước*

nữa” bởi “*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm*” (Tây Tiến - Quang Dũng) mà là một tâm hồn đầy mộng mơ bay bổng hạnh phúc:

*“Em muốn về hội Gióng với anh không
để anh khoe với họ hàng câu lý ấy
em muốn làm dâu thì em ở lại
Lý ngựa ô xin cưới sắp về rồi
đồng đội anh đã trọn mùa thắng giặc
cũng sắp về chia vui”*

(Lý ngựa ô ở hai vùng đất)

“Đi đánh giặc mà còn mơ mộng thế, âu cũng là phẩm chất chung của những người lính trong hai cuộc trường chinh chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc ta. Đánh giặc để giải phóng quê hương, đất nước, để lứa đôi có những ngày hạnh phúc, xum vầy, âu cũng là hạnh phúc của bao người” [10, tr.435]. Tâm hồn người lính trẻ trung, phơi phới niềm lạc quan với những mơ ước giản dị mà cao đẹp. Đây cũng chính là nguồn lực để tiếp thêm sức mạnh chiến đấu cho người chiến sĩ trên mọi nẻo đường hành quân.

Cái tôi lạc quan, yêu đời trong tâm hồn người lính còn được thể hiện ở những góc nhìn rất đời thường nhưng cũng rất ấn tượng. Đó là hình ảnh của người lính với điệu thuốc. Cái dáng vẻ thư thái *ung dung môi lửa châm* để thưởng thức vị *tê tê đầu lưỡi ngậm* (Khói thuốc lá Phong Lai) của người lính là hình ảnh vừa mộc mạc, giản dị vừa gần gũi, thân thương mang phong thái rất lính. Hay đó còn là tiếng cười thanh thản vô tư của người lính giữa cái đói khát của chiến trường trong “*Chuyện không bao giờ dứt ở tiểu đội*”:

*“tiểu đội thấy hình dáng cái dạ dày no đói
chuyển tay một bát tả - ra - ve
vừa húp vừa cười
dạ dày đong sảng khoái tiếng cười”*

Còn đây là tâm thế thoải mái của người lính khi bỏ lại sau trận chiến sự gian khổ, hy sinh để tận hưởng thú vui tao nhã và cũng rất nghệ thuật giữa núi rừng trong không gian hữu tình với *câu hò mái đẩy*:

*“Đánh giặc về
chiến sĩ ngồi câu
chỗ cô văn công hò mái đẩy
cái phao bác lệnh bênh
cái lá rụng đong đưa sóng nẩy”*

(Câu mái đầy hò trên suối nguồn)

Và đó còn là sự phát hiện đầy ngạc nhiên của người lính trong khung cảnh đất trời vào xuân:

*“Ven triền dốc cũ Trường Sơn
Chợt trông mây ửng hồng hơn mọi ngày
Ô kìa xuân đến trong tay
Hèn chi lá nguyệt trang đầy sắc hoa”*

(Nghe sáng xuân này)

Bom đạn và sự tàn phá không ngăn nổi tâm hồn yêu đời thiết tha của người lính. Tâm hồn nhạy cảm đó đã có những rung động đặc biệt với mùa xuân, bởi xuân đến mang theo sức sống, niềm vui và hạnh phúc. Thế nên sau *mây ửng hồng hơn mọi ngày* là một tiếng reo vui ngỡ ngàng, một gương mặt ngạc nhiên, sừng sốt khi mùa *xuân đến trong tay* và cũng vì thế mà *lá nguyệt trang đầy sắc hoa*. Một sự phát hiện thú vị, độc đáo, lấp lánh nét hào hoa của người lính.

Cái tôi lạc quan của người lính Phạm Ngọc Cảnh luôn làm người đọc ngạc nhiên và xúc động, bởi giữa chiến trường ác liệt nhưng sự sống và niềm vui không vơi cạn hay héo mòn mà ngược lại tình yêu đời tha thiết luôn tràn ngập trong mỗi trang thơ. Đó cũng là cái tôi chung của thế hệ những nhà thơ trong kháng chiến chống Mỹ. Họ đã thể hiện được tinh thần dân tộc trong tâm hồn con người kháng chiến rất dũng cảm nhưng cũng rất hồn nhiên, yêu đời và không phải là dễ dãi, tầm thường. Bởi họ đã nhận thức sâu sắc về cuộc chiến, về lí tưởng, về nhân dân và cũng về chính mình. Đúng như nhận định của Ban chung khảo cuộc thi thơ của báo Văn nghệ 1972 -1973: *“Ra đời trên chiến trường bom đạn ngút trời (nhất là ở tiền tuyến), vậy mà thơ gửi về dự thi phản ánh khá đúng cái mức độ khốc liệt đó, đọc lên vẫn cứ tươi và xanh đến lạ lùng”* [55, tr.167].

Tinh thần lạc quan của cái tôi người lính trong Phạm Ngọc Cảnh không chỉ biểu hiện trong những vần thơ ghi dấu chân của người lính trong cuộc hành quân cùng dân tộc đánh Mỹ, mà còn thể hiện trong chính cuộc sống đời thường, khi bầu trời của đất nước, quê hương đã thôi tiếng bom rú, đạn găm. Trở về với quê hương sau cuộc chiến, người lính hào hoa này có chút hụt hẫng, đôi khi trở nên ngờ ngác

trong nhịp sống ngày càng trở nên hối hả, bận rộn và kéo theo đó là những sự thay đổi của con người. Có lúc người đọc bắt gặp ở ông những vần thơ chất chứa suy tư, lời thơ như *oằn xuống* trước những biến động của cuộc sống, xã hội và con người:

*“Nhưng khi gió thổi lăm điều
tôi buồn hết cả ba chiều không gian
giận rồi thương nắng phủ phàng
khoe chi mãi cái chói chang lên người”*

(Lục bát cho mình)

Nhưng vốn mang trong mình phẩm chất kiên trung của người lính và hơn nữa phẩm chất ấy lại được trải nghiệm qua thử thách của chiến trường nên người lính nhanh chóng vượt qua được sự chông chênh khi bắt nhịp với cuộc sống mới. Tinh thần lạc quan của người lính lại tỏa sáng trong thơ và trong đời:

*“Mai ông đi khuất non ngàn
gót chân khua quét nhọc nhằn đồ đi
Giữ vại cái hạt li ti
ru cho lá quạt vùn vi hát rằng
Lá râm bụi, lá bằng lăng
xanh ngan ngát cả đồng trăng hát về”*

(Bài hát tặng thằng cu Minh)

Chính sự lạc quan của người lính đã tạo nên một tinh thần, một ý nghĩa sống tích cực. Trên con đường đời tấp nập đua chen, người lính vẫn bước những bước đi vững vàng, đầy tự tin. Phía trước con đường là ánh sáng của ý chí, nghị lực và niềm lạc quan, yêu đời. Cho nên người lính dũng cảm ấy đã sẵn sàng *“ném được về trời”* những *“cái chi”* nhọc nhằn của cuộc sống để *“lênh thênh vạt cỏ nằm chơi một mình”* (Khúc phân kì).

Cái tôi lạc quan, yêu đời của nhà thơ mặc áo lính Phạm Ngọc Cảnh mang nét trữ tình độc đáo và khá đa diện với nhiều góc độ biểu hiện. Dẫu mang cảm quan nào thì cái tôi lạc quan đó vẫn ngời sáng về đẹp con người, đặc biệt là người lính. Chính vì vậy mà Phạm Ngọc Cảnh dẫu *“ít ồn ào trên văn đàn, không bén mùi với*

các giải thưởng” nhưng thơ ông “vừa hào sảng, vừa tình tứ, ý nhị vào loại nhất nhì trong thơ ca” [10, tr.433].

2.2.2. Cái tôi tình yêu

2.2.2.1. Đa tình, đa cảm

“Trong các nhà thơ hiện đại Việt Nam, ít ai đốt cháy mỗi tế bào để sống dạt dào với đời, với anh em đồng đội, với thơ như Phạm Ngọc Cảnh” [10, tr.533]. Cả cuộc đời người lính tài hoa này luôn cháy hết mình với thơ cùng một trái tim nồng nhiệt với đời. Phải chăng điều đó xuất phát từ một trái tim của người lính mang cái tôi đa tình và đa cảm với đời.

Cái tôi đa tình của người lính Phạm Ngọc Cảnh được thể hiện khá rõ trong tình yêu. Nhà thơ Nguyễn Hữu Quý đã từng khẳng định: “Tôi coi Phạm Ngọc Cảnh là một nhà thơ tình thực thụ. Anh có những bài thơ khá hay về tình yêu. Thơ tình của anh có cái mê đắm của yêu đương, có cái chia sẻ của người từng trải, có cái chất “quây” của người dám dấn thân, bước tới” [dẫn theo 8, tr.21]. Khi đắm chìm trong thế giới thơ tình của Phạm Ngọc Cảnh người đọc có những cảm xúc rất đặc biệt, bởi dẫu viết về một mảng đề tài muôn thủa trong văn chương nhưng cái tôi tình yêu trong tâm hồn của người lính đa tình này vừa mang những cung bậc cảm xúc chung của những kẻ đang yêu, lại vừa là *hồn phách* riêng của nhà thơ.

Hòa trong bản hợp xướng của thơ ca cách mạng, cái tôi đa tình của người lính nắn nót cho mình một giai điệu riêng mang nốt trầm, nốt bổng của cung đàn tình yêu. Hành quân qua dải đất miền Trung nắng gió nhọc nhằn nhưng tâm hồn người lính lại ngọt ngào hương vị của tình yêu bởi vẻ đẹp dịu dàng, mê đắm của *tiếng ngọt lành dễ thương* đã hút hồn người lính:

“Em cười, lại “dạ thưa anh”

Tiếng miền Trung, tiếng ngọt lành dễ thương

Trong chiều xanh gió sông Hương

Mắt o tụt về Vân Dương lại cười”

(Dạ, thưa anh)

Màu sắc tình yêu giăng đầy trong nụ cười, giọng nói, đôi mắt của người con gái Vân Dương và trong trái tim đa tình của người lính. Chính những cung đàn tình yêu đó đã chấp cho người lính đôi cánh mang khát vọng hạnh phúc trên con đường nhọc nhằn

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

giành lại tự do cho quê hương. Vì vậy dẫu “*Chiều lạnh cuối năm*” nhưng “*ở một làng ven sông*” thì trái tim đa tình của người lính vẫn trở nên ấm nóng với ngọn lửa tình yêu:

*“Sương tím nhòa lấp phủ bờ xa
Khúc khích cười xua giá lạnh
Em giữa nắng mùa hè kì lạ
Để mùa đông cho ấm một khoang trời”*

(Chiều lạnh cuối năm ở một làng ven sông)

Tình yêu đã đem em đến với anh, đem nụ cười, đem ánh nắng để *xua giá lạnh* trong tâm hồn. Lời thơ chân thành mà bay bổng như tình yêu dạt dào của người lính. Tình yêu ấy không thể hiểu bằng quan sát, phân tích mà chỉ có thể hiểu tình yêu bằng chính tình yêu mà thôi.

Đọc *Khúc mơ màng của đá* người đọc cảm nhận được một cái tôi khá *đáo đẽ* trong tình yêu. Bài thơ được khơi nguồn từ vẻ đẹp của Hòn Trống Mái, từ đó thể hiện lòng khâm phục của nhà thơ trước khát vọng tự do yêu đương của cha ông và khẳng định:

*“đời sau ai biết ai
thôi, cứ vòng quanh hòn Trống Mái
quanh nỗi bi thương nghìn đời để lại
hôn nhau qua sóng bạc đầu”*

“Cha ông mình có thể vượt qua tất cả để được hạnh phúc bên nhau, huống gì chúng ta không thể vượt qua sóng bạc đầu mà hôn nhau dù chỉ một lần” [10, tr.457]. Lời thơ mang khát vọng yêu đương thiết tha, đắm đuối, chảy vào chiều sâu của tâm hồn. Dù đã từng yêu tha thiết nhưng liệu rằng có phải ai cũng đủ bản lĩnh để vượt qua những rào cản, trở ngại trong cuộc đời để đến với nhau. Cái tôi đa tình đó của người lính Phạm Ngọc Cảnh không chỉ thể hiện trong những cung bậc cảm xúc khi khép, khi mở của ông mà đã đôi lần ông thành thực thú nhận: “*Anh đa tình nên cứ muốn lần theo/xấu hổ gì đâu mà anh giấu diếm*”(Lý ngựa ô ở hai vùng đất). Về vấn đề này, nhà thơ Nguyễn Sĩ Đại đã từng rất ngạc nhiên và khẳng định: “*Mọi vẻ đẹp khác nhau, mọi hy sinh gian khổ, mọi hành động anh hùng của người lính, tôi đã gặp nhiều trong Đông Tây kim cổ, nhưng không thấy có người lính nào như Phạm Ngọc Cảnh*” [dẫn theo 10, tr.534]. Không cất giấu, không né tránh mà ngược lại rất tự tin,

sẵn sàng bộc bạch con người thực trong tình yêu của mình. Đó là những gì mà người đọc nhận thấy được qua những vần thơ đầy bản lĩnh này của ông.

Trong thế giới tình yêu của Phạm Ngọc Cảnh với các dòng sông, người đọc rất ấn tượng với tình yêu của ông với dòng sông Đuống, đó là một tình yêu vừa giản dị mà lại đậm thắm, vừa dịu êm và cũng rất mãnh liệt. Đây cũng là những nốt nhạc tình yêu mà trái tim người lính muốn trao gửi cho một nửa tâm hồn mình:

*“Ngày nắng tắt gót chân em lấm
ngoài sông con nước vẫn nghiêng chờ
anh không điếu vơi mà thương lấm
con sông của mình con sông thơ”*

(Sông Đuống)

Phải chăng bên dòng sông ấy có ngôi nhà nhỏ che cho người lính gần cả một đời người và có *“cái xa là tiếng gọi đi, cái gần là tiếng gọi về. Cái gần gọi về với hạnh phúc giản dị trong ngôi nhà có ngọn lửa ấm, cái xa là để nói những rộng dài các con sông khác, những chân trời thi ca”* [34]. Tâm hồn người lính trong thơ của Phạm Ngọc Cảnh vừa lãng mạn, hữu tình, vừa đắm đuối với tình yêu:

*“Câu hò thổi giạt hồn sông
Tháo tung bè nửa tôi trông trả ơn”*

(Sông Mã và tôi)

“Tháo tung bè nửa” ý định của người lính mới bản lĩnh làm sao. Nó vừa là sự đi ngược lại với những trật tự thông thường lại như một minh chứng trong tình yêu. Đồng thời nó lại như một sự trả ơn: trả ơn cho những ưu ái của cuộc đời, trả ơn cho người phụ nữ duyên dáng mà cũng rất bản lĩnh với cái tên Giáng Hương đã từ sự cảm phục nên đã rất mực yêu và tự nguyện gắn bó cuộc đời mình với nhà thơ. Phải nói *“Phạm Ngọc Cảnh ửng sáng từ góc riêng của mình nhưng cái góc riêng ấy hình như chẳng muốn neo đậu một chốn nào; khi thì sông Đuống, lúc là sông Mã và biết đâu còn có một Hiếu Giang nào đó quanh co chảy về Cửa Việt xa xa”* [10, tr.511]. Dẫu sao thì đó cũng là cái đa tình của người lính tài hoa này.

Nói về ông, nhà báo - nhà thơ Trần Hoàng Thiên Kim đã từng bộc lộ *“thời còn khỏe mạnh, Phạm Ngọc Cảnh vẫn tự hào rằng không một tỉnh nào từ Lũng Cú đến Cà Mau, không một huyện đảo nào mà ông chưa chưa đặt chân đến, mỗi dòng Sớ hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN*

sông, ngọn núi, tên phố, tên làng đều ghi khắc trong ông những dấu ấn khó quên. Đi nhiều và đập nhiều, luôn đầy mạnh mẽ “ăn sóng nói gió” nhưng tâm hồn Phạm Ngọc Cảnh vẫn đầy đa cảm” [10, tr.481]. Trong kháng chiến Phạm Ngọc Cảnh là người lính dũng cảm nhưng chiến tranh với bom đạn, máu và nước mắt... trái tim đa cảm đó lại rớm máu và nổi đau âm thầm cháy trong tim. Ông không phải là người nói nhiều về những mất mát, hy sinh trong cuộc chiến, mặc dù ông là người trọn cuộc đời mặc áo lính. Những nỗi đau, những tổn thất về tâm trạng lại là điều luôn trăn trở day dứt trong ông:

*“Đêm đối mặt với ngày quai đản
nắng mọc đằng đông đến đằng tây nắng lặn
lặn trên lưng anh một vết lửa bầm
trêu ngươi như con mọt gỗ
nhằm cái đêm chờn vờn giấc ngủ...”*

(Đêm nằm võng bạt)

“Chúng ta đã đọc những tổn thất về người, về của, giờ đây chúng ta đọc thêm những tổn thất của tâm trạng” [24, tr.59]. Nỗi đau đó là nỗi đau chung của một thời kì gian khổ nhưng cũng là nỗi đau riêng của những trái tim đong đầy tình cảm như Phạm Ngọc Cảnh. Và đến một ngày tâm hồn đa cảm đó đến thăm Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn, những kí ức về những người đồng đội cùng vào sinh ra tử chợt ùa về trong ông và tiếng gọi quá khứ đó đã trở thành tiếng nấc nghẹn ngào:

*“Không, các anh không còn nghe được nữa đâu
tôi tin vậy nên ghìm tiếng nấc
tôi tin vậy nên đọc trâm trong gan ruột
tên các anh như tiếng gọi sang mình”*

(Văn bia đọc ở nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn)

Chính sự gắn bó cùng sống, cùng chiến đấu, cùng vượt qua những gian nan, khắc nghiệt của chiến trường và chính tình đồng đội, đồng chí đã gắn kết người lính lại với nhau. Vượt qua năm tháng tình cảm và những kí ức đó không phai mờ và luôn sống mãi trong trái tim đa cảm của người lính.

Cái tôi đa cảm trong tình yêu của người lính còn thể hiện ở những cảm quan trong tình yêu đôi lứa. Là người lính nhưng cũng là một nhà thơ nên trái tim đa cảm của ông đã giành nhiều chỗ để gửi gắm tình yêu của mình. Bởi “*người tình, chính là Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN* <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

tình yêu nếu nói rộng ra là nguồn sống, nguồn sáng tạo đầy cảm hứng của nhà thơ”. “Vậy nên nếu như Phạm Ngọc Cảnh có hai, ba chón đi về nào đấy thì... cũng không có gì đáng ngạc nhiên cả. Với anh, tất cả đều ân tình, đều đầy đặn, đều chân thành mới trong ấm ngoài êm”[10, tr.511].

*“ Bỏ ra hai nửa hương hoa
Nửa chìm giọt nắng hắt là phần em
Anh vin nhành xuống nghiêng thêm
Nửa mai em đến bên thêm nhìn sang”*

(Mùa đào ăn chung)

Không có gì phải hờn giận hay trách móc cả bởi đó là một sự trọn vẹn cả nghĩa và tình, một sự thắm thiết, đắm đuối ân tình, một sự trào dâng nhưng không nông nổi của nhà thơ đa cảm sinh ra ở mảnh đất nghèo về vật chất nhưng nặng về cảm xúc này.

Tác giả Hà Minh Đức từng có ý kiến về cái tôi trữ tình “*Thường thì cái tôi trữ tình trong thơ dễ bộc lộ trực tiếp trong các trường hợp viết về chính bản thân mình và thơ thường phổ biến là cái tôi của tác giả*” [16, tr.74]. Trong trường hợp của cái tôi trữ tình trong tình yêu của người lính Phạm Ngọc Cảnh người đọc cảm được thế giới riêng tư đó.

2.2.2.2. *Trân trọng, ngợi ca*

Phạm Ngọc Cảnh là nhà thơ sống nặng về tình cảm và kỉ niệm. Vậy nên trong thế giới thơ tình yêu của ông, người đọc nhận thấy nhiều cung bậc cảm xúc khá phong phú, trong đó phải kể đến những vần thơ thể hiện sự trân trọng, ngợi ca của nhà thơ dành cho đất nước, quê hương, cho những người thân yêu. Cung bậc cảm xúc đó nằm trong nguồn cảm hứng chung của thời đại và mang những nét riêng của một tâm hồn nặng tình đời.

Trong bản trường ca ngợi ca đất nước trong chiều sâu văn hóa và chiều dài lịch sử, Phạm Ngọc Cảnh đã có những tiếng thơ mang âm hưởng vừa hào hùng vừa lắng đọng, thể hiện một tấm lòng chân thành của người con với dân tộc. *Con nghệ đá và tiếng trống* là niềm tự hào về lịch sử *bốn nghìn năm bền bỉ*, kiên trung của một đất nước mà biết bao lần *độ sức* với giặc dữ “*Thằng giặc nào cũng đến đất này với thép với gang*”. Nhưng với truyền thống yêu nước và đánh giặc, với “*ba thế hệ anh hùng tiếp nối đi qua*” dân tộc ta đã viết nên bản anh hùng ca chiến thắng vang

dội. Theo dòng lịch sử, truyền thống yêu nước của dân tộc ta ngày càng được hun đúc những phẩm chất mới và trở thành giá trị văn hóa bất biến.

Phạm Ngọc Cảnh cũng dành sự trân trọng, ngợi ca của mình khi viết về Đảng với những vần thơ của ông mang sức sống vượt thời gian:

*“Hạt hồng cầu đội sức âm vang
Ơn Đảng sinh ta vào thế kỷ
nhân dân cười sáng lóa đầu trang
ta chiếm giữ mùa thơ thắng Mỹ”*

(Điềm ơi)

Lời thơ chân thành mà xúc động của nhà thơ đối với Đảng. Đây cũng là sự biết ơn sâu nặng, là những lời ngợi ca về sức mạnh to lớn của Đảng đối với lịch sử dân tộc. Đảng là nơi gửi gắm niềm tin và là khối đại đoàn kết dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng chúng ta đã làm nên chiến thắng vang dội địa cầu.

Trong cái tôi tình yêu của người lính Phạm Ngọc Cảnh còn là những cung bậc tình cảm trân trọng, yêu thương của ông với những người bình dị trong cuộc sống. Đó là tình cảm *“Gửi chị phát thanh viên đài tiếng nói Việt Nam”* - những con người mang tiếng nói của quê hương, đất nước truyền đến với mọi người.

*“Trận đánh này kết thúc trước bình minh
bản tin đầu
tiếng chị lại ngân vang
Đây là đài tiếng nói Việt Nam
Phát thanh từ Hà Nội”*

Đó là *“Ca khúc tặng người giữ trẻ đã về hưu”* - những người chèo đò lặng thầm ươm những mầm cây cho tương lai, cho đất nước:

*“Mấy năm này chị chăm cây
Mảnh vườn con mở bàn tay bé bỏng
Trẻ tòng quân, trẻ lấy chồng
Đến nhận thêm một cành hồng chị cho”.*

Trái tim rộng mở yêu thương của Phạm Ngọc Cảnh còn dành những lời ngợi ca đối *“Với người nhật lá quanh Lãng”*:

“lai lịch cô gái này tôi chẳng thuộc

*mà sáng nào cũng gập
bàn tay nhật lá chuyên cần”.*

Không cần tô điểm nhưng vẻ đẹp dịu dàng của sự chăm chỉ, chuyên cần, sự công hiến thầm lặng trong những con người bình dị được Phạm Ngọc Cảnh thể hiện với sự yêu thương, trân trọng. Vẻ đẹp lấp lánh đó hiện ra trong sự nhộn nhịp, bộn bề của cuộc sống. Là người nặng nghĩa tình, giàu trải nghiệm nên ông đã có những cảm nhận sâu sắc như vậy.

Một góc cạnh khác trong cái tôi tình yêu của người lính Phạm Ngọc Cảnh mà ông rất trân trọng và dành một tình cảm đặc biệt đó là viết về người vợ thân yêu của ông. Bà Vũ Thị Ty, người con gái làng Bưởi, diễn viên múa xinh đẹp, người bạn đời đã gắn bó với ông gần trọn cuộc đời, đã đi vào trong thơ của Phạm Ngọc Cảnh với ân tình sâu nặng của nghĩa tình vợ chồng. Ông gọi bà là *Cô Tấm ở trong nhà* - một cô Tấm hiền thảo, chăm chút hết mình cho gia đình để ông có thể yên tâm vững bước trên con đường kiếm tìm những chân trời nghệ thuật cho thỏa niềm đam mê:

*“Nếu mai này giục già bước xa hơn
trái thị chín cho mùa thơm mát nữa
cho đất đai mỡ màng hạt lúa
anh yên lòng đi xa
bởi có
em ơi
cô Tấm ở trong nhà”*

Cô Tấm trong thơ Phạm Ngọc Cảnh tỏa sáng vẻ đẹp của hình tượng người phụ nữ Việt Nam: thủy chung, yêu thương, giản dị một đời vì chồng vì con. Sau này khi nhắc tới bà, ông vẫn xót xa, ngậm ngùi bởi những bất hạnh của đời người đã khiến cho người phụ nữ cả cuộc đời dành cho gia đình phải nằm đó gần hai mươi năm vì con bạo bệnh. Nhưng vượt lên tất cả, ông đã chăm sóc bà trọn nghĩa, trọn tình và viết về bà với một sự yêu thương, trân trọng và tự hào. Chính *tình yêu thủy chung* đó đã đem đến thơ ông những vần thơ *nồng đượm, đắm say* tạo sự vững chắc, lâu bền trong lòng bạn đọc:

*“Thế thôi ư, ơi em bé bỏng
cánh buồm xoay vờn trạm mây trời*

*nhưng mùa nước chảy thành sông Đuống
giọt nào không từ mắt anh rơi”*

(Sông Đuống)

Với nguồn cảm hứng dạt dào về đất nước, quê hương, về chiến tranh, về thế sự, đời tư, Phạm Ngọc Cảnh đã đem đến cho khu vườn nghệ thuật của thơ ca hiện đại Việt Nam những bông hoa tuy không ngạt ngào hương sắc nhưng lại mang một vẻ đẹp đậm đà của tình yêu. Đó là tình yêu lớn của một trái tim người lính luôn nặng lòng với quê hương, xứ sở. Đó còn là niềm tự hào trước vẻ đẹp bình dị mà cao quý của đất nước. Bên cạnh đó, còn là nỗi đau xót khôn tả khi quê hương chìm trong khói lửa chiến tranh nhưng vượt lên nỗi đau đó là những vần thơ rắn rỏi ghi lại khí thế ra trận hào hùng của dân tộc. Khi đất nước hòa bình, cũng như bao người lính khác trở về sau cuộc chiến, Phạm Ngọc Cảnh lại tiếp tục đóng góp những vần thơ thể sự thể hiện những trăn trở, suy tư trước những biến động của cuộc sống mới với con người, cuộc đời. Đồng thời nhà thơ cũng đóng góp những vần thơ thể hiện sự chiêm nghiệm sâu sắc của người cầm bút mang vốn sống phong phú. Bên cạnh nguồn cảm hứng chủ đạo về quê hương, đất nước, cuộc đời thì trên chặng đường thơ ca của Phạm Ngọc Cảnh, người đọc còn ghi nhận một cái tôi trữ tình của người lính với tình yêu Tổ quốc thiết tha và tràn đầy tinh thần lạc quan, yêu đời. Và đó còn là một cái tôi của một trái tim tình yêu đa tình, đa cảm, luôn trân trọng ngợi ca, biết ơn con người và cuộc sống. Dù ở khía cạnh nào người đọc cũng nhận thấy sự chân thành trong cách viết, cách cảm của nhà thơ.

Có thể nói trong suốt cuộc đời cầm bút của Phạm Ngọc Cảnh, ông không chỉ đem tới cho thơ ca hiện đại Việt Nam những tác phẩm có giá trị, đạt được những giải thưởng lớn mà quan trọng hơn là còn chứa đựng những giá trị nhân văn cao quý. Những tác phẩm đó góp phần bồi đắp cho con người tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước, đồng thời còn là những bài học quý giá về cuộc đời. Theo dòng chảy của thời gian, mọi sự có thể vận động, biết đổi và phát triển, nhưng những câu thơ như:

*“ Hóa vô tận bao điều mơ tưởng ấy
bao câu hát ông cha mình gửi lại*

*sao em thương câu lý ngựa ô này
sao anh nghe đến lần nào cũng vậy
sao chỉ thấy riêng mình em đứng đây
chỉ riêng mình em hát với anh đây*

....

*Lý ngựa ô này hát theo đường đánh giặc
có điều gì như thế ẩn vào trong”*

(Lý ngựa ô)

Sẽ luôn trường tồn cùng thời gian và bạn đọc; đồng thời sẽ là một minh chứng sống động cho một hồn thơ tràn ngập niềm đam mê nghệ thuật, luôn trăn trở, tìm tòi để sáng tạo và cống hiến, tạo nên những trang thơ chân thành, giàu cảm xúc, để lại những dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn người đọc.

Chương 3

ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT TRONG THƠ PHẠM NGỌC CẢNH

3.1. Thể thơ

Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia: *"Thơ là một hình thức nghệ thuật dùng từ, dùng chữ trong ngôn ngữ làm chất liệu, và sự chọn lọc từ cũng như tổ hợp của chúng được sắp xếp dưới một hình thức lôgic nhất định tạo nên hình ảnh hay gợi cảm âm thanh có tính thẩm mỹ cho người đọc, người nghe"*[4]. Sáng tác và thưởng thức thơ là nhu cầu tất yếu của con người. Mỗi tác giả lựa chọn cho mình một phong cách sáng tác mang dấu ấn riêng của người viết. Người đọc với nhiệm vụ khám phá, kiếm tìm thế giới nghệ thuật của các tác giả gửi vào trong các tác phẩm dưới các hình thức thể hiện khác nhau. Đi vào tìm hiểu về *Đặc điểm nghệ thuật trong thơ Phạm Ngọc Cảnh*, người đọc sẽ được cảm nhận về một hồn thơ đầy tài năng và nhiệt huyết với đời. Ông đã phát huy về mặt hình thức thể loại với nhiều thể thơ khác nhau: thơ 4 chữ, thơ 5 chữ, thơ 6 chữ, thơ 7 chữ, thơ 8 chữ, đặc biệt là thơ lục bát và thơ tự do.

Bảng thống kê khảo sát các hình thức thể loại thơ Phạm Ngọc Cảnh

Thế thơ Tập thơ	4 chữ	5 chữ	6 chữ	Lục bát	7 chữ	8 chữ	Tự do	Tổng số
Đêm Quảng Trị		1		4	2	2	18	27
Lối vào phía Bắc		3		4	1		17	25
Trăng sau rằm		3	2	3	1		16	25
Nhật lá	1	2	2	8	2		31	46
Bến tìm sông				50				50
	1 0,5%	9 (5%)	4 (2%)	69 (40,5%)	6 (3%)	2 (1%)	82 (48%)	173 100%

3.1.1 Thơ tự do

Phong trào Thơ mới (1932- 1945) đã mở đầu cho sự đổi mới thơ Việt Nam. Theo Hoài Thanh - Hoài Chân thì Thơ mới *"đã vứt đi nhiều khuôn phép xưa, song cũng nhiều khuôn phép nhân đó mà thêm bên vưng"* [51, tr.43]. Các nhà thơ trong phong trào Thơ mới đã tiếp nhận những ảnh hưởng của thơ Pháp và đổi mới luật thơ cũ với nhiều thể loại thơ khác nhau như năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, thơ tự do...

và đã có những đóng góp lớn đối với quá trình hiện đại hóa nền văn học nước nhà. Trong các thể thơ đó đáng chú ý là thể thơ tự do. Đây là một thể loại mà hình thức cơ bản của bài thơ không bị ràng buộc bởi những quy tắc nhất định về số câu chữ, niêm, luật, vần, đối trong việc phân biệt với thơ cách luật. Các nhà thơ có thể thoải mái thả hồn thơ theo nguồn cảm hứng sáng tác của mình để tìm tới những chân trời rộng mở trong thơ ca. Thơ tự do được phổ biến khá rộng rãi trong văn học hiện đại và được chia làm hai loại: *thơ tự do không giới hạn về số câu nhưng giới hạn về số chữ* và *thơ tự do không giới hạn về số chữ, số câu*.

Phạm Ngọc Cảnh là bộ đội chống Pháp và thuộc lớp đầu của thế hệ thơ chống Mỹ. Trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông đã góp vào dàn hợp xướng vĩ thanh của dân tộc những vần thơ *hào sảng*, tỏa sáng rạng ngời về đẹp con người Việt Nam. Còn khi đất nước hòa bình thơ ông lại vút cao bài ca ngợi ca về đẹp của đất nước, quê hương, con người trong nhịp sống mới. Đồng thời, còn có những bài thơ chiêm nghiệm sâu sắc về cuộc đời. Có thể khẳng định, thơ Phạm Ngọc Cảnh đã có sức lan tỏa khá rộng trong lòng người đọc. Thành công của ông có được bởi sự hòa nhịp của vốn sống, tài năng và là việc vận dụng khá tốt các thể thơ, đáng chú ý là thể thơ tự do trong sáng tác. Thơ tự do chiếm phần lớn trong các tác phẩm của ông. Trong đó, đặc biệt là những bài thơ tự do không giới hạn về số chữ, số câu xuất hiện với một tần số khá dày đặc. Điều này có thể lý giải bởi độ ngắn, dài của của các câu thơ cũng chính là những cung bậc cảm xúc phong phú trong tâm hồn nhà thơ. Ông mặc sức sáng tạo, thỏa niềm đam mê và đem lại cho đời những bông hoa nghệ thuật thơm ngát, rất chân thật, tinh tế và lắng đọng những xúc cảm suy tư.

Những câu thơ dài là nguồn cảm hứng dạt dào mang âm hưởng ca ngợi của nhà thơ về đất nước, quê hương, con người. Đó là lời ca bất tận dành cho Huế *mặn mà chung thủy*, cho Tô Hữu - một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của thơ ca Việt Nam hiện đại, người con thân yêu của xứ Huế anh hùng.

*“ Thương nhớ người đi xa, Huế mặn mà chung thủy
Quét sạch bầy Mỹ - nguy, xanh thắm lại lòng sông
Như tình thơ anh vẫn hằng mong
Có một chiều về thanh thản với cánh bướm giông
ngược bến tuàn”*

(Huế, đọc thơ anh)

Đó còn là niềm tự hào về Hà Nội - trái tim của cả nước với những người con vừa anh dũng chiến đấu bảo vệ sự bình yên của bầu trời Tô quốc, của một *Lối vào phía Bắc*, vừa hăng hái lao động, dựng xây lại thủ đô:

*“Cỗ máy em làm đã tới tận giờ
Nhưng ngay thẳng đường cửa xẻ từng phiến gỗ
Bền chắc nguy nga nào sẽ không mọc lên từ đó”*

Hay còn là những câu hát *tình bằng* cất lên từ tâm hồn của những người lính lạc quan, yêu đời, ngợi ca quê hương quan họ với vẻ đẹp đầm thắm: *“Tôi mang về hát trước một vùng sông/Một vùng sông, nhịp trống mới vỗ về mơ ước cũ/Bạn bè nhìn cây súng quàng vai tôi và ngôi sao/ đánh vàng trước mũ/như sắp cất lên tiếng hát...tình bằng”* (Bài hát về nhịp trống)

Các câu thơ với những nhịp điệu khác nhau, thể hiện dòng cảm xúc khi trầm, khi bổng của nhà thơ. Đó là nhịp thơ chậm, lắng đọng cảm xúc của những *“điệu ru em” “dập dìu”*, điệu *“ru từng lứa đôi/ tự thừa ban đầu”* điệu *“ru anh /buổi cuộc đời đôi kếm”* điệu *ru chú con nuôi* (Chính ủy hát ru chú con nuôi) của một thời gian khổ mà ấm áp tình người. Những dòng thơ ngắn là lời tự sự, bộc bạch chân thành mà đầy cảm phục về phẩm chất của người cách mạng, phẩm chất đó được hun đúc, nuôi dưỡng ngay tự thừa ấu thơ. Hay đó còn là những câu thơ ngắn nhưng nhịp thơ dồn dập, hối hả *“thối đập/ thối/ đập!” “thối vào lòng căm thù”* trước *“trận bom bê - năm - hai”* tố cáo tội ác của kẻ thù (Âm thanh gặp trong rừng).

Trong các bài thơ Phạm Ngọc Cảnh viết theo thể thơ tự do phần lớn có số câu với độ ngắn, dài đan xen nhịp nhàng. Điều đó phù hợp với hoàn cảnh sáng tác của nhà thơ. Bởi ông là người ham đi nhiều, viết nhiều, ông vẫn tự hào rằng không một tỉnh nào từ Lũng Cú đến Cà Mau, không một huyện đảo nào mà ông chưa đặt chân đến. Vậy nên với thể thơ tự do không hạn định về số chữ, số câu, độ ngắn hay dài của các câu trong bài đã giúp ông có thể khám phá những góc sáng hoặc khuất, lấp khác nhau của hiện thực cuộc sống hay bộc bạch tâm trạng, cảm xúc về chính đời mình:

*“Mình thương nhau
đất quặn lòng cho cây lá đặng
bát canh múc đầu mường đầu bản
cuối sông bát đũa
rừng mình”*

(Lá đắng nuôi chồng)

Hay là những dòng hồi tưởng *ngọt ngào* về miền quê đã lưu giữ trong ông bao kỉ niệm: “*Miếng ngọt ngào/Lại nhớ về bên ấy/Để quanh năm bốn chôn trên chỗ lầy/Người đâu xa hát đến ngọt ngào/Như bao giờ Quan họ cũng tìm nhau/Lại nhớ về bên ấy/Vùng quê giầu rất nhiều gió giông vào khăn che đậy*”(Ngọt ngào bên ấy)

Về loại thơ tự do giới hạn về số chữ, số câu thì Phạm Ngọc Cảnh sáng tác không nhiều. Tuy nhiên trong số không nhiều đó người đọc vẫn nhận thấy sự đậm đà của một tâm hồn mà thời đại đã nuôi dưỡng trở thành một nhà thơ tiêu biểu.

*“Cái hình và cái bóng
Bướm đậu và bướm bay
Suối reo và biển động
Lặng im và tỏ bày”*

(Trạm dừng của đất)

Thể thơ năm chữ kết hợp cùng với cách ngắt nhịp 2/3, cách sử dụng từ tài tình tạo nên những câu thơ mang vẻ đẹp mượt mà, luyến láy và lắng đọng suy tư. Hay đó là lời *tự thú* trong tình yêu: “*Em gặt hái lời muôn thủa/ cho riêng mình anh đấy thôi/ như miếng ngon chờ một bữa/ như yêu thương dành một đời*” (Múa). Có thể thấy đó là những vần thơ “*thăng hoa trong cảm xúc, sâu lắng trong ý tứ*” [10, tr.440] mà Phạm Ngọc Cảnh đã tình nguyện trao tặng cho người mình yêu, cho cuộc đời.

Tìm hiểu thể thơ tự do trong sáng tác của Phạm Ngọc Cảnh, chúng tôi nhận thấy ông thường xuyên sử dụng cách viết thường ở đầu câu. Dường như nhà thơ đã tận dụng tối đa *sự tự do* trong sáng tác để có *cơ hội phô diễn* tài năng, chất trí tuệ, vốn sống của mình trên trang thơ và đem lại sức cuốn hút đối với người đọc. Để rồi vào một ngày đông lạnh cuối năm Giáp Ngọ, ông đã đi vào cõi vĩnh hằng nhưng những tiếng thơ “*Anh ăn canh đắng nhà mình/ quên hết trần gian canh đắng lạ/ ăn mà tin/ khi thương khi giận/ khi đuổi khi mời/ khi com có thất thường thác đổ/ khi nước mắt đắng vào huyết mệ/ bát canh nghèo/ em nuôi*”(Lá đắng nuôi chồng) vẫn *nặng lòng* người đọc.

3.1.2. Thơ lục bát

Thơ lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc, mang phong vị ngọt ngào của quê hương xứ sở. Thơ lục bát có *nhịp điệu uyển chuyển, nhịp nhàng, thanh điệu của Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN* <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

câu thơ nghiêng về bằng hơn trắc, hơi thơ cần liên tục hơi ngắt quãng [21, tr.89]. Những câu lục bát luôn mang âm hưởng trữ tình ngọt ngào, ngân nga như lời ca. Chính vì thế, thơ lục bát rất dễ thuộc, dễ nhớ và đi vào lòng người với âm điệu dịu dặt, tha thiết. Như một lẽ tất yếu hầu như trong sự nghiệp sáng tác của mình các nhà thơ hiện đại đều vận dụng thể thơ truyền thống này của dân tộc vào trong sáng tác. Tăng Tấn Lộc cho rằng: “*Điểm qua các tác giả tiêu biểu của thơ ca Việt Nam hiện đại, ta có thể khẳng định một điều rằng ở đâu cũng có thơ lục bát*” [32]. Tuy nhiên, không phải tác giả nào cũng thành công. Đối với Phạm Ngọc Cảnh một người luôn muốn *tìm tiếng nói của riêng mình* trong một thế giới thơ đa sắc màu thì thơ lục bát là thể thơ được ông vận dụng cũng khá nhiều (chiếm 69 bài trong tổng số 173 bài mà chúng tôi khảo sát). Với thể thơ lục bát này, ông đã có những thành công đáng kể, góp phần khẳng định được vị trí của mình trong văn học hiện đại.

Vận dụng thể thơ lục bát trong sáng tác, Phạm Ngọc Cảnh vẫn sử dụng cách ngắt nhịp truyền thống: nhịp chẵn, dựa vào tiếng có thanh không đổi (tức là các tiếng 2,4,6). Nhờ vậy thơ lục bát của ông mềm mại, uyển chuyển mang âm điệu ngọt ngào yêu thương hay là sự thành kính và tấm lòng biết ơn sâu nặng của nhà thơ với người mẹ “*Nửa vòng thế kỷ xới đơm/ Mẹ nuôi lớn tuổi cảm hờn bước chân*” (Gửi mẹ bên Cửa). Và còn là những trăn trở, suy tư về một thời binh nghiệp:

*“Để im thì nhớ mơ màng
khẽ lay là đất đai vang vọng về
một thời đã khuất còn nghe
máu từng giọt vỡ gần kề bước đi”*

(Lục bát thời binh nghiệp)

Mặt khác, cũng trong việc vận dụng thể thơ lục bát, Phạm Ngọc Cảnh cũng không ngừng sáng tạo để những câu lục bát ấy vẫn trên cơ sở của truyền thống nhưng đã mang vào mình bản sắc riêng của người sáng tác. Nhà thơ Nguyễn Ngọc Phú từng khẳng định: “*Có một Phạm Ngọc Cảnh của thơ lục bát rất riêng để tả những tâm trạng ông muốn khao khát chia sẻ*” [10, tr.447]. Tìm hiểu tập thơ *Bến tìm sông* với 50 bài thơ lục bát, chúng tôi nhận thấy “*Sẽ vẫn là vóc dáng của thửa sinh ra một thể loại cho thơ Việt. Nhưng cũng sẽ khác nhiều*” (Lời tác giả). Trong tập thơ lục bát này các cặp câu lục bát được ngắt thành từng cặp một “*câu 6 và câu*

8 nâng dều nhau với nhiều ẩn dụ khép mở” [10, tr.447] bày tỏ những trăn trở của nhà thơ về cuộc sống:

*“Giá đừng nhập, giá đừng chia
Đừng xui gió ném thia lia vào mình”*

(Lục bát vào Vinh)

Hay những chiêm nghiệm sâu sắc về cuộc đời “*Đêm đông lử khử lử khử/ dấm nuôi giọt lạnh chín như thành hoa*” (Xi Ma Cai đêm trắng). Đôi khi còn là sự đắm đuối, mơ mộng và quyết đoán trong tình yêu: “*Mộng mơ gió dưới thân diều/ thăng bằng cánh mỏng bay liều sáng em*” (Vu vợ). Và cũng có lúc không né tránh thực tại, Phạm Ngọc Cảnh bộc bạch trực tiếp khát khao yêu đương tha thiết vào cái tuổi lục tuần của mình:

*“Sóng không ngủ suốt đêm hè
Cho miền chấn gối còn nghe rõ mình*

*Hòn Trống Mái khẽ rung rinh
đã cam phận đá mà tình chưa yên”*

(Chú ve con ở Sầm Sơn)

Tìm tới thể thơ lục bát để giải bày, bộc bạch tâm trạng, cảm xúc của mình, Phạm Ngọc Cảnh đã tìm thấy sự gắn kết đặc biệt. Bởi đây là thể thơ mang những nét đặc sắc nghệ thuật riêng, gần gũi, thân thuộc với đời sống. Những câu thơ lục bát từ lâu đã đi vào trong lòng người đọc bao thế hệ với những cung đàn vãn và nhịp nhàng dễ thuộc, dễ nhớ... Hơn nữa “*bản thân thơ lục bát là thơ cách luật, nhưng nó lại cho phép linh hoạt chấp nhận mọi sự tìm tòi, sáng tạo về âm luật trong hoạt động sáng tạo nên các bài thơ cụ thể. Mặt khác, khả năng biểu đạt nội dung của nó khá linh hoạt, vừa trung tính vừa có thể chuyên biệt hoá tùy thuộc vào những trường hợp vận dụng cụ thể*” [32]. Vì thế Phạm Ngọc Cảnh hay viết lục bát “*nhưng lục bát vào tay anh đã từ chối cái dằng dối chặt chộm để cởi thoáng, tự do, gần với giao đãi hàng ngày*” [10, tr.16].

*“Đồng làng chia vật mỡ hôi
rau sam bò tím lưng ngôi chùa nghèo
Câu kinh nhúng lạng ao bèo*

rũ phăng thế tục đăm chiêu nét thiên”

(Sư nữ chùa nghèo)

Đồng làng, rau sam, chùa nghèo, ao bèo...những thi liệu mang đậm hồn quê. Hồn quê đó tỏa ra từ thi hứng và thấm vào từng thớ chữ, “tất cả được chuyển hóa, được làm mới, đầy sáng tạo, khiến ta cảm thấy nó vừa là truyền thống vừa là phi truyền thống” [10, tr.16]. Phạm Ngọc Cảnh đã *“từ bỏ cái dài các để đến với cái thường ngày”*[10, tr.16]. Sự sáng tạo mang bản sắc riêng, khẳng định sự đột phá, sự đổi mới của nhà thơ.

Có thể nhận thấy sự sáng tạo trong việc vận dụng thể thơ lục bát của Phạm Ngọc Cảnh còn thể hiện ở chỗ *“không mượt mà trôi chảy với những tính từ mềm đẹp mà còn luôn có những đảo phách động từ với độ nén, độ vắng, độ keo như muốn kết dính vào tâm trí người đọc”* [10, tr.447].

*“Mặt trời đốt sạch lời ca
thuyền tình buộc dưới la đà mưa rơi
lạ chưa đất vùi vai trời
bỗng dưng đâu đến rồi trôi vào mình”*

(Lục bát khi say)

Phạm Ngọc Cảnh là người lính đa tình đa cảm, ông đã sống trọn nghĩa, trọn tình với người con gái Làng Bưởi vừa đẹp người, đẹp nét. Chính vì những ân tình chu đáo của ông đối với vợ đã làm đắm đuối cô gái xứ Thanh - một người rất yêu thơ ông. Và *“tình yêu thủy chung và chịu đựng ấy, cho ông những câu thơ nồng đượm, đắm say”* [10, tr.506].

Vận dụng sáng tạo thể thơ lục bát trong quá trình sáng tác, Phạm Ngọc Cảnh đã khẳng định quá trình lao động nghệ thuật miệt mài và cố gắng để xây dựng cho mình một phong cách nghệ thuật độc đáo. Sự tiếp nhận và đồng cảm của người đọc qua nhiều thế hệ như một sự ghi nhận, trân trọng những câu thơ lục bát ngọt ngào, lắng sâu đó.

3.1.3. Thơ văn xuôi

Theo Từ điển Văn học (tập II, 1984, trang 381) thì thơ văn xuôi “là một trong ba hình thức cơ bản của thơ xét về phương diện tổ chức ngôn ngữ, là loại sáng tác dùng văn xuôi để biểu hiện một nội dung tư tưởng tình cảm đầy chất thơ”. Với Nguyễn Trọng Tạo thì “*Thực chất thơ văn xuôi chính là thơ không vần, hay nói cách khác nó là biến cách của thơ - không vần. Mà thơ không vần trước hết nó là thơ thoát ra ngoài qui tắc của vần luật nhưng vẫn ràng buộc bởi nhịp điệu (tiết tấu) và âm thanh (trầm bổng) của thơ, mà ta vẫn thường gọi là nhạc điệu. Nhờ vào tính chất đặc trưng đó mà phân biệt thơ văn xuôi (thơ không vần biến cách) với văn xuôi giàu “chất thơ”* [49]. Mặc dù được xem là hình thức tự do nhất trong thể loại thơ nhưng sự xuất hiện của thơ văn xuôi trên văn đàn thơ ca hiện đại chưa nhiều so với thơ tự do và thơ lục bát. Bởi nói theo cách nói của Xuân Diệu thì: “*Viết thơ văn xuôi cần phải nắm vững nhịp điệu, tiết tấu của câu thơ dài rộng phá thể và phải tinh vi nghe được cái nhạc bên trong của câu thơ: Khi nhạc ấy không thể hiện ra những vần mà lỗ tai cảm thấy ngay thì nó lại càng phải dồi dào, đầy căng như nhựa mật của trái tim làm nứt vỡ*” [12].

Trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ người đọc đã ghi nhận sự đóng góp của Chế Lan Viên, Hữu Thỉnh, Phạm Tiến Duật, Thanh Thảo, Nguyễn Trọng Tạo, Lưu Quang Vũ, Nguyễn Đức Mậu... trong việc vận dụng thể thơ văn xuôi để sáng tác. Với Phạm Ngọc Cảnh, ông cũng tham gia sáng tác, dẫu không nhiều nhưng cũng thể hiện sự thể nghiệm mình và sự đóng góp đối với thể loại không mới nhưng xuất hiện khá dè dặt trong sự nghiệp sáng tác thơ ca của nhiều tác giả.

Nếu Nguyễn Đức Mậu lựa chọn “*một câu chuyện về cánh rừng Trường Sơn năm xưa bằng văn xuôi đậm chất tự sự mà trữ tình nên thơ*” [19, tr.64] thì Phạm Ngọc Cảnh lại lựa chọn những vần thơ văn xuôi chắt chứa những chiêm nghiệm, suy ngẫm về cuộc đời thể hiện sự từng trải của người cầm bút: “*Tôi yêu đến tột cùng cảnh trong cây đã được uốn vặn kì công làm một biến dạng tài tình vẫn dám nhô ra cái mầm xanh chói mắt. Có thể người trông vung dao chặt. Thì mầm kia đã cảnh cáo người rồi.*

*Tôi yêu đến tột cùng con cá vọt lên bờ - Dẫu làm lỗi ấy đẩy vào cái chết -
Không vậy làm sao biết có cái gì mệnh mang hơn cái ao
Tôi yêu...”*

(Tôi yêu)

Lựa chọn thể thơ văn xuôi nhưng không nhằm mục đích ngợi ca, Phạm Ngọc Cảnh đi vào phản ánh hiện thực cuộc sống với cái nhìn sâu rộng hơn. Cảm hứng đó bắt nguồn từ nhận thức, kinh nghiệm và vốn sống của nhà thơ. Chính điều đó đã xóa nhòa khoảng cách của thơ với đời. Với kết cấu bên ngoài trình bày bằng hình thức thơ tự do, dòng suy ngẫm của Phạm Ngọc Cảnh vượt ra khỏi rào cản của vần, nhịp, độ ngắn dài của các câu thơ không bị hạn chế mà tỏa theo cảm xúc. Ông mạnh dạn đi vào mặt khuất chìm của cuộc sống với một niềm tin mãnh liệt vào ý chí, nghị lực và sức vươn dậy của con người. Khi cuộc sống ngày càng hiện đại hơn thì cũng dễ làm cho con người sống thực dụng hơn, có những giá trị cao đẹp trong tâm hồn bị thay thế bởi những tính toán của vật chất. Ranh giới của tốt xấu, thật giả, đôi khi chúng ta khó đoán định hết được. Nhưng chính trong nhịp sống ồn ào, có lúc tưởng như *“được uốn vặn kì công”* lại *“dám nhô ra cái mầm xanh chói mắt”*, kể cả khi bị *“vung dao chặt”* nhưng *“mầm kia đã cảnh cáo người rồi”*. Hay đó còn là hình ảnh của *con cá vọt lên bờ vượt ra khỏi cái ao dẫu rằng phải đối diện với cái chết*, để thỏa mãn những khao khát khẳng định mình trong cuộc đời. Cuộc sống dù có được mang những lớp màu của thời đại thế nào thì con người luôn phải vươn lên, phải biết đấu tranh với những bất công ngang trái trong cuộc đời để đi tới chân trời rộng mở với những khát khao được sống hạnh phúc, sống có ý nghĩa. Một triết lí rất gần gũi và cần thiết trong cuộc sống được nhà thơ thể hiện bằng thủ pháp liên tưởng so sánh - một thủ pháp được dùng nhiều trong thơ văn xuôi và có thể khẳng định Phạm Ngọc Cảnh đã vận dụng thành công. Điều đó đã góp phần thể hiện tài năng, sự vươn lên trong lao động nghệ thuật của người nghệ sĩ - chiến sĩ Phạm Ngọc Cảnh.

3.2. Giọng điệu thơ

Trong việc thể hiện tư tưởng và cảm xúc của nhà thơ giọng điệu đóng một vai trò khá quan trọng. Có thể thấy giọng điệu là *“một thước đo không thể thiếu để xác định tài năng và phong cách độc đáo của người nghệ sĩ”* [14, tr.11]. Theo Từ điển thuật ngữ văn học thì *“Giọng điệu là thái độ, tình cảm, lập trường tư tưởng, đạo đức của nhà văn đối với hiện tượng được miêu tả thể hiện trong lời văn quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm, cách cảm thụ xa, gần, thân sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm”* [18, tr.134]. Còn theo Trần Đình Sử, giọng điệu là sự biểu hiện lập trường, tư tưởng, cảm xúc chủ thể, là nguyên tắc lí giải và chiếm lĩnh hiện thực của thi nhân. Với Nguyễn Đăng *Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN* <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

Điệp thì khẳng định: “*không thể có giọng điệu nếu không có những rung động sâu sắc, những nỗi đau, những xót xa trước thân phận con người, không xẻ chia với họ niềm vui và tình yêu cuộc sống*” [14, tr.34]. Như vậy, trong quá trình thai nghén và cho ra đời những tác phẩm nghệ thuật thì giọng điệu đóng một vai trò đặc biệt. Giọng điệu là một yếu tố quan trọng trong việc xác định phong cách của một tác giả, góp phần mang tiếng nói riêng của cá nhân tác giả truyền tải tới người đọc. Người đọc có nhiệm vụ khám phá, phát hiện chính xác giọng điệu của tác phẩm để cảm thụ những cảm xúc, tâm trạng mà các tác giả gửi gắm trong bài.

Trong tiến trình văn học Việt Nam, đặc biệt là trong thơ hiện đại các tác giả luôn cố gắng để khẳng định giọng điệu cá nhân của mình. Phạm Ngọc Cảnh là một nhà thơ như vậy, suốt cuộc đời theo đuổi niềm đam mê thơ ca, ông cũng không ngừng nỗ lực cố gắng để tạo cho mình một phong cách nghệ thuật riêng. Trên con đường nhọc nhằn mà vinh quang đó thì giọng điệu thơ cũng góp phần không nhỏ viết lên tên tuổi của một nhà thơ mãi miết cống hiến cho đời những tác phẩm thơ ca đích thực. Tìm hiểu thơ Phạm Ngọc Cảnh chúng tôi nhận thấy nổi bật trong thơ ông là ba giọng điệu tiêu biểu: giọng tâm tình sâu lắng, giọng xót xa, ngậm ngùi, giọng suy tư, triết lí.

3.2.1. Giọng tâm tình sâu lắng

“*Trong lớp các nhà thơ chống Mỹ, Phạm Ngọc Cảnh đã để lại một dấu ấn riêng, rất khó quên về phong cách thơ*” [10, tr.433]. Điều này khẳng định sự nỗ lực cố gắng của ông, trong đó giọng điệu tâm tình sâu lắng được nhà thơ vận dụng khá nhiều trên các trang viết của mình. Cũng như nhiều nhà thơ khác, Phạm Ngọc Cảnh lấy nguồn cảm hứng sáng tác từ chất liệu đời sống thường ngày, từ những chi tiết bình dị mà nên thơ của cuộc sống. Điều đó đã lắng đọng trong thơ ông một giọng điệu tâm tình, thủ thỉ, gần gũi mà sâu lắng bao cảm xúc, suy tư, trăn trở. Góp một phần không nhỏ để tạo nên giọng điệu này đó là việc ông vận dụng rất thành công thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc vào trong sáng tác. Chính âm hưởng mang đậm chất dân gian trong thơ lục bát đã góp phần thể hiện những cảm xúc chân thành của nhà thơ. Những bài thơ viết về tình cảm gia đình, quê hương đều mộc mạc, giản dị chứa đựng tình cảm thiết tha, sâu lắng: “*Con là tiếng mạ ầu ơ/Chắt chiu nuôi rợp bóng cò chiến khu/Võng dầm mặt suối êm ru/Phải từ phía mạ nắng thu chuyển về*”

(Gửi mẹ bên Cù). Vẫn là cách ngắt nhịp truyền thống mang âm điệu trữ tình, lời thơ nhẹ nhàng êm đềm như một khúc tâm tình tỏa sáng rạng ngời hình bóng thân yêu của người mẹ chiến khu. Giọng thơ lắng đọng, bao cảm xúc chợt ùa về trong kí ức của nhà thơ của một thời gian khổ mà ấm áp tình yêu thương. Nhịp thơ đều đều, trải rộng ngân nga lời ca không dứt về tình Mẹ.

Đó còn là những câu lục bát chứa chan tình cảm của nhà thơ đối với *làng Bưởi*, nơi:

*“Anh về làm rể, thương thầy
Mười năm - những chín năm thường đi xa
Cầm tay trang giấy làng ta
Liềm xeo lãn vết qua ba đời người”*

(Con rể làng Bưởi)

Giọng thơ mượt mà là lời tâm tình của nhà thơ về chính cuộc đời mình ‘*Mười năm - những chín năm thường đi xa*’ sự thành thật và cũng là sự biết ơn của nhà thơ dành cho những người thân yêu đã yêu thương, che chở, chấp thêm đôi cánh để ông dành trọn cuộc đời cho thơ ca. Giọng tâm tình sâu lắng của những câu thơ lục bát khiến người đọc không khỏi xúc động. Và đó còn là “*khúc tạ ơn*” của Phạm Ngọc Cảnh dành đến với người bạn đời thứ hai của ông. Người đã vượt mọi khó khăn, trở ngại của cuộc đời để bên ông *trọn nghĩa vẹn tình*.

*“Xin ơn sâu trái tim mình
đã toan ngừng đập lại tìm đến nhau
không thể thốt với mai sau
dám đối mặt với ngày đau vật vờ”*

Lựa chọn thể thơ lục bát để thể hiện những ân tình dành cho người con gái xứ Thanh, Phạm Ngọc Cảnh dường như đã thỏa nguyện. Ông đã cởi bỏ được những ưu tư, phiền muộn trong quãng đời đã qua để *cái tình lại lắng mãi vào sâu cái tình*. Và cũng để đạt được những tâm nguyện của ông thưa trước nhà thờ họ Phạm: ‘*xin thân tổ gọi còn về/ lắng cùng sông Phủ le the sóng chiều/...Thơ dâng một nén hương này/ khói xanh vờn ngược chấp tay thỉnh cầu/ xin cho đôi mắt thật giàu/ cái*

nhìn buộc riết vào nhau mà nhìn”(Lục bát trước nhà thờ họ Phạm). Giọng thơ chứa đựng cảm xúc sâu lắng của chủ thể trữ tình.

Một điều dễ nhận thấy khi nghiên cứu thơ Phạm Ngọc Cảnh, đó là ông *“không chỉ thích hợp với tráng ca, mà còn rất thích hợp với trầm ca”*[10, tr.16] Chính vì vậy, bên cạnh việc vận dụng thể thơ lục bát thì Phạm Ngọc Cảnh cũng vận dụng thể thơ tự do để góp phần bộc bạch những cảm xúc, tâm trạng của mình trước cuộc sống với một giọng điệu tâm tình sâu lắng. Ở đó là nỗi nhớ về quê hương tha thiết của người đồng đội: *“Ôi da diết nhớ nhịp chày khoan nhặt/Giọng hò ai thom gạo mới hai mùa”*(Ba Lòng). Là những cung bậc cảm xúc dâng trào khi chia tay ngôi nhà nhỏ *“trước đêm ra trận”* của người lính: *“Con thân yêu đã ngủ say/ cha cúi hôn cái sóng soài thanh thân/ đậu trên tay/ bàn tay nâng/ chào đồng đội/ Bịn rịn có đong đầy mắt mẹ/ và cha/ chỉ một thoáng trôi qua/ dĩ đội lấm nhưng rồi lạng lẽ”*. Là những khúc tâm tình trước thời gian: *“Tháng năm giãng qua bạc xóa bụi trần/ Trên mái tóc thuở các anh trộm ngắm/ Giờ đã nhăn nheo sức bàn tay tiễn dặn/ Tuổi học trò vượt núi đến Ngân Sơn”* (Đọc đường rừng ngày trước các anh qua). Sử dụng sắc thái giọng điệu tâm tình sâu lắng, Phạm Ngọc Cảnh đã đưa người đọc đến với một thế giới của những cảm xúc ngọt ngào. Đó cũng là cõi lòng sâu thẳm của một hồn thơ lính đa tình đa cảm này.

Lựa chọn cho mình một giọng thơ dễ đi vào hồn người bởi độ lắng sâu của cảm xúc và sự ngọt ngào của vần điệu, Phạm Ngọc Cảnh cũng đưa vào đó cách xưng hô phổ biến của chủ thể trữ tình. Tìm hiểu thơ của ông, chúng tôi nhận thấy chủ yếu ông dùng cách xưng hô thân mật, gần gũi “anh”, “em”, rất thích hợp để thể hiện giọng tâm tình sâu lắng: *“Câu lí chiều nay anh đổi lời/ hát điệu ta nghĩ đó em ơi/ sao anh nhìn em dăm dăm vậy/ Mắt em là quê hương đó thôi!”* (Lý mười thương). Lời thơ dịu nhẹ, nhịp thơ êm đềm, kết hợp với đại từ nhân xưng anh, em. Tất cả hòa trộn thành một giọng điệu tâm tình nhẹ nhàng mang đậm tâm tư, nỗi niềm thương nhớ của nhân vật trữ tình. Và đôi khi lại hóa thành sự tha thiết đến nao lòng: *“Em ơi con nước tràn xuôi/ mà tình ghé xuống bờ môi dặn thầm”*(Sông về bến ờ). Có sự mạnh mẽ, dám đảo lộn lại những quy luật của cuộc đời để sống mãi với tình yêu. Điều đó thể hiện bằng giọng điệu tâm tình mà sâu sắc của nhà thơ.

Bên cạnh đó, ông cũng vẫn sử dụng cách xưng hô “ta” quen thuộc, đó là lời tâm tình ông nói với mình và cũng là nói với mọi người:

*“Úp bàn chân vào mỗi bước nhá nhem
lên cao điểm nào lá cành xao xuyên gọi
dấu chân qua bồn chồn mặt suối
ta hiểu ta hơn từ chột tím nưa rừng”*

(Trường Sơn - chỗ chúng tôi)

Vượt qua khó khăn ta sẽ hiểu ta hơn và ta cũng trưởng thành, cứng cõi hơn. Phải chăng đây cũng là những tâm tình sâu lắng mà ông muốn gửi đến với người đọc qua những trải nghiệm của mình.

Mặt khác, để thể hiện những cung bậc cảm xúc phong phú của mình, Phạm Ngọc Cảnh cũng sử dụng nhiều từ hô gọi mang âm điệu thiết tha, nồng nàn: *em ơi, Cô Pung ơi, Trường Sơn ơi, Điềm ơi, Mạ ơi, trăng ơi..* kết hợp với các hư từ: *thôi, nhi...* Cách sử dụng dấu chấm lửng trong thơ để diễn tả cảm xúc dâng trào mà không thổ lộ thành lời: *“Em vắng...Cao Bằng lạnh/ đắp nguồn mộng manh thương dòng đơn côi/ em vắng...Cao Bằng lạnh/ so dây đàn gảy lạc quê người”*(Cao Bằng - tự bạch). Một cảm giác cô đơn lan tỏa bao trùm cả khổ thơ khi *em vắng...*Lấy không gian rộng và dùng cách diễn đạt của thể thơ tự do, kết hợp với dấu chấm lửng đã tạo nên sự trống trải, lẻ loi trong tâm hồn chủ thể trữ tình.

Sử dụng giọng thơ tâm tình để giải bày những cảm xúc sâu lắng của lòng mình, đây là cách diễn đạt không mới trong thơ ca. Nhưng với Phạm Ngọc Cảnh, ông đã có nhiều sáng tạo riêng thể hiện một tâm hồn thơ ca nhân hậu, luôn đắm đuối với đời, đồng thời góp phần làm nên một phong cách thơ Phạm Ngọc Cảnh.

3.2.2. Giọng thơ xót xa, ngậm ngùi

Công cuộc kháng chiến chống Mỹ trường kì của dân tộc đã được phản ánh khá rõ nét và toàn diện trong thơ ca với đặc điểm bao trùm là tính chiến đấu. Bên cạnh bản trường ca ca ngợi vẻ đẹp anh hùng của dân tộc Việt Nam trong kháng chiến thì cũng có không ít những lời ca xót xa ngậm ngùi về đất nước, quê hương nhọc nhằn, gian lao khi dưới bầu trời và trên mặt đất vẫn còn hứng chịu những trận bom đạn của kẻ thù. Mang trong mình nhiệt huyết của một người con yêu quê hương tha thiết, Phạm Ngọc Cảnh đã sớm trở thành một người lính. Hiện thực cuộc chiến đã tôi luyện cho người lính một phẩm chất kiên cường, dũng cảm. Nhưng

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

cũng chính những tháng ngày lăn lộn ở chiến trường, những đêm dài hành quân miệt mài tiếp lửa cho tiền tuyến, ông đã chứng kiến sự gian khổ và những mất mát, hy sinh của quê hương, đất mẹ trên con đường đấu tranh giành lại tự do.

*“Chưa có bình minh thả nắng xuống đàn t’rung
Nai lạc mẹ rừng mình nghe số phận
đồng bằng cháy, núi đầu chiều rắng lặn
ta khóc thương nhau đầu thác Ô ồ”*

(Trường Sơn - chỗ chúng tôi)

Hình ảnh thơ gợi cảm, kết hợp với biện pháp nghệ thuật ẩn dụ và dùng những từ *đau, khóc thương* diễn tả trực tiếp tâm trạng xót xa, nghẹn ngào của nhà thơ khi quê hương oằn mình gánh chịu những nỗi đau của chiến tranh.

Hòa mình vào cuộc chiến ngay từ những ngày đầu, Phạm Ngọc Cảnh đã cùng với những người đồng đội, nhân dân trải qua biết bao khó khăn, gian khổ. Nhưng với bản lĩnh kiên cường của người chiến sĩ được tôi luyện từ trong kháng chiến chống Pháp, ông đã vượt qua những khắc nghiệt của hoàn cảnh. Và rồi vùng kí ức đó lại lắng sâu trong thơ ông bằng một giọng thơ ngậm ngùi, xót xa:

*“Mười năm đi gió núi mưa ngàn
Đi với súng thô, đầu trần, chân đất
Đi với thuở khăn tang đẫm đìa nước mắt”*

(Đêm xuân Huế đỏ cờ bay)

Đi sâu vào cuộc chiến và tận mắt chứng kiến sự tàn độc của kẻ thù, hơn lúc nào hết Phạm Ngọc Cảnh cảm nhận tận cùng nỗi đau do kẻ thù gây ra. Giọng thơ nức nở xót xa trên từng câu chữ: *“hóa học Mỹ chui vào ruột củ/sông Pơ Lin gầm lên tiếng hú/đau với dân làng A Lê Lóc/cái chết dâng lên nghẹn cổ đeo cườm”* (Sông Pơ Lin rất xanh). Khi sự tự do trên Tổ quốc kính yêu đang được nhân dân ta vươn tới cùng với những chiến thắng vang dội trên các chiến trường, thì cũng cùng với đó là biết bao sự hy sinh thầm lặng của những người em gái, người đồng đội, đồng chí. Giọng thơ chùng xuống, xót xa khi nhà thơ viết về họ: *“em gái ta ngoài sinh chua, nẩy mận/ ngậm mình ba tháng/ dưới rều che/ giữ một lối đi về,/đồng chí ta lật nắp hầm nổ súng/trước giờ ngã xuống/ gửi lời chào lên Trường Sơn/ lời chào da diết/vạch đường bắn cho ta vào chiến dịch”* (Nhật kí 935). Và cũng chính trong những tháng ngày đó, dân tộc ta đã phải gánh chịu một sự mất mát lớn. Người cha

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

già, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc đã lên đường theo tổ tiên, về với “thế giới người hiền” trong niềm tiếc thương vô hạn của nhân dân Việt Nam và thế giới: “*Một trái tim ngừng đập/ Cả thế giới bỗng lạnh ngắt tái tê*”(Thơ của nữ thi sĩ Blaga Dimitova - Bungari). Mang cùng một tâm trạng chung đó của dân tộc, Phạm Ngọc Cảnh đã khóc thương Bác với tấm lòng thành kính tiếc thương, giọng thơ như lạc đi vì đau xót, tê tái: “*Ta bay lên cao điểm 935/ từ mức nở tay ôm lời di chúc/ từ ân hận lòng ta đau/ năm Một nghìn chín trăm sáu chín/ tháng chín/ mồng ba/ trước chín giờ bốn mươi bảy phút/...nâng súng chào/ vĩnh biệt/ Bác đi xa*” (Nhật kí 935).

Vào ngày cuối của tháng tư năm 1975 nhân dân ta vỡ òa sung sướng vì ánh nắng của bầu trời độc lập, tự do đã phủ chiếu toàn đất nước. Hòa trong niềm hứng khởi đó, Phạm Ngọc Cảnh cùng dân tộc cất cao bài ca chiến thắng. Và rồi khi trở về với cuộc sống đời thường ông vẫn cần mẫn với con đường thơ ca của mình. Bên cạnh những vần thơ ca ngợi vẻ đẹp quê hương, đất nước, con người trong cuộc sống mới thì vẫn lắng đọng trong thơ ông những vần thơ trần trở về cuộc đời:

*“Đủ điều đồn đại về em
kiêu sa, điệu dàng, đen bạc...
đủ điều đồn đại về anh
điệu vợ, nông cuồng, tế nhạt....”*

(Một thời đồn đại)

Trước những thị phi, những ghen tuông của cuộc đời, một tâm hồn đa cảm như ông không khỏi chạnh buồn. Cũng đôi khi, ông không ngần ngại phơi bày sự sống sượng, chua chát của cuộc đời: “*Bến Đục mình nào có trong/quần quanh nghiệp chướng dặt vòng đến đây*”(Rủ nhau đi chùa Hương) và rồi nhận ra sự nhỏ bé của mình trước cái *Vòng loanh quanh* của kiếp đời: “*Cái vơi nằm nhớ cái tràn/ còn bao cái khổ nuốt khan hơi mình*”. Tất cả nỗi niềm đó được ông giải bày, chia sẻ với một giọng thơ ngậm ngùi, xót xa!

Phạm Ngọc Cảnh là nhà thơ của lính và cũng là nhà thơ của tình. Cái tình trong thơ ông mênh mông như chính con người ông ngoài cuộc đời luôn yêu thương, trần trở... Sử dụng giọng thơ xót xa, ngậm ngùi để phơi trải phần nào nguồn xúc cảm đó. Ông đã thành công!

3.2.3. Giọng suy tư, triết lý

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

<http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

Đến với thơ, đối với Phạm Ngọc Cảnh cũng là “*cách để đưa ra những triết lý giản dị của đời sống vạn linh mà phải mất nửa cuộc đời dần thân và chiêm nghiệm ông mới rút ra được*” [10, tr.440]. Vậy nên, trong các bài thơ mà ông để lại cho đời có khá nhiều bài ông sử dụng giọng thơ suy tư, triết lý để bộc bạch những chiêm nghiệm của mình.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ nổi niềm trăn trở của người con xứ Nghệ được bộc bạch bằng giọng thơ chất chứa suy tư khi “*Nghĩ đau ruột lắm anh nờ/ Huế thơ, Huế đẹp mà chừ... anh coi*” (Dạ, thưa anh), khi “*đạn xâm lược cắm vào mặt ruộng/ câu thơ nào? câu thơ nào hơn!*” (Điền ơi). Còn trong công cuộc dựng xây lại đất nước thì vẫn giọng thơ suy tư đó nhưng giờ nặng trĩu hơn. Bởi một phần hai cuộc đời, Phạm Ngọc Cảnh là người lính, khoác lên mình nhiệm vụ của người chiến sĩ và của người nghệ sĩ, động lực lớn nhất giúp ông vượt qua những gian lao của chiến trường là ngày độc lập. Tuy nhiên, khi thanh bình trở về trên mảnh đất nhiều bom đạn này, ông không tránh khỏi nỗi niềm của người lính khi thấy cuộc sống mới có nhiều đổi thay, bên cạnh niềm vui, hạnh phúc... còn bao chua xót, bao nhọc nhằn của cuộc đời khiến ông thầm ao ước:

*“Vĩ thử cuộc đời tỏ mở tiếng yêu thương
khách khứa đến trong vần thơ tặng lại
đừng vội ví von, đừng ngâm ngợi tâm thường
hóa cái mũi - con - tàu lốc lư giao đãi”*

(Người làm thơ cho đất mũi)

Sử dụng cách nói giả định, giọng thơ chất chứa suy tư, Phạm Ngọc Cảnh đã mạnh dạn khơi tới cái nguồn sâu kín của nhịp sống ồn ào. Để rồi hơn một lần ông lại trầm ngâm về một thời:

*“Để im thì nhớ mơ màng
khẽ lay là đất đai vang vọng về
một thời đã khuất còn nghe
máu từng giọt vỡ gần kề bước đi”*

(Lục bát thời binh nghiệp)

Hoặc có lúc ông muốn buông xuôi “*Muốn đứng ngoài màn kịch đã chia vai/ muốn khuôn mặt đừng thoa dày phần nữa/ muốn giao lưu đừng phải thuộc lời/muốn mặt trời đừng can dự/ chỗ hạ màn khôn khéo quá người ơi*” (Vai diễn kịch cho mình). Cũng có khi trên dòng đời bươn bả, ông chợt dừng lại, ngẫm ngợi về mình, về những người yêu thương đã dành cả đời cho ông, giọng thơ chùng lắng bao ưu tư: “*Anh khẽ nói còn gì cho nhau - Đất ẩm ướt lên từ mặt đất - Đã đầy trời mưa bay - Đã âm thầm nhô lên từ góc - Cái chồi non suốt đời mong chờ - Và phía ấy, phía vắng trắng mọc - Lời gì ai nói bâng quơ*” (Còn gì cho nhau).

Bên cạnh giọng thơ trải rộng những suy tư, trăn trở về cuộc đời, Phạm Ngọc Cảnh cũng đem đến một giọng thơ mang đậm tính triết lí. Đó là kết quả của quá trình trải nghiệm trong cuộc đời và sự thăng hoa trong cảm xúc. Giọng thơ triết lý thông thường hay thể hiện ở thể thơ tự do, ở đó người viết không bị hạn định về câu chữ có thể diễn tả nhiều cảm xúc, suy tưởng của mình về cuộc sống, Phạm Ngọc Cảnh cũng vậy với *Cháu nội II, Năm Tuất mẹ sinh con, Hội thảo thơ ở Văn Miếu* là những suy ngẫm sâu sắc về cuộc đời.

Tuy nhiên, Phạm Ngọc Cảnh là người của sự sáng tạo, nên bên cạnh việc vận dụng thể thơ tự do để thể hiện những suy tư, triết lí của mình thì ông cũng vận dụng khá thành công thể thơ lục bát để cùng thể hiện giọng điệu triết lí đó. Ông đã từng nhận xét về mình: “*Tôi mang phận kiếp con tầm/ Ăn xanh màu lá khuya nằm nhà thơ*”(sông Mã và tôi) và khuyên đời: “*Đùa thì cứ mặc sức đùa/ đừng ham trò cũ gươm khua, súng đồn*” (Trẻ em chơi trong thành nhà Hồ) rồi tuyên bố: “*Tiêu xài sạch nợ đấng cay/ tôi làm xác gió tìm vay nẻo về*” (Phố cũ Sài Gòn). Những câu thơ mang giọng thơ triết lí cũng là tấm lòng của nhà thơ với cuộc đời.

Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh với một cuộc đời miệt mài sáng tạo, cống hiến cho nghệ thuật đã tạo dựng cho mình một phong cách nghệ thuật mang bản sắc riêng của nhà thơ. Đóng góp không nhỏ cho sự thành công đó là giọng điệu suy tư, triết lý.

3.3. Ngôn ngữ thơ

Ngôn ngữ có một vị trí đặc biệt quan trọng trong sáng tác văn học, được coi là chất liệu của văn học. M.Gorki đã từng khẳng định: “*Yếu tố đầu tiên của văn học là ngôn ngữ, công cụ chủ yếu của nó và cùng với các sự kiện, các hiện tượng của cuộc sống là chất liệu của văn học*” [dẫn theo 6]. Riêng đối với thơ ca, ngôn ngữ là

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

phương tiện thể hiện tư tưởng, tình cảm... và xây dựng các hình tượng nghệ thuật theo ý đồ của nhà thơ. Theo Vũ Duy Thông thì: “*Thơ sở dĩ không phải là văn xuôi, thơ là thơ bởi cách tổ chức ngôn ngữ của nó*” [56, tr.129]. Sáng tác thơ ca, đồng nghĩa với việc vận dụng sáng tạo ngôn ngữ và thể hiện tài năng nghệ thuật của các tác giả. Cho nên tìm hiểu về đặc điểm thơ Phạm Ngọc Cảnh để góp phần khẳng định vị trí của ông trong nền thơ ca hiện đại không thể không tìm hiểu về việc vận dụng sáng tạo ngôn ngữ thơ ca của ông. Qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy ngôn ngữ trong thơ của Phạm Ngọc Cảnh vừa giản dị, gần gũi với đời thường và còn mang tính tượng trưng.

3.3.1. Ngôn ngữ giản dị, gần gũi với đời thường

Cùng mang những khuynh hướng chung của thơ ca hiện đại, ngôn ngữ thơ Phạm Ngọc Cảnh cũng giống như ngôn ngữ thơ của nhiều tác giả khác cùng thời như Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Duy... cùng tìm tới hệ thống ngôn ngữ giản dị, gần gũi với đời thường. Điều này rất dễ hiểu bởi họ cùng là lớp nhà thơ mặc áo lính, cùng lăn lộn ở nhiều chiến trường để cùng sống, chiến đấu và sáng tác trong một thời kì gian khổ ... Chính đời sống hiện thực rất phong phú nên lớp từ ngữ bóng bẩy, chau chuốt không thể bộc bạch hết, nên hầu như những tác phẩm thơ ca của họ đều sử dụng lớp ngôn ngữ dễ hiểu, giản dị, dễ đi vào trong tâm thức của người tiếp nhận.

Trước hết, ngôn ngữ giản dị, gần gũi với đời thường trong thơ Phạm Ngọc Cảnh được thể hiện ở lớp từ ngữ sinh hoạt. Đó là những từ hô gọi (*Ơi ngọn núi, ơi bài ca, ơi tiếng trống, ơi gió miền tây...*), những thán từ (*ôi da diết nhớ, trời ơi...*), những quan hệ từ (*thì, mà, như, hoặc, nhưng...*), những từ ngữ đời thường (*vật vờ, cuốn tha, vĩa hè tím tím, thia lia, cứ mặc sức đùa, ngái ngủ, ăn mày, cái khó, ăn nhạt, mặt đời, trăng tráo, động trời, trắng bệch, teo gầy, phình phờ, đồng đánh, rũ tóc, bon chen, quên phắt...*). Hay đó là sự sáng tạo trong cách sử dụng từ đời thường (*tình tót dạ, nhểu nhảo...*); cách sử dụng từ láy (*đêm nao đêm nào đêm nào, lúng la lúng liếng lung liêng, lử khử lử khử, lênh bênh lênh bênh lênh bênh ...*). Thậm trí có lúc ông bạo dạn trong cách dùng từ để bộc lộ cảm xúc (*nửa câu lục bát ăn kèm năm xôi*) (Lục bát vào Vinh), “*đôi khoe vú ngực lộ xô/ tòa xanh mơ ấy đắp mỡ lên anh*” (Ru hồ Kẻ Gõ). Hoặc đó còn là cách ví von rất đời thường (*Trót như loài ngựa vĩa/ tôi trốn khuất chân đèo*) (Có một người ở Huế). Đôi khi nhà thơ cũng sử dụng cách diễn đạt mang dấu ấn của người dân tộc thiểu số bằng những ngôn ngữ *Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN* <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

giản dị mang nét đời thường của họ khi nói về sự nhòm ngó của quân giặc ở biên giới nước ta “*Nó đã từng sang ăn thắng cố/ ngôi mồn bặc quán với mình thôi*” (Phiên chợ này đông). Hay khi nói về sự tần tảo, lo toan chu toàn công việc gia đình của một “*Cô Tấm ở trong nhà*” nhà thơ cũng dùng cách diễn đạt rất giản dị với những ngôn từ của sự vất vả trong cuộc sống đời thường, kết hợp với trợ từ liệt kê: “*về bên ngoài vay sẵn khô ăn độn/này ngăn nắp từng đồng tiêu pha/.../ này đưa con vào lớp ba rồi lớp bốn/ này dựng vợ gả chồng cho bao đứa em*”. Chính nhờ hệ thống ngôn ngữ đó mà người đọc nhận thấy sự gần gũi thân thuộc của cách diễn đạt đời thường và thơ ca trở nên chân thật, gần gũi dễ đi vào lòng người:

*“Anh về làm rể, thương thầy
Thương hơn, ấy những con đường anh qua
Chiều nay về đến Tam Đa
Chuông tàu điện báo vào ga cuối cùng”*

(Con rề làng Bưởi)

Để gia tăng tính chất đời thường trong ngôn ngữ thơ, Phạm Ngọc Cảnh còn sử dụng trong thơ những từ ngữ mang sắc thái biểu cảm sâu sắc, được thể hiện dưới hình thức của những câu thơ tự do:

*“Mẹ vuốt ngón gầy thương chót lá
lạy trời tháng bảy gió đừng to
lạy đất đừng chang chang héo lá
thong dong vườn ổi bước sang mùa”*

(Bao giờ ổi chín)

Hình ảnh của người mẹ tần tảo quê nhà sớm khuya mong *mưa thuận gió hòa* để mong mùa màng tươi tốt, được thể hiện dưới lớp từ ngữ nhẹ nhàng, dung dị nhưng chứa chan cảm xúc của nhà thơ.

Đưa ngôn ngữ đời thường hóa thân thành ngôn ngữ thơ trong thơ Phạm Ngọc Cảnh còn thể hiện ở chỗ nhà thơ đưa khá nguyên vẹn hình thức của những lời thoại bình thường trong thơ:

*Giữa xum vầy tiễn cha đi
Âu yếm nhìn con, mẹ hỏi
- Con trai mẹ lớn lên làm gì?*

- Con đi bộ đội!

(Trước đêm ra trận)

Tương tự như một số nhà thơ khác cùng thời, Phạm Ngọc Cảnh cũng gia tăng chất văn xuôi trong ngôn ngữ thơ, để đưa ngôn ngữ thơ ca gần với đời thường, đồng thời cũng làm tăng thêm tính chất tự nhiên, sinh động trong diễn đạt: *‘Ta đổ lửa vào đêm/ lách tách nổ đầu cành thông tiếng gọi/tiếng anh em Việt/ tiếng anh em Lào/ tiếng bàn chân dập dìu quanh ngọn lửa/ bên ấy bên này/ bên xoắn vào nhau’* (Lãm Vông). Những câu thơ in dấu tình đoàn kết, gắn bó anh em Việt Lào, nhờ vào cách tổ chức và sắp xếp từ ngữ trong câu: giản dị mà vẫn đạt hiệu quả diễn đạt cao.

Nhà phê bình lý luận văn học Đỗ Ngọc Yên từng thổ lộ: Thơ Phạm Ngọc Cảnh *“vừa cứu ông, lại vừa cứu bao đồng chí, đồng đội và đồng bào ta trên khắp mọi miền đất nước, trong những năm tháng chiến tranh chống Mỹ cam go và khốc liệt nhất”* [10, tr.431]. Đúng! Ông là nhà thơ của lính, của tình. Ngôn ngữ trong thơ ông vừa chứa chan bao cảm xúc của tình đời, vừa mang đậm chất lính - rất khỏe khoắn, lạc quan nhưng cũng rất gần gũi và thân thiết. Ông đã tái hiện những ngày tháng cam go của chiến trường bằng những ngôn từ của lính: *“ta đi lên/ hai mươi ba ngày đêm/ đất chặt cối nôm/ xác giặc đè lên ngọn cỏ/ cả sư đoàn siết nấc cò phần nộ/ giữa hai loạt súng tấn công”* (Nhật kí 935). Không cần quá cầu kì trong việc lựa chọn từ ngữ, nhà thơ đã chạm tới cái đích của sự thành công.

Mặc dù Phạm Ngọc Cảnh không cần sự cầu kì nhưng ông cũng không chấp nhận sự giản đơn. Chính vì thế, thơ của ông sử dụng phần nhiều ngôn ngữ giản dị, đời thường nhưng không sáo rỗng hay đơn điệu, cứng nhắc, ngược lại đọc thơ ông người đọc vẫn nhận thấy rõ sự tinh tế, sự sáng tạo và giàu cảm xúc. Mỗi vần thơ là sự lựa chọn, cân nhắc và cũng thể hiện sự chắt chiu, lượm lặt ngôn ngữ đời thường để hóa thành ngôn ngữ thơ ca và rồi những vần thơ: *“Anh lớn lên vó ngựa cuốn về đâu/ gặp câu hát bên lòng rong ruổi mãi/ đường đánh giặc trẩy xuôi về bến bãi/ Lý ngựa ô em hát đợi bên cầu”* (Lý ngựa ô ở hai vùng đất) mãi cuốn hút người yêu thơ.

3.3.2. Ngôn ngữ mang màu sắc tượng trưng

Là người nghệ sĩ của ngôn từ, ngôn ngữ trong thơ Phạm Ngọc Cảnh không chỉ thấm đẫm sự giản dị, gần gũi với đời thường mà còn mang màu sắc tượng trưng.

Đây cũng là một khía cạnh cơ bản của ngôn ngữ thơ, bởi theo Nguyễn Đình Thi “*đường đi của thơ là con đường đưa thẳng vào tình cảm, không quanh co, qua những chặng, những trung gian, những cây số. Văn xuôi lôi cuốn người như dòng nước, đưa ta đi lần lượt, từ điểm này qua điểm khác. Thơ, trái lại, chỉ chọn một ít điểm chính, bám vào những điểm ấy thì toàn thể động lên theo*”[53, tr.3]. Chính vì vậy, nên trong quá trình sáng tác thơ, các nhà thơ cũng rất chú ý tới ngôn ngữ mang màu sắc tượng trưng. Tùy theo khả năng, sự sáng tạo hay vận dụng của từng nhà thơ mà màu sắc ấy thể hiện một cách mờ nhạt hay rõ nét trên những trang thơ.

Khảo sát, nghiên cứu thơ Phạm Ngọc Cảnh chúng tôi nhận thấy ông sử dụng ngôn ngữ mang màu sắc tượng trưng trong thơ tuy không nhiều nhưng khá đặc sắc, thể hiện sự công phu trong sáng tạo nghệ thuật. Thơ ông luôn là sự *làm mới mình*, điều đó thể hiện cả ở việc sử dụng ngôn ngữ mang màu sắc tượng trưng. Nhà thơ không đi theo những lối mòn cũ kĩ trong các biểu tượng thơ mà đó là sự đổi mới, mang dấu ấn riêng của người viết. Chẳng hạn nói về tâm trạng đau xót của nhà thơ khi chứng kiến tội ác của kẻ thù ông viết “*Sỏi đá nhuộm máu hai thằng đế quốc/Dọc hai triền núi khoét huyết vùi chôn*”(Đêm Quảng Trị). *Sỏi đá* là hình ảnh tượng trưng cho quê hương, đất nước trong đau thương dưới sự xâm lược, áp bức của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ nhưng đồng thời cũng tượng trưng cho ý chí diệt thù của nhân dân ta, luôn vượt lên nỗi đau, kiên trung với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Còn với ‘*Sông Pơ Lin rất xanh*’ nhà thơ bày tỏ: ‘*Đến lượt sông Pơ Lin viết sử đời mình/ máu chảy đầu cây dựa quắm*’. Hình ảnh *máu chảy đầu cây dựa quắm* tượng trưng cho những hy sinh, mất mát của dân tộc ta trong kháng chiến để viết tiếp những trang sử anh hùng. Cũng vẫn nỗi đau đó còn là những câu thơ khác được viết với ngôn ngữ mang màu sắc tượng trưng sâu sắc: ‘*Máu đôi hàng phượng cháy bầm thân cây/ Thông gào đêm xé lòng mây*’ (Dạ, thừa anh) ; ‘*đi dưới tình chở che nhánh thông rừng rỉ máu*’ (Cơm chiều binh trạm). Hoặc thể hiện bản chất đê hèn của quân thù, nhà thơ không ngần ngại viết “*Quý dâm ô chui rúc dưới chân thành*” (Đêm xuân Huế đờ cờ bay). Hay sự thất bại thảm hại của chúng: ‘*bãi tha ma chặt đá sông Bô*’ (Nhật kí 935). Tất cả được tái hiện khá sống động trong ngôn ngữ mang màu sắc tượng trưng sắc sảo của nhà thơ.

Đặc biệt với bài thơ Trăng lên “là một trong những bài thơ hay viết về Bác Hồ bằng thể thơ năm chữ khá hiếm hoi trong hành trang thơ Phạm Ngọc Cảnh thật xúc động sâu sắc với một niềm thành kính thiết tha” [10, tr.449].

*“Trăng lên - kìa trăng lên
quảng trường dâng biển sáng
ôi vàng trắng Ba Đình
mênh mông và thiêng liêng*

Nếu như Viễn Phương dành hình ảnh *mặt trời* (Viếng lăng Bác) để nói về Bác với sự tồn tại vĩnh cửu trong lòng mỗi người dân Việt Nam như sự tồn tại của một mặt trời thật, Bác luôn soi sáng cho con đường của dân tộc ta đi thì Phạm Ngọc Cảnh với ánh trăng tượng trưng cho Bác với vẻ đẹp cao khiết mà giản dị, hiền hòa “*vàng trắng lăng Bác đẹp như vàng trắng cổ tích và Bác của chúng ta lại rất gần gũi với đời thường*” [10, tr.473]. Trăng và Bác tuy hai và cũng là một, cùng muôn đời cùng tỏa sáng cho thơ, cho đời, cho đất nước, con người Việt Nam. Không phải ngẫu nhiên mà bài thơ đã được nhạc sĩ Thuận Yến phổ nhạc và trở thành một trong những bài hát có sức sống bền bỉ cùng thời gian.

Sau này với khi viết những trang thơ thể sự, Phạm Ngọc Cảnh cũng sử dụng ngôn ngữ mang màu sắc tượng trưng để bộc bạch dòng suy ngẫm của mình: ‘*Bến mồn đá bậc trầm ngâm/ Sông quên ngân lũ wót giã câu thương*’ (Sông về bến ở). Có thể nói hình ảnh *bến, đá, sông, câu thương* là những biểu tượng đa nghĩa được tác giả xây dựng dựa trên sự liên thông về ý nghĩa với nhau, gợi những suy tư của nhà thơ trước cuộc đời. Theo sự vận động của nhịp sống, con người luôn có sự thay đổi, đi lên đáp ứng những yêu cầu của thời đại. Những định kiến hẹp hòi hay bảo thủ, trì trệ cần được loại trừ. Về những biểu tượng đa nghĩa được xây dựng dựa trên sự liên thông về nghĩa với nhau, là một đặc điểm nổi bật của thơ tượng trưng sau năm 1975, được nhiều nhà thơ vận dụng và sáng tạo.

Tạo ấn tượng với người đọc trong thơ Phạm Ngọc Cảnh còn là các câu thơ khác như: ‘*Heo may nhả nhúm tuổi gầy/ se sắt vẩy cũng lay phay về trời*’ (Luân khúc) ; ‘*Mây rồi cảm gió rồi cung/ còn ai đoán nữa xin đừng thương vay*’ (Hồi ký). Có thể thấy bao nhiêu trăn trở trước những gò ghề của cuộc đời được nhà thơ gói ghém khá trọn vẹn trong những hình ảnh thơ rất đời thường, dung dị mà cũng *Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN* <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

thâm trầm, sâu sắc. Chất liệu dành cho ngôn ngữ mang màu sắc tượng trưng trong thơ ông không quá cầu kì, khó hiểu mà gần gũi như chính con người nhà thơ ngoài đời thực.

Sẽ là thiếu sót nếu không nói tới những bài thám đượm chất trữ tình trong thơ Phạm Ngọc Cảnh, bởi ông đã có nhiều sáng tạo trong việc vận dụng ngôn ngữ để thể hiện tâm trạng của mình:

*‘Lá rụng che mờ nẻo vắng
anh thương thu ơi bước một mình
giã úa thời gian buồn ngoái gọi
nắng bắt cập thả vàng bói rói
cành mới gánh hồ sương đêm’’*

(Mùa thu một mình)

Cũng là *thu* nhưng với ông không phải chỉ là *thu* mang sắc màu của thời gian mà đó là em, là người tình, người bạn đời dịu hiền mà yêu thương tha thiết. Pha trong nguồn cảm xúc đó là chút *thả vàng bói rói* của nắng, là chút *hồ hững* của *sương đêm* và đây cũng chính là những cung bậc rất thành thực của một trái tim đang yêu, vừa mang sự e lệ, thẹn thùng, chút mơ màng mà vẫn nồng nhiệt, đắm say. Có thể nói mảng đề tài tình yêu lứa đôi là một nguồn thi hứng không bao giờ vơi cạn, các thi nhân luôn thỏa sức vẫy vùng với các biểu tượng khác nhau. Đó là một biểu tượng sống, biến trong trái tim người con gái rạo rực, khao khát yêu đương trong thơ Xuân Quỳnh. Đây là những hình tượng nghệ thuật đã chuyển tải cảm xúc, quan niệm của nữ thi sĩ về tình yêu. Đó là một mùa thu biểu trưng cho tình yêu thiết tha, nồng cháy của một trái tim người lính đa tình Phạm Ngọc Cảnh.

Về sự vận dụng ngôn ngữ thơ mang màu sắc tượng trưng, Phạm Ngọc Cảnh cũng đã ý thức được sự xáo mòn trong việc vận dụng các biểu tượng thơ. Vậy nên, trong thơ ông người đọc nhận thấy có những điểm mới, thể hiện sự miệt mài trong sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ. Về điều này người đọc có thể khám phá trong việc nhà thơ sử dụng một số biểu tượng thơ. Chẳng hạn trong những vần thơ như : *‘Ngày đến chân ngày nhẹ thên/ đêm lui dấu ủ gập ghềnh lối hoa’’* (Trăng mật tuần đầu). Người đọc bắt gặp những biểu tượng thơ cũ (*lối hoa*) nhưng nhà thơ đã vận dụng và đem tới cho nó nghĩa mới. *Lối hoa* ở đây có thể hiểu đó là những vất vả, khó khăn *Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN* <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

của nhịp sống mới mà một người lính trở về sau cuộc chiến, một nhà thơ với gánh nặng cuộc sống đang mang trên vai phải bươn bả hòa theo. Hoặc các câu thơ : *‘Ăn mày phơi trắng bàn tay/ trời phơi lúa lép như mây ngoài đồng’* (Vòng loanh quanh). Nhà thơ đã sử dụng lối so sánh ví von từ những biểu tượng quen thuộc của cuộc sống nông nghiệp nhằm thể hiện những khó khăn, vất vả của người lính trước cuộc sống hiện đại.

Như vậy, tuy không nhiều nhưng nhà thơ cũng đã để lại cho người đọc nhiều ấn tượng với những vần thơ thể hiện bằng ngôn ngữ mang màu sắc tượng trưng sâu sắc, tinh tế. Qua đó, thêm một lần nữa khẳng định tài năng, sự sáng tạo không ngừng của một Phạm Ngọc Cảnh trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại.

“Nếu chưa viết được bây giờ, hãy dọn ra trong lòng mình một khoảng trống dành cho những gì còn chưa viết được, hãy để cho thời gian lắng đọng, kết tinh lại rồi hãy viết - Đó là bí quyết của ông” [10, tr.442]. Bí quyết đó đã làm nên thành công của một nhà thơ luôn biết kế thừa, phát huy những tinh hoa của dân tộc với thể thơ lục bát. Bên cạnh đó, ông cũng không ngừng cách tân, đổi mới, đem đến cho thể thơ dân tộc một thanh âm mới trong trẻo và khỏe khoắn, mang đặc điểm thơ Phạm Ngọc Cảnh. Nhà thơ cũng không ngừng phát huy những thế mạnh của mình trong việc vận dụng thể thơ tự do để thể hiện những nguồn cảm xúc phong phú, đa dạng, đáp ứng tốt yêu cầu của thời đại. Mặt khác, để góp phần làm nên một phong cách rất riêng của một Phạm Ngọc Cảnh, ông đã có nhiều sáng tạo trong việc vận dụng giọng điệu thơ, ngôn ngữ thơ vào trong sáng tác. Đó là một giọng điệu tâm tình mà sâu lắng, giọng xót xa, ngậm ngùi, giọng suy tư, triết lý. Các giọng điệu này được nhà thơ vận dụng linh hoạt trong các sáng tác để tạo nên sự nhịp nhàng, tính cân đối, sự tự nhiên, góp phần thể hiện những cảm xúc, suy tư của người sáng tác. Đó còn là vốn ngôn ngữ, giản dị mà gần gũi với đời thường, là ngôn ngữ mang màu sắc tượng trưng sâu sắc. Đặc biệt nhà thơ khá thành công trong việc lựa chọn đưa ngôn ngữ thường ngày hóa ngôn ngữ thơ ca, để tạo nên những vần thơ vừa dung dị, đời thường nhưng không kém phần tinh tế. Đồng thời, cũng thể hiện về một người nghệ sĩ luôn nỗ lực, cố gắng, không ngừng học hỏi, luôn sáng tạo và đầy bản lĩnh khẳng định tên tuổi mình trên thi đàn thơ ca Việt Nam hiện đại. Qua đó, người đọc nhận thấy tấm lòng chân thành tha thiết của người

con xứ Nghệ với đất nước, quê hương, với nhân dân trong mọi hoàn cảnh. Và dẫu ‘*từ nay, những ngôi làng ven sông Đuống tháng tư Hội Gióng tung bùng không còn bóng một người con trai xứ Nghệ mang giấc mơ Phù Đổng đã rong ruổi tâm hồn yêu nước suốt mọi cuộc trường chinh giữ nước*’ [10, 537] nhưng Phạm Ngọc Cảnh đã để lại trong lòng bạn đọc và người lính một tình cảm đặc biệt đó là *sự trân trọng và quý mến*. Đây cũng chính là một giải thưởng lớn mà không hẳn người nghệ sĩ nào cũng đạt được.

KẾT LUẬN

1. Phạm Ngọc Cảnh là nhà thơ xuất hiện trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ gian khổ mà hào hùng của dân tộc. Ngay từ khi mới xuất hiện, Phạm Ngọc Cảnh đã khẳng định được cá tính sáng tạo của mình với những vần thơ giàu cảm xúc, tinh tế, mang chiều sâu trí tuệ, được thu nhận từ vốn sống từng trải của chính nhà thơ. Ông thuộc lớp những nhà thơ tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước đầu tiên trần trở tìm tòi, đổi mới thi pháp. Từ đó cho đến khi về với đất mẹ, Phạm Ngọc Cảnh say sưa sáng tác, hàng chục tập thơ được in với những vần thơ đi vào lòng bạn đọc, ghi dấu ấn không thể quên (*Sư đoàn, Lí ngựa ô ở hai vùng đất, Trăng lên...*) và giải thưởng nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007 như một minh chứng cho sự lao động nghệ thuật miệt mài, nghiêm túc của nhà thơ.

2. Tìm hiểu về Đặc điểm thơ Phạm Ngọc Cảnh, chúng ta hình dung phần nào con đường đời của nhà thơ gắn với con đường binh nghiệp và con đường thơ. Khi ông mới 13 tuổi đã tình nguyện đứng vào hàng ngũ Vệ quốc quân, rồi trở thành diễn viên kịch nói. Tuy là diễn viên nhưng ông vẫn say sưa sáng tác thơ. Yêu thơ, yêu người, Phạm Ngọc Cảnh đã đi khắp mọi miền đất nước với hành trang thật đơn giản nhưng với trí nhớ thông tuệ, tấm lòng nhân hậu và sự đồng cảm sâu sắc ông đã làm sống lại những huyền thoại, những vùng đất với hình ảnh trung tâm là người lính. Và cả sau khi đất nước giải phóng, con người ấy vẫn luôn đầy ắp những suy tư, trần trở với thế sự, cuộc đời, với đất nước hòa bình nhưng còn gian lao.

3. Nhà thơ luôn tỏ ra không bằng lòng với mình, không chịu yên vị, luôn trần trở làm mới thơ mình. Ông luôn linh hoạt, biến hóa qua các đề tài, hình thức, để không lặp lại chính mình.

Phạm Ngọc Cảnh là tạng người thơ không chịu cũ. Nhà thơ luôn ý thức được việc làm mới mình để có thể đồng hành cùng với nền thơ đương đại và nhịp thở nóng hổi của cuộc sống thường nhật.

Dù trữ tình hay tự sự, hướng nội hay hướng ngoại, thơ Phạm Ngọc Cảnh luôn để lại những dấu ấn sáng tạo - dấu ấn lao động trong thơ góp phần đem đến sự đa dạng, nhiều màu sắc trong nền thơ ca dân tộc.

4. Xuất hiện trong buổi đầu của nền thơ chống Mỹ với rất nhiều tên tuổi nổi tiếng, thơ Phạm Ngọc Cảnh vẫn mang đến một tiếng nói riêng, không trộn lẫn. Thế giới nghệ thuật thơ Phạm Ngọc Cảnh không phải ngẫu nhiên xuất hiện trong một sớm một chiều, mà được nảy sinh, phát triển và hoàn thiện dần trong quá trình sáng tác hơn nửa thế kỷ của nhà thơ. Đó là niềm đam mê tâm huyết đối với thơ ca của một người lính nặng tình với quê hương đất nước. Thơ Phạm Ngọc Cảnh hấp dẫn người đọc bởi các nguồn cảm hứng phong phú (cảm hứng chiến tranh và người lính; cảm hứng thế sự, đời tư), bởi sự thể hiện các cấp độ của cái tôi trữ tình. Về nghệ thuật, Phạm Ngọc Cảnh có những tìm tòi, sáng tạo trong việc vận dụng các thể thơ (thơ tự do, thơ lục bát, thơ văn xuôi), trong ngôn ngữ (giản dị, gần gũi với đời thường, ngôn ngữ mang màu sắc tượng trưng) và các sắc thái giọng điệu đa dạng (trữ tình sâu lắng, xót xa, day dứt, suy tư triết lý)...

5. Những kết quả nghiên cứu mà luận văn đề cập đến mới chỉ là những nét tiêu biểu trong Đặc điểm thơ Phạm Ngọc Cảnh. Đặt trong sự vận động và phát triển chung của tiến trình thơ ca Việt Nam hiện đại, đề tài này hy vọng sẽ gợi mở được những hướng tiếp cận, nghiên cứu khác nhau về thơ Phạm Ngọc Cảnh. Từ đó, chúng ta tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò và ý nghĩa thơ Phạm Ngọc Cảnh trong nền thơ Việt Nam hiện đại. Cuối cùng người viết hy vọng thơ Phạm Ngọc Cảnh sẽ ngày càng nhận được nhiều sự đồng cảm và chia sẻ hơn nữa từ các bạn đọc nhiều thế hệ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aristote (1964), *Nghệ thuật thơ ca*, Nxb Văn hóa - Nghệ thuật
2. Vũ Tuấn Anh(1996), "Sự vận động của cái tôi trữ tình và tiến trình thơ ca", *Tạp chí văn học 1*.
3. Lại Nguyên Ân (1998), *150 thuật ngữ văn học*.
4. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, <https://vi.wikipedia.org/wiki/Thơ>, ngày 25/5/2017.
5. Ngô Vĩnh Bình (2014) *Nhớ và tiễn biệt anh Phạm Ngọc Cảnh* báo Người bạn đường, Hội văn học nghệ thuật Việt Nam tại Liên Bang Nga, ngày 24/10/2014.
6. Phạm Quốc Ca (1999), *Thơ trữ tình công dân trong nền thơ Việt Nam đổi mới*, Tạp chí Văn nghệ Quân đội số 3.
7. Phan Thế Cải (2014) *Phạm Ngọc Cảnh - một nhà thơ, một trái tim người lính* - báo Hà Tĩnh, ngày 23/10/2014.
8. Phạm Ngọc Cảnh (2015) *Tập thơ Đêm Quảng Trị, Lối vào phía Bắc, Trăng sau rằm, Nhật lá*, Nxb Hội nhà văn.
9. Phạm Ngọc Cảnh (1998), *tập thơ Bến tìm sông*, Nxb Thanh niên
10. Phạm Ngọc Cảnh (2015), Tác phẩm tuyển chọn, Nxb Hội nhà văn
11. Nguyễn Phan Cảnh (2001), *Ngôn ngữ thơ*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
12. Xuân Diệu (1965), Vài ý kiến về thơ văn xuôi, Văn nghệ số 88, ngày 1/1/1965
13. Hữu Đạt (1996), *Ngôn ngữ thơ Việt Nam*, Nxb Giáo dục
14. Nguyễn Đăng Điệp (2002), *Giọng điệu trong thơ trữ tình*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
15. Hà Minh Đức (Chủ biên, 1999), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục
16. Hà Minh Đức (1998), *Thơ và mấy vấn đề thơ trong thơ trữ tình*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
17. G.N.Pospelov (chủ biên) (1985), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
18. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2004), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

19. Trần Thị Hằng (2014), *Thế giới nghệ thuật thơ Nguyễn Đức Mậu*, Luận văn thạc sĩ, Đại học sư phạm Thái Nguyên.
20. Nguyễn Văn Hạnh, Huỳnh Như Phương (1999), *Lý luận văn học - Vấn đề và suy nghĩ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
21. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (2003), *Từ điển thuật ngữ Văn học*, Nxb Hà Nội.
22. *Hồ Chí Minh toàn tập* (1995), Nxb Chính trị quốc gia.
23. Cao Giáng Hương (2015), *Đại tá, nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh vang bóng một thời với vai trung úy Phương trong vở kịch Nổi gió*, đăng trên sankhau.com.vn, ngày 3/4/2015.
24. Mai Hương (1981), "Nghĩ về đội ngũ trẻ trong thơ kháng chiến chống Mỹ", *Tạp chí văn học* (1).
25. Trần Hoàng Thiên Kim (2009), *Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh, gập ghềnh câu hát lí ngựa ô*, đăng trên vncn.cand.com.vn, ngày 20/8/2009.
26. Trần Hoàng Thiên Kim (2012), *Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh - từ câu lí ngựa ô đến câu hò sông Mã*, đăng trên Báo Mới, ngày 18/2/2012.
27. Trần Hoàng Thiên Kim (2014) *Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh: Thác là thể phách, còn là tinh anh* đăng trên baotintuc.vn, ngày 23/10/2014.
28. Trần Hoàng Thiên Kim (2014), *Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh: Khi nước mắt đắng vào huyết mộ* đăng trên antg.cand.com.vn, ngày 12/11/2014.
29. Trần Hoàng Thiên Kim (2016) *Phạm Ngọc Cảnh: Ta như thung lũng khuất phù sinh* đăng trên vanvn.net, ngày 21/12/2016.
30. Mã Giang Lân (1989), "Thơ hôm nay", *Tạp chí văn học 1*, Hà Nội.
31. Mã Giang Lân (2001), *Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Giáo dục.
32. Tăng Tấn Lộc (2006), *Đi tìm thể lục bát Việt Nam*, w.w.w.vanchuongviet.org, ngày 20/10/2006.
33. Phương Lựu (chủ biên) (2001) *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
34. Lê Thành Nghị (2016) *Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh về nơi ba con sông chảy đến*, đăng trên vanvn.net, ngày 19/7/2016.
35. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (Đồng chủ biên 2006), *Thơ ca Việt Nam - hình thức và thể loại*, Nxb ĐHQGHN.

36. Nhiều tác giả (1971), *Suy ngẫm và bình luận*, Nxb văn học.
37. Nhiều tác giả (1995), *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học 1945 - 1954*, Nxb Khoa học xã hội.
38. Nhiều tác giả (1995), *Chiến trường sống và viết*, Nxb Hội nhà văn.
39. Nhiều tác giả (1996), *50 năm nền văn học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám*, Nxb Giáo dục.
40. Bảo Ninh (1992), *Nỗi buồn chiến tranh*, Nxb Văn học.
41. Lê Lưu Oanh (1998), *Thơ trữ tình Việt Nam 1975 - 1990*, Nxb Đại học Sư phạm.
42. Nguyễn Ngọc Phú (2014), *Nhớ nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh* báo Gia đình và Xã hội, ngày 27/10/2014.
43. Nguyễn Ngọc Phú (2014), *Phạm Ngọc Cảnh, nhà thơ áo lính trọn đời*, đăng trên nhavantphcm.com.vn, ngày 29/10/2014.
44. Vũ Quần Phương (2015), *Để văn học đề tài chiến tranh và người lính gần gũi và hấp dẫn bạn đọc*, vannghequandoi.com.vn, ngày 25/11/2015.
45. Trần Đình Sử (1983), *Phẩm chất cái tôi trữ tình*, Tạp chí Văn học số 1.
46. Trần Đình Sử (1997), *Dẫn luận thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
47. Trần Đình Sử (1997), *Những thế giới nghệ thuật thơ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
48. Trần Đình Sử (2003), *Lý luận phê bình văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
49. Nguyễn Trọng Tạo (2011), *Thơ văn xuôi hay thơ không văn*, Nguyentrongtao.ifo, ngày 12/9/2011.
50. Bùi Quang Thanh (2014) *Kỷ niệm về Đại tá, Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh*, Văn học nghệ thuật Hà Tĩnh, ngày 23/10/2014.
51. Hoài Thanh, Hoài Chân (2005), *Thi nhân Việt Nam*, Nxb Văn học.
52. Ngô Thảo (2015), *Nhớ Phạm Ngọc Cảnh: Rừng thưa đã khép*, Báo Công an nhân dân, ngày 29/10/2015.
53. Nguyễn Đình Thi (2001), *Mấy ý nghĩ về thơ*, Nxb Văn học, Hà Nội
54. Lưu Khánh Thơ (1990) *Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh*; In trong *Nghệ Tĩnh gương mặt nhà văn hiện đại*, Nxb Văn hóa.
55. Hoàng Trung Thông (chủ biên) (1979) *Văn học Việt Nam chống Mỹ cứu nước*, Nxb khoa học xã hội Hà Nội.
56. Vũ Duy Thông (1998), *Cái đẹp trong thơ kháng chiến Việt Nam 1945 -1975*, Nxb Giáo dục.

57. Lương Thị Tình (2014), *Cái Tôi trữ tình trong thơ Lưu Quang Vũ*, Luận văn thạc sĩ, Đại học khoa học xã hội và nhân văn.
58. Nguyễn Nghĩa Trọng (1984), *Tìm hiểu ngôn ngữ thơ*, Tạp chí Văn học.
59. Đỗ Minh Tuấn (2014) *Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh*, báo văn hóa Nghệ An, ngày 21/10/2014.
60. Viện văn học (1984), *Nhà thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
61. Viện văn học (1990), *Văn học và hiện thực*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
62. Cảnh Vũ, (2015) *Tôn lên vẻ đẹp cao quý của một nhà thơ tài năng*, đăng trên cand.com.vn, ngày 22/12/2015.
63. Nguyễn Ngọc Vượng (2014), *Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh với con sông Cụt, trăm nhớ ngàn thương*, đăng trên dantri.com.vn, ngày 27/10/2014.
64. Trần Đăng Xuyên (2002), *Mấy ghi nhận về thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mỹ, Nhà văn hiện thực đời sống và cá tính sáng tạo*, Nxb Văn học.